

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH - TỈNH HÀ TĨNH

Hà Tĩnh, năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH

Ngày..... tháng..... năm 2025

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ký tên, đóng dấu)

Ngày..... tháng..... năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH

(Ký tên, đóng dấu)

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1. Tính cấp thiết của công tác lập kế hoạch sử dụng đất	1
2. Mục đích và yêu cầu lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025	2
3. Căn cứ pháp lý và cơ sở thực hiện lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025	2
4. Nội dung chính báo cáo	5
PHẦN I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ KINH TẾ - XÃ HỘI	6
1.1. Điều kiện tự nhiên	6
1.1.1. Vị trí địa lý	6
1.1.2. Địa hình	6
1.1.3. Khí hậu	6
1.1.4. Thủy văn	7
1.1.5. Các nguồn tài nguyên	8
1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội	9
1.2.1. Khái quát thực trạng phát triển kinh tế, xã hội	9
1.2.2. Kết quả đạt được	9
1.2.3. Một số tồn tại, hạn chế	15
PHẦN II. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC	18
2.1. Hiện trạng sử dụng đất năm 2024	18
2.2. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước	22
2.2.1. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất	22
2.2.2. Đánh giá kết quả thực hiện các công trình, dự án	28
2.3. Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất	58
2.3.1. Đánh giá hiệu quả kinh tế	58
2.3.2. Đánh giá hiệu quả xã hội	58
2.3.3. Đánh giá hiệu quả môi trường	59
2.4. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước	59
PHẦN III. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	60
3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất	60
3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực	60

3.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 chưa thực hiện hết chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2025.....	60
3.2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân.....	69
3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất	71
3.3.1. Kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp	73
3.3.2. Kế hoạch sử dụng đất phi nông nghiệp	77
3.4. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng.....	85
3.5. Diện tích các loại đất cần thu hồi.....	87
3.6. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích	88
3.7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch.....	89
3.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất	89
3.8.1. Cơ sở tính toán	89
3.8.2. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai	90
3.8.3. Kết quả tính toán	90
PHẦN IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	
.....	91
4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường	91
4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất	91
4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất...	92
4.4. Các giải pháp khác	93
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	95
1. Kết luận.....	95
2. Kiến nghị.....	95

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tính cấp thiết của công tác lập kế hoạch sử dụng đất

Đất đai là tài nguyên Quốc gia vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt, thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống, địa bàn xây dựng và phát triển dân sinh, kinh tế xã hội, quốc phòng và an ninh. Vai trò của đất đối với con người và các hoạt động sống trên trái đất rất quan trọng, nhưng lại giới hạn về diện tích và cố định về vị trí. Do vậy, việc sử dụng đất phải hết sức tiết kiệm và hợp lý trên cơ sở hiệu quả, lâu bền.

Công tác lập kế hoạch sử dụng đất là một yêu cầu đặc biệt để các địa phương đề xuất hướng sử dụng đất hợp lý cho tất cả các lĩnh vực kinh tế – xã hội, tránh được sự chông chéo, gây lãng phí trong sử dụng đất. Điều này, sẽ góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng tiềm năng đất đai của địa phương. Đây là một nội dung quan trọng để quản lý Nhà nước về đất đai và được thể chế hóa trong Luật Đất đai năm 2024 đồng thời được hướng dẫn thực hiện chi tiết tại thông tư 29/2024/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Việc lập kế hoạch sử dụng đất có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng nhằm xây dựng kế hoạch sử dụng đất chi tiết, là cơ sở pháp lý cho công tác quản lý Nhà nước về đất đai, làm căn cứ cho việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đáp ứng các mục tiêu về phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng, an ninh. Đồng thời, việc lập kế hoạch sử dụng đất là một biện pháp hữu hiệu của Nhà nước nhằm hạn chế việc sử dụng đất chông chéo, lãng phí, bất hợp lý, kém hiệu quả, ngăn chặn các hiện tượng tranh chấp, lấn chiếm, huỷ hoại đất, bảo đảm mối quan hệ hài hòa giữa khai thác và sử dụng đất để phát triển đô thị với sử dụng đất bền vững và bảo vệ môi trường sinh thái phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của thành phố đã được phê duyệt. Kế hoạch sử dụng đất cũng là cơ sở để UBND thành phố Hà Tĩnh cân đối giữa các khoản thu ngân sách từ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; các loại thuế liên quan đến đất đai và các khoản chi cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Thực hiện Nghị quyết số 1283/NQ-UBTVQH15 ngày 02/12/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2023 – 2025, theo đó, địa giới hành chính thành phố Hà Tĩnh đã được mở rộng, sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy

mô dân số của 14 xã lân cận. Trong đó có 11 xã thuộc huyện Thạch Hà (Đình Bàn, Thạch Hải, Thạch Hội, Thạch Khê, Thạch Lạc, Thạch Thắng, Thạch Trì, Thạch Văn, Tượng Sơn, Tân Lâm Hương và Thạch Đài); 2 xã thuộc huyện Cẩm Xuyên (Cẩm Vĩnh và Cẩm Bình) và xã Hộ Độ (huyện Lộc Hà). Theo đó, kế hoạch sử dụng đất cũng phải tích hợp các xã trên từ kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Thạch Hà, Lộc Hà và Cẩm Xuyên để đánh giá.

Căn cứ văn bản số 4476/STNMT-Đ Đ2₆ ngày 07/10/2024 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh về việc triển khai kế hoạch sử dụng đất năm 2025 cấp huyện và đăng ký danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất. Để sử dụng hợp lý, có hiệu quả nguồn tài nguyên đất, bảo vệ cảnh quan và môi trường sinh thái, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội UBND thành phố Hà Tĩnh đã tiến hành lập **“Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Hà Tĩnh”**

2. Mục đích và yêu cầu lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025

- Tạo ra một tầm nhìn chiến lược trong quản lý và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên đất đai của thành phố, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của thành phố trong năm 2025.

- Đề xuất hướng sử dụng đất hợp lý, hiệu quả, đáp ứng kịp thời nhu cầu thực tế cho tất cả các ngành trên địa bàn thành phố trong năm 2025.

- Khoanh định và bố trí các mục đích sử dụng đất nhằm giải quyết, khắc phục những bất hợp lý trong việc sử dụng đất.

- Tạo cơ sở pháp lý và khoa học cho việc xúc tiến đầu tư, tiến hành các thủ tục thu hồi đất, giao đất, sử dụng đất đúng pháp luật, đúng mục đích, có hiệu quả; từng bước ổn định tình hình quản lý và sử dụng đất.

- Các nhu cầu sử dụng đất phải được tính toán chi tiết đến từng công trình, từng địa phương đảm bảo độ chính xác cao trong thực tế.

- Bảo đảm mối quan hệ hài hòa giữa khai thác và sử dụng đất để phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái.

3. Căn cứ pháp lý và cơ sở thực hiện lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025

- Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

- Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;
- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đất đai;
- Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa;
- Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;
- Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục thu hồi đất, chuyển mục đích đất lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng: Số 100/NQ-HĐND ngày 16/12/2022; Số 115/NQ-HĐND ngày 06/6/2023; Số 126/NQ-HĐND ngày 14/7/2023; Số 139/NQ- HĐND ngày 08/12/2023; Số 166/NQ- HĐND ngày 04/5/2024; Số 173/NQ- HĐND ngày 18/7/2024; Số 198/NQ- HĐND ngày 30/8/2024; Số 224/NQ- HĐND ngày 13/12/2024;
- Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 3926/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Hà Tĩnh và vùng phụ cận giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050;
- Quyết định số 1908/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng xã Thạch Hưng, thành phố Hà Tĩnh, tỷ lệ 1/2000;
- Quyết định số 1719/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng phường Thạch Quý, thành phố Hà Tĩnh, tỷ lệ 1/2000;
- Quyết định số 1994/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị 2 bên đường Ngô Quyền tại xã Thạch Trung, thành phố Hà Tĩnh, tỷ lệ 1/500;

- Quyết định số 1913/QĐ-UBND ngày 26/4/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết Xây dựng khu du lịch dịch vụ, sinh thái ven sông tại vùng Đồng Ghè, xã Thạch Hạ tỷ lệ 1:500;

- Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 16/3/2022 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Lộc Hà;

- Quyết định số 1777/QĐ-UBND ngày 27/8/2022 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 của thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh;

- Các Quyết định của UBND tỉnh: số 1851/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 về phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Thạch Hà; số 989/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 về việc phê duyệt bổ sung Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 của huyện Thạch Hà;

- Quyết định 1223/QĐ-UBND ngày 01/6/2023 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc điều chỉnh quy mô diện tích, vị trí và loại đất sử dụng một số công trình, dự án trong quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 – 2030 của huyện Lộc Hà;

- Quyết định 1456/QĐ-UBND ngày 22/6/2023 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc điều chỉnh địa điểm, quy mô diện tích và loại đất sử dụng một số công trình, dự án trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030, thành phố Hà Tĩnh;

- Quyết định số 3346/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch khu du lịch dịch vụ, sinh thái ven sông tại vùng Đồng Ghè, xã Thạch Hạ, thành phố Hà Tĩnh, tỷ lệ 1/500;

- Quyết định của UBND tỉnh Hà Tĩnh: Số 195/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 về việc phê duyệt phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 của huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh; Số 1655/QĐ-UBND ngày 14/7/2023 về việc điều chỉnh địa điểm, quy mô diện tích và loại đất sử dụng một số công trình, dự án trong quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030, huyện Cẩm Xuyên;

- Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 22/02/2024 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc điều chỉnh địa điểm, quy mô diện tích và loại đất sử dụng một số công trình, dự án trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030, thành phố Hà Tĩnh;

- Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 26/02/2024 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất huyện Thạch Hà;

- Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 04/3/2024 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất huyện Cẩm Xuyên;

- Quyết định số 650/QĐ-UBND ngày 12/3/2024 của UBND tỉnh Hà Tĩnh

về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Lộc Hà;

- Quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 12/3/2024 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất thời kỳ năm 2024 của thành phố Hà Tĩnh;

- Quyết định 1483/QĐ-UBND ngày 17/6/2024 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc điều chỉnh quy mô diện tích, vị trí và số lượng các công trình, dự án trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 – 2030 của huyện Lộc Hà;

- Quyết định số 1735/QĐ-UBND ngày 15/7/2024 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng xã Thạch Bình, thành phố Hà Tĩnh, tỷ lệ 1/2.000 (giai đoạn 1);

- Quyết định số 1862/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc điều chỉnh quy mô diện tích và số lượng công trình, dự án trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của thành phố Hà Tĩnh.

- Quyết định số 2251/QĐ-UBND ngày 23/9/2024 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2024 các huyện, thành phố, thị xã;

- Nghị quyết số 1283/NQ-UBTVQH15 ngày 02/12/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2023 – 2025;

- Các tài liệu, số liệu, bản đồ có liên quan đến đất đai.

4. Nội dung chính báo cáo

Nội dung báo cáo kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố Hà Tĩnh bao gồm 4 phần sau:

Phần I: Điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội;

Phần II: Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 và kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước;

Phần III: Xây dựng kế hoạch sử dụng đất;

Phần IV: Giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

PHẦN I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ KINH TẾ - XÃ HỘI

1.1. Điều kiện tự nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý

Thành phố Hà Tĩnh thuộc vùng Bắc Trung bộ, nằm trên trục đường Quốc lộ 1A, cách thủ đô Hà Nội 340 km, thành phố Vinh 50 km về phía Nam; cách thành phố Huế 314 km về phía Bắc và cách biển Đông 12,5 km.

- Phía Bắc và phía Tây giáp: huyện Thạch Hà.
- Phía Nam giáp: huyện Cẩm Xuyên.
- Phía Đông giáp: biển Đông.

Tổng diện tích tự nhiên là 22.000,03 ha, dân số 266.321 người, có 27 đơn vị hành chính, gồm 12 phường (Bắc Hà, Đại Nài, Đồng Môn, Hà Huy Tập, Nam Hà, Tân Giang, Thạch Hạ, Thạch Hưng, Thạch Trung, Trần Phú, Thạch Quý và Văn Yên) và 18 xã (Cẩm Bình, Cẩm Vinh, Đinh Bàn, Hộ Độ, Tân Lâm Hương, Thạch Bình, Thạch Đài, Thạch Hải, Thạch Hội, Thạch Khê, Thạch Lạc, Thạch Thắng, Thạch Trị, Thạch Văn, Tượng Sơn).

1.1.2. Địa hình

Thành phố Hà Tĩnh nằm trong vùng đồng bằng ven biển miền Trung, địa hình tương đối bằng phẳng, cao độ nền biến thiên từ +0,5m đến +3,0m.

Địa hình của các khu vực đã xây dựng trong nội thị có cao độ từ +2,0 đến +3,0m, các khu ruộng trũng có cao độ nền từ +1,0m đến +2,3m và khu vực dọc theo sông Rào Cái có cao độ nền từ + 0,7 đến + 1,1m.

1.1.3. Khí hậu

Tỉnh Hà Tĩnh nói chung và thành phố Hà Tĩnh nói riêng nằm trong vùng khí hậu Bắc Trung Bộ, có hai mùa rõ rệt là mùa đông khô và lạnh kéo dài từ tháng 11 đến tháng 4, mùa hè nóng ẩm từ tháng 5 đến tháng 10.

* Nhiệt độ không khí:

- + Nhiệt độ trung bình năm là: 23,8⁰C.
- + Nhiệt độ cao nhất trung bình năm: 27,5⁰C.
- + Nhiệt độ thấp nhất trung bình năm: 21,3⁰C.
- + Nhiệt độ tối cao tuyệt đối là: 39,7⁰C.
- + Nhiệt độ thấp tuyệt đối: 10⁰C.

* Độ ẩm không khí:

- + Độ ẩm tương đối bình quân năm 86%.
- + Độ ẩm tương đối bình quân tháng 85% - 93%.

* **Nắng:**

+ Số giờ nắng trung bình trong các tháng mùa đông là: 93h.

+ Số giờ nắng trung bình trong các mùa hè là: 178h.

* **Lượng bốc hơi:**

+ Lượng bốc hơi trung bình tháng cao nhất là: 131,18mm.

+ Lượng bốc hơi trung tháng thấp nhất là: 24,97mm.

+ Lượng bốc hơi trung bình năm là: 66,64mm.

* **Mưa:**

Thành phố Hà Tĩnh thuộc vùng mưa nhiều, mưa lớn.

+ Lượng mưa trung bình năm là 2661mm.

+ Lượng mưa tháng lớn nhất 1450mm.

+ Lượng mưa ngày lớn nhất 657,2mm.

* **Gió, bão:**

Hà Tĩnh thuộc vùng chịu ảnh hưởng của bão nhiều trong khu vực miền trung. Bão thường xuất hiện từ tháng 7 đến tháng 10, Tốc độ gió đạt 40m/s, gió mạnh nhất thường xuất hiện theo hướng Bắc, Tây Bắc, Đông Nam, bão thường kéo theo mưa lớn gây ra lụt.

+ Gió: Hướng gió chủ đạo Tây Nam, Đông Bắc.

+ Gió Tây Nam khô nóng từ tháng 4 đến tháng 8 (hai tháng nóng nhất là tháng 6 và tháng 7).

+ Gió Đông Bắc từ tháng 11 đến tháng 3.

1.1.4. Thủy văn

Chế độ thủy triều:

- Chế độ thủy triều của vùng ven biển Hà Tĩnh thuộc chế độ nhật triều không đều.

Trong tháng xuất hiện 2 lần triều cường và hai lần triều kém trung bình một chu kỳ triều là 14-15 ngày. Biên độ triều lớn nhất trong năm thường xuất hiện vào mùa cạn. Từ tháng 5 đến tháng 6. Biên độ triều trung bình tại Cửa Sót là 117cm. Trong mùa cạn ảnh hưởng của thủy triều vào nội địa khá xa nhiều khi vào sâu 24km. Triều vào ngược dòng chảy của sông làm cho độ nhiễm mặn của nước sông vùng này tăng lên làm ảnh hưởng đến sinh hoạt hàng ngày và nước tưới cho cây trồng.

- Lưu lượng dòng chảy chính của sông Rào Cái (đo ở thượng nguồn cách thành phố 14km) là khoảng 13,6m³/s với mức thấp nhất là 0,2m³/s và cao nhất 1,51m³/s.

Chế độ thủy văn:

Việc tiêu thoát của thành phố Hà Tĩnh phụ thuộc vào chế độ thủy văn của sông Rào Cái. Về mùa lũ thường có sự giao lưu giữa lũ và triều gây ra ngập úng tại nội đồng trong thành phố.

Chế độ dòng chảy của sông Rào Cái. Chế độ dòng chảy có hai mùa rõ rệt.

+ Dòng chảy mùa cạn từ (tháng 12 đến tháng 7) dòng chảy ổn định. Khi có mưa tiểu mãn dòng chảy tăng lên khá nhiều vào tháng 5.

+ Dòng chảy mùa lũ thường từ tháng 8 đến 11 thường có biến động lớn đạt bình quân 50% tổng lưu lượng cả năm.

1.1.5. Các nguồn tài nguyên

*** Tài nguyên đất**

Kết quả chỉnh lý bổ sung bản đồ đất của thành phố Hà Tĩnh trên cơ sở kế thừa bản đồ đất toàn tỉnh có điều tra bổ sung như sau: đất phèn hoạt động mặt ít, đất tiềm năng mặt ít, đất phù sa chua, đất cát chua, đất phù sa có tầng loang lỗ đỏ vàng.

*** Tài nguyên nước**

Được cung cấp nước bởi 2 con sông: Sông Rào Cái và sông Cầu Cày.

*** Tài nguyên rừng**

Đất rừng là tài nguyên tài nguyên có vai trò quan trọng trong việc phòng hộ ven sông và bảo tồn các giá trị văn hóa. Sau khi sát nhập đơn vị hành chính, thành phố Hà Tĩnh có 1.777,96 ha đất rừng, có thêm rừng sản xuất.

*** Tài nguyên nhân văn**

Thành phố Hà Tĩnh là một trong những địa phương có nhiều di tích lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng, được tồn tại và lưu truyền đến ngày nay gần như nguyên vẹn. Kiến trúc của các di tích tín ngưỡng trong những làng xóm cổ Hà Tĩnh phần lớn được xây dựng khá kiên cố và mang đậm nét văn hóa truyền thống. Nơi đây là trung tâm văn hóa làng xã, nhiều nơi đã trở thành nổi tiếng như: Đền Chiêu Trưng, đền Võ Miếu các nhà thờ xứ đạo, Khu lưu niệm Bác Hồ, hồ Sen, Hào Thành, khu lưu niệm Trần Phú.v.v... Đến nay, nhờ hệ thống di tích này Hà Tĩnh ngày càng thu hút nhiều khách bốn phương tới thăm quan du lịch.

Tuy nhiên các di tích lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng cần được đầu tư cải tạo chỉnh trang nhằm nâng cao hơn nữa giá trị văn hóa lịch sử cũng như giá trị du lịch cho thành phố Hà Tĩnh.

*** Tài nguyên du lịch**

Bên cạnh đó thành phố Hà Tĩnh có lợi về cảnh quan sông nước cũng như cảnh quan nông nghiệp. Vì vậy cần có chiến lược phát triển du lịch ven sông bằng các biện pháp cụ thể như xây dựng khu vực du lịch dịch vụ sinh thái ven sông tổng diện tích khoảng 200 ha ven sông. Tại những khu vực này xây dựng mô hình du lịch nông nghiệp và du lịch sông nước kết hợp dịch vụ ăn uống ven sông nhằm tận dụng giá trị cảnh quan sông nước và giá trị cảnh quan nông nghiệp của thành phố Hà Tĩnh.

1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

1.2.1. Khái quát thực trạng phát triển kinh tế, xã hội

Năm 2024 là năm gần cuối nhiệm kỳ, có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Thực hiện chủ đề “Tăng cường đổi mới, sáng tạo, bứt phá để hoàn thành các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ 21; mở rộng địa giới gắn với sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã; tập trung huy động nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng phục vụ các dự án trọng điểm; phát triển kinh tế hướng tới tăng trưởng xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu” thành phố đã triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 trong bối cảnh có những thuận lợi, khó khăn đan xen. Công tác thực hiện luôn bám sát lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố, Ban Thường vụ Thành ủy và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024. Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành nhiều chương trình, kế hoạch tổ chức thực hiện; chỉ đạo các ngành, đơn vị, địa phương triển khai nhiều giải pháp phát triển kinh tế, tập trung các nhiệm vụ trọng tâm, chiến lược, đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm; chăm lo đời sống Nhân dân và bảo đảm an sinh xã hội, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

1.2.2. Kết quả đạt được

Năm 2024, tốc độ tăng trưởng giá trị sản phẩm đạt khá 12,45%, giá trị sản phẩm các ngành kinh tế đều tăng, trong đó ngành Thương mại - dịch vụ tiếp tục là động lực chính cho tăng trưởng kinh tế của thành phố với mức tăng 10,1%. Thu ngân sách vượt kế hoạch giao. Thành phố tiếp tục tập trung đẩy nhanh triển khai các nhiệm vụ chiến lược, quan trọng, như: mở rộng địa giới hành chính; điều chỉnh quy hoạch chung thành phố, hoàn thành các quy hoạch phân khu, triển khai các hạ tầng giao thông chiến lược, Dự án Hạ tầng ưu tiên và phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu thành phố Hà Tĩnh (vốn vay ADB), nâng

cao các tiêu chí đô thị loại II, dự án chỉnh trang hạ tầng vỉa hè, ngầm hóa cáp điện và viễn thông tuyến đường Quốc lộ 1A từ Cầu Cày đến Cầu Phủ, đẩy nhanh tiến độ các công trình chỉnh trang đô thị, thoát nước thành phố...

Văn hóa - xã hội tiếp tục phát triển, giáo dục dẫn đầu toàn tỉnh về chất lượng đại trà cũng như học sinh giỏi; An sinh xã hội, chăm sóc sức khỏe nhân dân được quan tâm. Cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh gắn với chuyển đổi số thường xuyên được tập trung chỉ đạo. Quốc phòng, an ninh được giữ vững.

1.2.2.1. Lĩnh vực kinh tế

***Sản xuất Nông nghiệp, thủy sản**

Chăn nuôi phát triển, tổng đàn duy trì ổn định, dịch bệnh được kiểm soát. Sản xuất thủy sản cơ bản đạt kế hoạch.

Thực hiện việc tưới tiêu đảm bảo phục vụ sản xuất, đầu tư xây dựng các công trình kênh tưới, rà soát, nâng cấp cơ giới hóa vận hành cống thủy lợi, đề xuất bàn giao hệ thống kênh N1-9 trên địa bàn thành phố về thành phố quản lý công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn được quan tâm, thực đúng quy trình, quy định.

***Về chương trình OCOP**

Chỉ đạo các phường, xã xây dựng kế hoạch thực hiện chính sách hỗ trợ Chương trình Mỗi xã một sản phẩm năm 2024, Hội đồng đánh giá phân hạng sản phẩm OCOP thành phố Hà Tĩnh. Tổ chức đánh giá phân hạng sản phẩm OCOP năm 2024 đã phê duyệt kết quả đánh giá, phân hạng sản phẩm.

*** Thương mại - Dịch vụ, Du lịch**

Hoạt động Thương mại - Dịch vụ có bước tăng trưởng khá, tăng 10% so với cùng kỳ; triển khai thực hiện tốt các giải pháp bảo đảm cân đối cung cầu, bình ổn giá cả thị trường. Tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 27 nghìn tỷ, tăng 20,1%; doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống đạt 3,1 nghìn tỷ, tăng 13%; hoạt động vận tải đạt 1.860 tỷ, tăng 18,5% so cùng kỳ năm trước. Phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế của thành phố và liên kết vùng. Công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, chất lượng hàng hoá, vệ sinh an toàn thực phẩm, kinh doanh, buôn bán, giết mổ gia súc, gia cầm, thực phẩm tươi sống được tăng cường.

Phối hợp Sở Công Thương, Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại Hà Tĩnh tổ chức Hội chợ thương mại sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm chủ lực Hà Tĩnh và Phiên chợ quảng bá

sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm OCOP Hà Tĩnh; Lễ hội cam và sản phẩm nông nghiệp năm 2024.

****Sản xuất Công nghiệp – TTCN***

Tiếp tục duy trì bước phát triển, tuy nhiên, quy mô còn nhỏ lẻ, chủ yếu là các hộ sản xuất công nghiệp cá thể. Các cơ sở đã chủ động điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp, tìm kiếm thêm thị trường tiêu thụ, bố trí lao động hợp lý nên hoạt động sản xuất công nghiệp dần đi vào ổn định, từng bước hồi phục.

****Công tác quy hoạch, xây dựng cơ bản và quản lý đô thị***

****Xây dựng cơ bản***

Tập trung chỉ đạo, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ các công trình chuyển tiếp và hoàn thiện hồ sơ các công trình khởi công mới, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản được các chủ đầu tư tập trung triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch, quy định hiện hành; tiến độ, chất lượng thi công các công trình chuyển tiếp được đảm bảo theo hồ sơ phê duyệt. Chỉ đạo các đơn vị lên kế hoạch và triển khai kiểm tra, theo dõi chất lượng các công trình đang triển khai thi công trên địa bàn nhằm kiểm soát, nâng cao chất lượng công trình, đẩy nhanh tiến độ các công trình, đặc biệt các công trình trong khu vực trung tâm; kiểm tra, nghiệm thu được hơn 170 công trình bàn giao đưa vào sử dụng. Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án trọng điểm như: triển khai thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, các bước tiếp theo của Dự án Hạ tầng ưu tiên và phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu thành phố Hà Tĩnh. Xây dựng đường găng, tiến độ cụ thể và lập cam kết về tiến độ thực hiện, giải ngân đối với các dự án trên địa bàn.

****Công tác quy hoạch, quản lý đô thị***

Tiếp tục thực hiện chỉnh trang, nâng cấp các nút giao thông, hệ thống đèn tín hiệu giao thông, hệ thống điện chiếu sáng các tuyến đường, mở vịnh giao thông trước các trường học để góp phần giải quyết các điểm giao tiềm ẩn tai nạn giao thông và vấn đề ách tắc giao thông trước các trường học trong giờ cao điểm. Chỉ đạo các đơn vị hoàn thành cơ bản Nâng cấp chỉnh trang, mở rộng các tuyến đường trục chính như đường Xuân Diệu, đường Nguyễn Thị Minh Khai, đường Lê Ninh, đường Quang Trung, Hạ tầng xung quanh chợ thành phố; tiếp tục thực hiện các công trình như đường Nguyễn Du, đường Đông Lộ, đường Đặng Văn Bá...

Ban hành Quy định phân công nhiệm vụ phối hợp trong công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Tĩnh. Triển khai thực hiện Kế hoạch

ra quân về công tác quản lý trật tự trên địa bàn; các đơn vị đã ra quân đồng loạt trên các tuyến đường chính, xử lý các vi phạm lấn chiếm hành lang lòng lề đường làm mất an toàn giao thông, vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị, đặc biệt là tình trạng treo, đặt biển quảng cáo, dựng rạp trên vỉa hè. Duy trì thường xuyên ra quân xử lý tái lấn chiếm tại tuyến đường Hà Tôn Mục, khu vực xung quanh cầu Sở Rượu, đường 26-3...

**** Phát triển doanh nghiệp và thu hút đầu tư***

**** Về phát triển doanh nghiệp, hộ kinh doanh***

Quan tâm phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; triển khai các giải pháp đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp, kịp thời tháo gỡ các khó khăn cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh. Ước năm 2024, thành lập mới 350 doanh nghiệp (bao gồm địa điểm kinh doanh, chi nhánh), 4 hợp tác xã; cấp mới 1.832 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cá thể.

**** Về thu hút đầu tư***

Tập trung, phối hợp với các Sở, ngành rà soát các dự án đang triển khai để từng bước tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, kiến nghị tỉnh xử lý các dự án chậm tiến độ, hỗ trợ các Nhà đầu tư trong công tác giải phóng mặt bằng đối với các dự án đang triển khai. Tiếp tục phối hợp các sở, ngành kết nối, làm việc với nhà đầu tư nghiên cứu về Không gian Văn hóa Nguyễn Du - Truyện Kiều trên địa bàn thành phố.

1.2.2.2. Lĩnh vực Văn hóa - Xã hội

**** Văn hóa, thể thao, thông tin truyền thông***

Tổ chức tốt các hoạt động chào mừng các ngày lễ lớn. Xây dựng kế hoạch, tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao trên địa bàn. Tổ chức lễ hội Văn Miếu, lễ hội đua thuyền năm 2024 và nhiều hoạt động khác có ý nghĩa, sôi nổi, thiết thực thu hút đông đảo người dân tham gia. Chỉ đạo tổ chức các giải thi đấu thể thao: Cờ thẻ, Bóng chuyền Nam và tham gia thi đấu các giải thể thao do tỉnh tổ chức. Triển khai thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số; tổ chức các lớp tập huấn về chuyển đổi số, an toàn an ninh thông tin. Tập trung chỉ đạo, nâng cao trách nhiệm đội ngũ cán bộ, công chức trong giải quyết thủ tục hành chính.

**** Giáo dục - Đào tạo***

túc; các Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch, Đề án của thành phố về phát triển giáo dục mà trọng tâm là Nghị quyết 03-NQ/Th.U của BCH Đảng bộ thành phố tiếp tục triển khai đồng bộ, linh hoạt, hiệu quả. Ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư

thực hiện các dự án xây dựng mới và cải tạo, sửa chữa trường học; tập trung chỉ đạo, hoàn thành Kế hoạch xây dựng trường chuẩn quốc gia ở 8/8 trường, đến nay, toàn thành phố có 34/39 đạt chuẩn Quốc gia, trong đó: THCS 5/9 trường, Tiểu học 14/15 trường, Mầm non 15/15 trường. Hoạt động đổi mới giáo dục tiếp tục được triển khai tích cực; chất lượng giáo dục toàn diện tiếp tục được nâng cao, chất lượng học sinh giỏi văn hoá, TDTT, nghệ thuật có sự bứt phá, dẫn đầu toàn tỉnh. Tăng cường quản lý, chỉ đạo quyết liệt, chấn chỉnh hoạt động dạy thêm, học thêm trái quy định.

****Y tế và chăm sóc sức khỏe***

Thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh, các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế dân số, duy trì hiệu quả công tác khám chữa bệnh, tăng cường thu dung bệnh nhân đến khám và điều trị tại các tuyến từ thành phố đến phường, xã. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm và hành nghề y dược ngoài công lập. Thực hiện nghiêm túc việc thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện An toàn thực phẩm đúng quy định đảm bảo thời gian. Tổ chức triển khai chương trình phối kết hợp trong công tác DS-KHHGD; cập nhật dữ liệu biến động dân số được thực hiện thường xuyên theo quy định.

****Công tác giảm nghèo, giải quyết việc làm, đảm bảo ASXH, chính sách người có công***

Thực hiện tốt các chế độ chính sách cho người có công, đối tượng bảo trợ xã hội và người nghèo trên địa bàn. Công tác an sinh xã hội được đảm bảo. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác trợ giúp, giải quyết tình trạng người lang thang, xin ăn trên địa bàn; chi trả trợ cấp an sinh xã hội không dùng tiền mặt. Phối hợp tổ chức Lễ phát động Tháng hành động về An toàn, vệ sinh lao động, “Tháng Công nhân”; Tháng hành động về trẻ em năm 2024. Triển khai thực hiện tốt các hoạt động tri ân; thăm hỏi, động viên các gia đình chính sách, người có công với cách mạng nhân kỷ niệm 76 năm Ngày Thương binh, Liệt sỹ 27/7 và dịp tết Nguyên đán. Xây dựng kế hoạch và triển khai, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững và kế hoạch chỉ tiêu giảm nghèo được giao.

****Lĩnh vực Tài nguyên môi trường, giải phóng mặt bằng***

Quản triệt, tập huấn, triển khai kịp thời Luật đất đai năm 2024 và các văn bản hướng dẫn. Trình HĐND tỉnh phê duyệt Danh mục các công trình dự án cần thu hồi, chuyển mục đích thông qua thực hiện trong năm 2024; trình UBND tỉnh điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030 cho các công trình phát

sinh mới; trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 làm cơ sở thực hiện các công trình dự án. Tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác bồi thường, GPMB các dự án nhất là các dự án liên quan đến giải ngân đầu tư công, dự án trọng điểm quốc gia, trọng điểm tỉnh và các dự án chuyển tiếp tồn đọng trên địa bàn. Tham mưu thành lập Ban chỉ đạo công tác bồi thường, GPMB theo Chỉ thị số 55-CT/Th.U ngày 15/02/2024 của BTV Thành Ủy. Làm tốt công tác thẩm định, phê duyệt giá đất cụ thể để thực hiện bồi thường, GPMB, giao đất cho người sử dụng đất. Cơ bản hoàn thành việc công nhận lại hạn mức đất ở cho nhân dân có nguồn gốc sử dụng trước năm 1980; tập trung chỉ đạo việc cấp biến động và cấp giấy chứng nhận tại trung tâm hành chính công và cấp GCN đất xâm canh tại các phường, xã.

Tiếp tục chỉ đạo công tác ra quân vệ sinh môi trường, duy trì công tác kiểm tra vệ sinh, cảnh quan môi trường, chấn chỉnh tình trạng rác vô chủ trên địa bàn. Hoàn thành Đề án đánh giá hiện trạng công tác quản lý chất thải rắn, xây dựng đề án phân loại rác cho thành phố Hà Tĩnh. Thực hiện hiệu quả việc thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 27/11/2017 của HĐND thành phố.

****Công tác thanh tra, phòng chống tham nhũng, tư pháp, tôn giáo***

- Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng:

Hoàn thành kiểm tra việc quản lý tiền công đức tại các di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn thành phố; kiểm tra công tác thanh quyết toán công trình XD CB tại các phường xã; chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị triển khai thực hiện các kết luận thanh tra, quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực của các cấp, ngành và thành phố.

Công tác phòng, chống tham nhũng được tập trung chỉ đạo thực hiện; triển khai việc thực hiện kê khai tài sản thu nhập hằng năm, kê khai bổ sung cho cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật phòng, chống tham nhũng

- Quốc phòng: Thường xuyên duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu, phối hợp các lực lượng giữ vững ổn định tình hình địa bàn, nhất là các dịp lễ, tết, thời điểm diễn ra các sự kiện chính trị; chuẩn bị các phương án, lực lượng, phương tiện PCTT - TKCN. Tổ chức tuyển giao quân đạt 100% chỉ tiêu. Tập huấn, huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức QP&AN cho các đối tượng bảo đảm chỉ

tiêu. Chỉ đạo 4 phường, xã: Văn Yên, Đại Nài, Tân Giang, Thạch Trung tổ chức diễn tập chiến đấu trong khu vực phòng thủ năm 2024 đạt kết quả tốt. Phục vụ các Đoàn kiểm tra của Đảng ủy Quân sự tỉnh, Đảng ủy Quân khu kiểm tra Đảng ủy quân sự thành phố; tổ chức thành công Đại hội thi đua quyết thắng LLVT thành phố giai đoạn 2019 - 2024; Hội nghị sơ kết 5 năm thực hiện Nghị định 21/2019/NĐ-CP của Chính phủ về khu vực phòng thủ. Giải quyết tốt chế độ chính sách hậu phương quân đội góp phần bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn.

- *An ninh, trật tự xã hội*: Đảm bảo tốt an ninh trật tự trên địa bàn; mở đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, đấu tranh hiệu quả với các loại tội phạm hình sự, ma túy...không để tội phạm hoạt động phức tạp. Tiếp tục thực hiện quyết liệt Đề án 06 về phát triển ứng dụng dữ liệu quốc gia về dân cư, định danh điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025. Chủ động triển khai đồng bộ các giải pháp đảm bảo an toàn giao thông do đó tình hình trật tự an toàn xã hội, TTATGT, TTCC được đảm bảo, không xảy ra ùn tắc giao thông, nhất là trong dịp lễ, Tết. Tập trung thực hiện kết luận của Bộ Công an và mở đợt cao điểm triển khai các giải pháp kiềm chế, kéo giảm tai nạn giao thông; xây dựng và triển khai mô hình “Cổng trường an toàn giao thông” tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn. Thành lập đội thi, tổ chức tập luyện, tham gia hội thi nghiệp vụ PCCC và CNCH tổ liên gia an toàn PCCC cấp tỉnh năm 2024; kết quả đội tuyển thành phố Hà Tĩnh đạt giải nhì toàn đoàn. Tổ chức lễ ra mắt lực lượng đảm bảo an ninh trật tự ở cơ sở. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ Quốc được tăng cường, tập trung nâng cao chất lượng các mô hình “Camera giám sát ANTT”, “Zalo kết nối bình yên”; triển khai xây dựng mô hình “Công an phường kiểu mẫu về bảo đảm ANTT và văn minh đô thị” tại Công an phường Đại Nài, Thạch Quý; Tổ chức tốt Ngày hội toàn dân bảo vệ ANTT tại các phường, xã; bảo vệ an

1.2.3. Một số tồn tại, hạn chế

1.2.3.1. Tồn tại, hạn chế

- Hoạt động của doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, thách thức do nhu cầu thị trường sụt giảm và chi phí sản xuất tăng cao.

- Chưa có các mô hình nông nghiệp quy mô, hiệu quả, giải quyết được nhiều lao động; xây dựng được nhiều sản phẩm OCOP tuy nhiên một số sản phẩm giá trị thương mại, khả năng cạnh tranh chưa cao, mức độ tiêu thụ còn khiêm tốn.

- Việc triển khai công tác chuẩn bị đầu tư một số dự án vẫn còn chậm; một số vi phạm trật tự đô thị xử lý chưa kịp thời; Công tác giải phóng mặt bằng còn nhiều vướng mắc, một số tồn đọng chưa được xử lý dứt điểm; tiến độ thực hiện chương trình mục tiêu khó khăn; việc triển khai giải ngân thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia chưa đạt yêu cầu đề ra.

- Tiến độ giải ngân nguồn vốn đầu tư công còn chậm; việc rà soát, xử lý tồn đọng trong công tác quyết toán dự án hoàn thành ở một số địa phương thiếu kịp thời.

- Tiến độ xử lý một số việc tồn đọng trên một số lĩnh vực còn chậm như: di dời cụm công nghiệp Bắc Quý; lấn chiếm đất công ở xóm Mới, Thạch Bình; di dời lò giết mổ gia cầm phường Tân Giang; tham mưu xử lý sau kiểm tra liên quan đến lò giết mổ gia súc xã Đồng Môn; việc thực hiện các nội dung Kết luận thanh tra đã có hiệu lực pháp luật như: Thanh tra về Khu vực Âu Thuyền, Thanh tra việc giao đất, cho thuê đất trái thẩm quyền, Thanh tra việc giao đất, quá trình sử dụng và công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với hộ ông Hồ Văn Toán bị ảnh hưởng bởi dự án nâng cấp, củng cố Đê bờ tả sông Phủ đoạn từ cầu Núi đến cầu Phủ - phường Đại Nài còn chưa kịp thời.

- Công tác quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực hiệu lực, hiệu quả chưa cao như: Phối hợp quản lý hoạt động các Trung tâm ngoại ngữ sau cấp phép, hoạt động các Trung tâm xúc tiến xuất khẩu lao động nước ngoài, các Trung tâm chăm sóc sức khỏe trên địa bàn; công tác quản lý quảng cáo trên địa bàn, quản lý chất lượng hàng hóa, y dược, vật tư nông nghiệp; công tác vệ sinh an toàn thực phẩm.

1.2.3.2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

Khối lượng công việc lớn, nhiều nhiệm vụ yêu cầu phải hoàn thành kịp thời. Một số lĩnh vực chưa có các văn bản cụ thể hóa của cấp trên nên còn phải chờ hướng dẫn. Giá cả, nguyên vật liệu đầu vào tăng cao; công tác đền bù GPMB khối lượng nhiều, trong khi hồ sơ lưu trữ liên quan đến nguồn gốc đất đai phục vụ công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư gặp nhiều khó khăn; hồ sơ thủ tục đầu tư dự án khởi công mới phải qua nhiều thủ tục, nhiều sở ngành nên tiến độ chậm. Năm 2024, cơ chế hỗ trợ xi măng của tỉnh để thi công các công trình đối với các xã có sự thay đổi về hình thức hỗ trợ nên các xã gặp khó

khẩn trong công tác lựa chọn đơn vị cung ứng xi măng cũng như giải ngân nguồn vốn Xi măng nên việc cung ứng xi măng bị gián đoạn, chậm trễ (chương trình mục tiêu).

****Nguyên nhân chủ quan***

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ của một số phòng chuyên môn trong công tác quản lý Nhà nước còn bị động, chưa kịp thời. Việc phối kết hợp giữa các phòng, ban, địa phương trong giải quyết một số thủ tục hành chính chưa hiệu quả. Việc rà soát, chủ động xử lý các nhiệm vụ tồn đọng chưa kịp thời. Quá trình kết nối, phối hợp với các bộ phận chuyên môn của các sở ngành một số lĩnh vực còn hạn chế; lãnh đạo địa phương chưa thực sự bám việc nhất là những đề xuất kiến nghị liên quan thẩm quyền thành phố. Trình độ chuyên môn, năng lực công tác, trách nhiệm công vụ của một số cán bộ, công chức chưa cao; vai trò nêu gương của người đứng đầu ở một số địa phương, đơn vị chưa được coi trọng phát huy. Sự phối hợp giữa các phòng, ban chuyên môn,

**PHẦN II. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 VÀ KẾT QUẢ
THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC**

2.1. Hiện trạng sử dụng đất năm 2024

Tổng diện tích toàn thành phố đến 31/12/2024 là 22.000,03 ha, trong đó: tổng diện tích đất nông nghiệp là 12.181,61 ha, chiếm 55,37%, đất phi nông nghiệp là 8.459,64 ha, chiếm 38,45% và diện tích đất chưa sử dụng là 1.358,78 ha, chiếm 6,18% tổng diện tích đất tự nhiên.

Bảng 1. Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 thành phố Hà Tĩnh

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		22.000,03	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	12.181,61	55,37
1.1	Đất trồng lúa	LUA	6.313,71	28,70
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	5.207,31	23,67
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	1.149,73	5,23
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.657,31	7,53
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD		
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	910,50	4,14
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	867,46	3,94
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>213,82</i>	<i>0,97</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	966,93	4,40
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT		
1.9	Đất làm muối	LMU	203,20	0,92
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	112,76	0,51
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	8.459,64	38,45
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.628,08	7,40
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	557,83	2,54
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	48,33	0,22
2.4	Đất quốc phòng	CQP	16,14	0,07
2.5	Đất an ninh	CAN	13,27	0,06
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	433,42	1,97
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	46,94	0,21
-	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	4,99	0,02
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	33,93	0,15
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	223,75	1,02
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	101,31	0,46
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	4,17	0,02
-	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	18,33	0,08
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	732,34	3,33
2.7.1.1	Đất khu công nghiệp	SKK		
2.7.1.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	35,63	0,16
2.7.1.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT		
2.7.2	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	98,49	0,45
2.7.3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	94,82	0,43
2.7.4	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	503,40	2,29
2.8	Đất có mục đích công cộng	CCC	3.220,51	14,64
-	Đất công trình giao thông	DGT	2.404,91	10,93
-	Đất công trình thủy lợi	DTL	718,56	3,27

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	10,74	0,05
-	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	3,59	0,02
-	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	7,04	0,03
-	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	2,59	0,01
-	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	14,56	0,07
-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	58,52	0,27
2.9	Đất tôn giáo	TON	35,65	0,16
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	52,73	0,24
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	345,93	1,57
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	1.375,12	6,25
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	314,22	1,43
2.12.2	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.060,90	4,82
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,29	0,01
3	Đất chưa sử dụng	CSD	1.358,78	6,18
4	Đất sử dụng cho khu công nghệ cao*			

(Bảng đã được chuyển đổi theo Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 về quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất)

a) Đất nông nghiệp:

Tổng diện tích đất nông nghiệp năm 2024 của toàn thành phố là 12.181,61 ha, chiếm 55,37% tổng diện tích tự nhiên.

Trong đó:

- Đất trồng lúa: Năm 2024 có 6.313,71 ha, chiếm 28,70% diện tích tự nhiên, phân bố tại 25 phường xã, diện tích đất trồng lúa tập trung nhiều tại xã Tân Lâm Hương 983,98 ha; xã Cẩm Bình 552,53 ha; xã Thạch Thắng 468,90 ha,... Phường Nam Hà và xã Hộ Độ không có đất trồng lúa. Trong đó: đất chuyên trồng lúa có 5.207,31 ha, chiếm 23,67% tổng diện tích tự nhiên; đất trồng lúa còn lại có 1.106,40 ha, chiếm 5,03% tổng diện tích tự nhiên của thành phố.

- Đất trồng cây hằng năm khác: Năm 2024 có 1.149,73 ha, chiếm 5,23% diện tích tự nhiên, phân bố chủ yếu tại xã Thạch Khê 170,73 ha, xã Thạch Văn 166,60 ha, xã Thạch Hải 154,19 ha... Diện tích Đất trồng cây hằng năm khác trên địa bàn thành phố chủ yếu trồng các loại cây ngắn ngày như lạc, khoai lang,...

- Đất trồng cây lâu năm: Năm 2024 có 1.657,31 ha chiếm 7,53% diện tích tự nhiên, phân bố trên địa bàn toàn thành phố, tập trung diện tích lớn tại xã Thạch Văn 181,30 ha, xã Thạch Trị 167,72 ha,... và chủ yếu trồng các loại cây như: chuối, xoài, cam,...

- Đất rừng đặc dụng: trên địa bàn thành phố không có đất rừng đặc dụng.
 - Đất rừng phòng hộ: Năm 2024 có 910,50 ha, chiếm 4,14% diện tích tự nhiên. Diện tích đất rừng phòng hộ phân bổ chủ yếu tại xã Đinh Bàn 365,46 ha và xã Thạch Hải 286,88 ha.
 - Đất rừng sản xuất: Năm 2024 có 867,46 ha chiếm 3,94% diện tích tự nhiên, phân bổ chủ yếu tại xã Thạch Hải 228,17 ha, xã Thạch Lạc 159,54 ha, xã Đinh Bàn 152,05 ha,...
 - Đất nuôi trồng thủy sản: Năm 2024 có 966,93 ha, chiếm 4,40% diện tích tự nhiên. Diện tích đất nuôi trồng thủy sản tập trung nhiều tại xã Thạch Trị 123,80 ha; xã Tượng Sơn 113,13 ha; xã Thạch Hạ 105,30 ha,... Có 02 phường không có đất nuôi trồng thủy sản là phường Nam Hà và phường Tân Giang.
 - Đất chăn nuôi tập trung: Trên địa bàn thành phố không có đất chăn nuôi tập trung.
 - Đất làm muối: Năm 2024 có 203,20 ha, chiếm 0,92% tổng diện tích tự nhiên. Diện tích đất làm muối phân bổ tại 02 xã: Xã Hộ Độ 128,20 ha và xã Đinh Bàn 75,00 ha.
 - Đất nông nghiệp khác: Năm 2024 có 112,76 ha, chiếm 0,51% tổng diện tích tự nhiên. Phân bố nhiều nhất tại xã Thạch Đài 62,18 ha.
- b) Đất phi nông nghiệp:
- Đất phi nông nghiệp: Năm 2024 có 8.459,64 ha, chiếm 38,45% diện tích tự nhiên, bao gồm:
- Đất ở tại nông thôn: Năm 2024 có 1.628,08 ha, chiếm 7,40% diện tích tự nhiên.
 - Đất ở tại đô thị: Năm 2024 có 557,83 ha, chiếm 2,54% diện tích tự nhiên.
 - Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Năm 2024 có 48,33 ha, chiếm 0,22% diện tích tự nhiên.
 - Đất quốc phòng: Năm 2024 có 16,14 ha, chiếm 0,07% diện tích tự nhiên. Đất quốc phòng phân bổ tại 6/27 đơn vị hành chính cấp huyện và chủ yếu diện tích tập trung tại phường Bắc Hà 7,52 ha và phường Trần Phú 6,35 ha.
 - Đất an ninh: Năm 2024 có 13,27 ha, chiếm 0,06% diện tích tự nhiên.
 - Đất xây dựng công trình sự nghiệp: Năm 2024 có 433,42 ha, chiếm 1,97% tổng diện tích tự nhiên, trong đó:

- + Đất xây dựng cơ sở văn hoá có 46,94 ha;
- + Đất xây dựng cơ sở xã hội có 4,99 ha;
- + Đất xây dựng cơ sở y tế có 33,93 ha;
- + Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo có 223,75 ha;
- + Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao có 101,31 ha;
- + Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ có 4,17 ha;
- + Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác có 18,33 ha.
- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: Năm 2024 có 732,34 ha, chiếm 3,33% tổng diện tích tự nhiên, trong đó:
 - + Đất khu công nghiệp, đất cụm công nghiệp: Có 35,63 ha. Tập trung chủ yếu tại xã Cẩm Vịnh 25,39 ha.
 - + Đất thương mại, dịch vụ: Có 98,49 ha. Tập trung chủ yếu tại phường Trần Phú 28,25 ha, xã Thạch Hải 13,40 ha, Tân Lâm Hương 13,29 ha.
 - + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Có 94,82 ha. Tập trung nhiều tại xã Thạch Hải 27,65 ha, xã Thạch Lạc 27,28 ha, xã Tân Lâm Hương 18,33 ha,...
 - + Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: Có 503,40 ha. Tập trung chủ yếu tại xã Đinh Bàn 227,46 ha và xã Thạch Hải 209,87 ha.
- Đất có mục đích công cộng: Năm 2024 có 3.220,51 ha, chiếm 14,64% diện tích tự nhiên. Trong đó:
 - + Đất công trình giao thông có 2.404,91 ha;
 - + Đất công trình thủy lợi có 718,56 ha;
 - + Đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên có 10,74 ha;
 - + Đất công trình xử lý chất thải có 3,59 ha;
 - + Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng có 7,04 ha;
 - + Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin có 2,59 ha;
 - + Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối có 14,56 ha.
 - + Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng có 58,52 ha.
- Đất tôn giáo năm 2024 có 35,65 ha, chiếm 0,16% diện tích tự nhiên.
- Đất tín ngưỡng năm 2024 có 52,73 ha, chiếm 0,24% diện tích tự nhiên.

- Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt năm 2024 có 345,93 ha, chiếm 1,57% diện tích tự nhiên.

- Đất có mặt nước chuyên dùng có 1.375,12 ha, chiếm 6,25% diện tích tự nhiên, trong đó:

+ Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá có 314,22 ha;

+ Đất có mặt nước chuyên dùng dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối có 1.060,90 ha.

- Đất phi nông nghiệp khác có 0,29 ha.

c) Đất chưa sử dụng:

Năm 2024 có 1.358,78 ha đất chưa sử dụng, chiếm 6,18% diện tích tự nhiên.

2.2. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Hà Tĩnh được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số: 546/QĐ-UBND ngày 26/02/2024 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất huyện Thạch Hà; số 579/QĐ-UBND ngày 04/3/2024 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất huyện Cẩm Xuyên; số 650/QĐ-UBND ngày 12/3/2024 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Lộc Hà; số 652/QĐ-UBND ngày 12/3/2024 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất thành phố Hà Tĩnh, số 2251/QĐ-UBND ngày 23/9/2024 về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2024 các huyện, thành phố, thị xã. Theo đó, các công trình trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được đưa vào thực hiện và đang thực hiện, tuy nhiên có nhiều các công trình chưa thực hiện trong năm kế hoạch. Các công trình kế hoạch chưa được thực hiện phần lớn là do chưa đủ vốn đầu tư, thủ tục thực hiện còn nhiều vướng mắc, chưa giải phóng được mặt bằng hoặc phương án quy hoạch không còn tính khả thi để thực hiện. Một số hạng mục công trình có trong chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất nhưng cơ quan chủ đầu tư chưa hoàn thiện thủ tục hồ sơ đất đai nên phải lùi tiến độ thực hiện.

Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Hà Tĩnh được đánh giá chi tiết qua 2 nội dung dưới đây:

2.2.1. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất theo kế hoạch đã được duyệt như sau:

Bảng 2. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Năm hiện trạng 2023 (ha)	Diện tích được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2024			Diện tích kế hoạch chưa thực hiện (ha)		
					Diện tích (ha)	Trong đó:		Tổng số Tăng (+), giảm (-)	Trong đó:	
						Diện tích (ha); tăng (+)/giảm(-)	Tỷ lệ		Diện tích chuyển kỳ sau	Diện tích hủy bỏ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(4)	(8)=(7)/{(5)-(4)}*100	(9)=(6)-(5)	(10)	(11)=(9)-(10)
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	12.237,52	11.563,21	12.181,61	-55,91	8,29	618,39	458,05	160,34
1.1	Đất trồng lúa	LUA	6.332,84	5.890,71	6.313,71	-19,13	4,33	423,00	313,99	109,01
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	5.226,44	4.793,69	5.207,31	-19,13	4,42	413,62	309,12	104,50
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	1.106,40	1.097,02	1.106,40				4,51	-4,51
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	1.158,58	1.055,45	1.149,73	-8,85	8,58	94,28	60,77	33,51
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.674,92	1.627,32	1.657,31	-17,61	36,99	29,99	23,50	6,49
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD								
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	910,50	902,23	910,50			8,27	0,50	7,77
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	867,46	845,38	867,46			22,08	4,59	17,49
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>213,82</i>	<i>213,82</i>	<i>213,82</i>					
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	977,25	951,87	966,93	-10,32	40,66	15,06	27,02	-11,96
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT								
1.9	Đất làm muối	LMU	203,20	170,39	203,20			32,81	27,70	5,11
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	112,76	119,90	112,76			-7,14	0,02	-7,16
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	8.392,68	9.161,11	8.459,64	66,96	8,71	-701,47	533,34	-1.234,81
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.612,76	1.840,11	1.628,08	15,32	6,74	-212,03	265,48	-477,51
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	542,38	608,79	557,83	15,45	23,27	-50,96	464,28	-515,24
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	48,33	48,35	48,33			-0,02	0,18	-0,20
2.4	Đất quốc phòng	CQP	16,14	16,14	16,14					
2.5	Đất an ninh	CAN	13,04	16,65	13,27	0,23	6,37	-3,38	3,42	-6,80
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	430,23	473,26	433,42	3,19	7,41	-39,84	47,26	-87,10
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	46,67	51,56	46,94	0,27	5,52	-4,62	4,25	-8,87
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	1,89	4,99	4,99	3,10				

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Năm hiện trạng 2023 (ha)	Diện tích được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2024			Diện tích kế hoạch chưa thực hiện (ha)		
					Diện tích (ha)	Trong đó:		Tổng số Tăng (+), giảm (-)	Trong đó:	
						Diện tích (ha); tăng (+)/giảm(-)	Tỷ lệ		Diện tích chuyển kỳ sau	Diện tích hủy bỏ
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	33,93	38,39	33,93			-4,46	5,01	-9,47
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	223,75	251,03	223,75			-27,28	36,27	-63,55
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	101,49	104,79	101,31	-0,18	5,45	-3,48	1,58	-5,06
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	4,17	4,17	4,17					
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT								
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT								
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG								
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	18,33	19,33	18,33				0,85	-0,85
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	733,79	871,99	732,34	-1,45	1,05	-139,65	53,54	-193,19
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK								
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	33,43	36,89	35,63	2,20	63,50		0,73	-0,73
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT								
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	95,88	227,10	98,49	2,61	1,99	-128,61	50,21	-178,82
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	101,08	104,60	94,82	-6,26	178,06	-9,78	1,34	-11,12
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	503,40	503,40	503,40					
2.8	Đất có mục đích công cộng	CCC	3.188,00	1.299,79	3.220,51	32,51	1,72	1.920,72	228,97	1.691,75
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	2.544,60	995,66	2.404,91	-139,69	9,02	1.409,25	133,09	1.276,16
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	785,75	161,65	718,56	-67,19	10,77	556,91	65,91	491,00
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT								
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC								
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	10,74	11,02	10,74			-0,28		-0,28
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	3,46	9,06	3,59	0,13		-5,47	2,60	-8,07
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	5,68	11,68	7,04	1,36	22,67	-4,64	0,59	-5,23

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Năm hiện trạng 2023 (ha)	Diện tích được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2024			Diện tích kế hoạch chưa thực hiện (ha)		
					Diện tích (ha)	Trong đó:		Tổng số Tăng (+), giảm (-)	Trong đó:	
						Diện tích (ha); tăng (+)/giảm(-)	Tỷ lệ		Diện tích chuyển kỳ sau	Diện tích hủy bỏ
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	2,59	3,04	2,59			-0,45	0,39	-0,84
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	14,56	14,56	14,56					
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	56,66	93,12	58,52	1,86	5,10		8,21	-8,21
2.9	Đất tôn giáo	TON	34,24	34,95	35,65	1,41	198,59	0,70	0,30	0,40
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	52,73	53,38	52,73				0,48	-0,48
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	345,43	345,81	345,93	0,50	131,58	0,12	0,12	
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	1.375,32	1.377,48	1.375,12	-0,20	9,26	-2,36	1,18	-3,54
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	314,22	311,70	314,22			2,52	0,62	1,90
2.12.2	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.061,10	1.065,78	1.060,90	-0,20	4,27	-4,88	1,80	-6,68
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,29	0,29	0,29					
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	1.369,83	1.275,72	1.358,78	-11,05	11,74	83,06	75,29	7,77
4	Đất sử dụng cho khu công nghệ cao*									

2.2.1.1 Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất nông nghiệp

Tổng diện tích đất nông nghiệp đến ngày 31/12/2024 là 12.181,61 ha, thực hiện được 55,91 ha, đạt 8,29% trong kế hoạch được duyệt. Bao gồm:

- Đất trồng lúa: chuyển sang các loại đất khác được 19,13 ha, đạt 4,42% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2024. (Toàn bộ là diện tích đất chuyên trồng lúa chuyển sang các loại đất khác). Đất trồng lúa còn lại thực hiện được 0 ha, đạt 0% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2024.

- Đất trồng cây hằng năm khác: thực hiện được 8,85 ha, đạt 8,58% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2024.

- Đất trồng cây lâu năm: thực hiện được 17,61 ha, đạt 36,99% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2024.

- Đất rừng phòng hộ và đất rừng sản xuất: thực hiện được 0 ha, đạt 0% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2024.

- Đất nuôi trồng thủy sản: thực hiện được 10,32 ha, đạt 40,66% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2024.

- Đất làm muối và đất nông nghiệp khác: thực hiện được 0 ha, đạt 0% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2024.

2.2.1.2 Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất phi nông nghiệp

Tổng diện tích đất phi nông nghiệp thực hiện được 66,96 ha, đạt 8,71% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Cụ thể:

- Đất ở tại nông thôn: thực hiện được 15,32 ha, đạt 6,74% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2024.

- Đất ở tại đô thị: thực hiện được 15,45 ha, đạt 23,27% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2024.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: thực hiện được 0 ha, đạt 0% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2024.

- Đất quốc phòng: không biến động so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2024.

- Đất an ninh: thực hiện được 0,23 ha, đạt 6,37% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2024.

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: tăng 3,19 ha, cụ thể:

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa: tăng 0,27 ha;

+ Đất xây dựng cơ sở xã hội: tăng 3,10 ha;

+ Đất xây dựng cơ sở y tế và đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: thực

hiện được 0 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2024.

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao: giảm 0,18 ha;

+ Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ: không biến động so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2024.

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác: thực hiện được 0 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2024.

- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: thực hiện được 1,45 ha, đạt 1,05% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2024. Cụ thể:

+ Đất cụm công nghiệp: thực hiện được 2,20 ha, đạt 63,50% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2024;

+ Đất thương mại, dịch vụ: thực hiện được 2,61 ha, đạt 1,99% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2024;

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: thực hiện được 6,26 ha, đạt 178,06% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2024.

+ Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: không biến động so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2024.

- Đất có mục đích công cộng: thực hiện được 32,51 ha, đạt 1,72% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2024. Trong đó:

+ Đất công trình giao thông: thực hiện được 139,69 ha, 9,02% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2024;

+ Đất công trình thủy lợi: thực hiện được 67,19 ha, đạt 10,77% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2024;

+ Đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên: thực hiện được 0 ha, đạt 0% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2024;

+ Đất công trình xử lý chất thải: thực hiện được 0,13 ha;

+ Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng: thực hiện được 1,36 ha, 22,67% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2024;

+ Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin: thực hiện được 0 ha, đạt 0% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2024;

+ Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối: không biến động so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2024;

+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng: thực hiện được 1,86 ha, đạt 5,10% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2024.

- Đất tôn giáo: thực hiện được 1,41 ha, đạt 198,59% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2024.

- Đất tín ngưỡng: thực hiện được 0 ha, đạt 0% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2024;

- Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt: thực hiện được 0,50 ha, đạt 131,58% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2024.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: thực hiện được 0,20 ha, đạt 9,26% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2024.

- Đất phi nông nghiệp khác: không biến động so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2024.

2.2.1.3 Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất chưa sử dụng

Đất chưa sử dụng chuyển sang các loại đất phi nông nghiệp được 11,05 ha, đạt 11,74% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2024.

2.2.2. Đánh giá kết quả thực hiện các công trình, dự án

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Hà Tĩnh được UBND tỉnh phê duyệt tại các Quyết định: Số 546/QĐ-UBND ngày 26/02/2024 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất huyện Thạch Hà; Số 579/QĐ-UBND ngày 04/3/2024 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất huyện Cẩm Xuyên; Số 650/QĐ-UBND ngày 12/3/2024 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Lộc Hà; Số 652/QĐ-UBND ngày 12/3/2024 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất thành phố Hà Tĩnh; Số 2251/QĐ-UBND ngày 23/9/2024 về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2024 các huyện, thành phố, thị xã. Theo đó Kế hoạch sử dụng đất được UBND tỉnh phê duyệt năm 2024 có 363 công trình, dự án với tổng diện tích là 1.236,07 ha. Trong đó thành phố Hà Tĩnh trước khi sáp nhập có 244 công trình dự án, với diện tích 727,54 ha; các xã của huyện Thạch Hà sáp nhập vào thành phố có 72 công trình, dự án với diện tích 340,88 ha; xã Hộ Độ của huyện Lộc Hà sáp nhập có 18 công trình, dự án với diện tích 17,55 ha; các xã của huyện Cẩm Xuyên sáp nhập vào có 29 công trình, dự án với diện tích 150,10 ha. Kết quả đã triển khai thực hiện cụ thể như sau:

- Đã thực hiện xong 53/363 công trình, dự án với diện tích 108,56 ha, đạt tỷ lệ 15,70% so với tổng số công trình và đạt tỷ lệ 8,80% so với tổng diện tích, bao gồm các công trình, dự án được thể hiện chi tiết dưới bảng sau:

Bảng 3: Các công trình, dự án đã thực hiện trong kế hoạch năm 2024

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
I	Đất giao thông		
1	Mở rộng Bến xe buýt	0,35	Phường Thạch Quý
2	Đường Phú Hào, phường Hà Huy Tập, thành phố Hà Tĩnh	0,14	Phường Hà Huy tập
3	Nâng cấp 2 tuyến đường giao thông nội đồng cánh đồng Ghè	1,05	Phường Thạch Hạ
4	Đường Trung Tiết (đoạn từ đường Nguyễn Huy Tụ đến đường Nguyễn Công Trứ), thành phố Hà Tĩnh	0,02	Phường Bắc Hà
5	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè và mương thoát nước đường Nguyễn Biểu	0,20	Phường Nam Hà
6	Đường vào di tích lịch sử Nguyễn Đình Quyền, thôn Tây Bắc	0,03	Xã Thạch Bình
7	Đường giao thông liên thôn Quyết Tiến – Trung Lạc, xã Thạch Lạc	0,50	Xã Thạch Lạc
8	Đường giao thông liên xã Tượng Sơn- Thạch Lạc (LX-06) đoạn Km1+00 đến Km4+100	1,05	Xã Tượng Sơn, Thạch Lạc
9	Mở rộng đường từ HL 03- Đường Hàm Nghi kéo dài	1,05	Xã Thạch Đài
10	Nâng cấp đường huyện ĐH 131 (Thạch Bình - Cẩm Thăng)	3,00	Xã Cẩm Bình, Cẩm Quang, thị trấn Cẩm Xuyên
11	Cầu Đò Bang xã Thạch Lạc	0,40	Xã Tượng Sơn, Thạch Lạc
II	Đất thủy lợi		
1	Nâng cấp tuyến mương tiêu thoát lũ từ Ngõ 200, đường Nguyễn Trung Thiên ra Kênh T8.	0,30	Phường Thạch Quý
2	Mương chống ngập úng từ đường về thôn Tiến Hưng đến Đập Phụ Lão	0,66	Phường Thạch Hưng
3	Mương, Vía hè, phía tây đường Nguyễn Trung Thiên (Đoạn từ đường Nguyễn Du đến đường Quang Trung)	0,03	Phường Thạch Quý
4	Mương thoát nước từ thôn Thượng, thôn Đồng Đoài ra đập Nhật, Phường Thạch Hạ	0,10	Phường Thạch Hạ
5	Mương thoát nước đường Hải Thượng Lãn Ông nối từ kênh T7 đến Hào Thành	0,02	Phường Bắc Hà, Tân Giang
III	Đất sinh hoạt cộng đồng		
1	Xây dựng nhà văn hóa thôn Minh Tiến	0,18	Phường Thạch Hạ
IV	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng		
1	Mở rộng nghĩa trang Cồn Bông	0,50	Phường Hà Huy Tập
V	Đất thương mại, dịch vụ		
1	Khu đất thu hồi của nhà khách Hương Sen	0,53	Phường Tân Giang
2	Chuyển mục đích đất sản xuất phi nông nghiệp sang đất thương mại dịch vụ phường Hà Huy Tập	1,57	Phường Hà Huy Tập

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
3	Mở rộng Công ty Tuấn Anh tại xã Thạch Đài	0,01	Xã Thạch Đài
4	Đất thương mại, dịch vụ	0,10	Xã Cẩm Bình
5	Đất thương mại, dịch vụ (thu hồi khu đất của Cty CP Xây dựng và KD tổng hợp Hùng Hằng cũ)	0,50	Khu đô thị Bắc, Phường Bắc Hà
VI	Đất ở nông thôn		
1	Hạ tầng khu dân cư Sác giá, thôn Đức Phú Phường Thạch Trung	0,65	Thôn Đức Phú, Phường Thạch Trung
2	Hạ tầng dân cư phía Nam đường Nguyễn Du	1,59	Phường Thạch Hưng
3	Chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng cây lâu năm cùng thửa đất ở (hoặc đất trồng cây lâu năm có nguồn gốc được tách ra từ thửa đất có đất ở) sang đất ở nông thôn	2,00	Các xã trên địa bàn Thành Phố
4	Đất ở thôn Xuân Tây	0,02	Xã Hộ Độ
5	Các lô đất dôi dư tại khu tái định cư xóm Long Giang - xã Thạch Khê (11 lô)	0,35	Xóm Long Giang, xã Thạch Khê
6	Chuyển mục đích từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở (đất vườn ao liền kề đất ở và đất SXNN xen kẹt trong khu dân cư)	11,00	các xã Thành phố Hà Tĩnh
7	Đất ở vùng Hạ Bài, vùng gần Trường Đại Học	0,12	Xã Cẩm Bình
8	Các lô đất dôi dư tại khu tái định cư xóm 11 - Giai đoạn 2, xã Thạch Đinh (cũ) (9 lô)	0,22	Thôn Trường Xuân, xã Đinh Bàn
9	Các lô đất dôi dư tại khu tái định cư xóm 9 - Giai đoạn 2, xã Thạch Đinh (cũ) (11 lô)	0,31	Thôn Trường Xuân, xã Đinh Bàn
VII	Đất ở đô thị		
1	Villa BMC- Việt Trung	4,69	Phường Đại Nài
2	Đầu giá đất ở đô thị Khu quy hoạch TĐC vị trí 2 phục vụ dự án TTTM và Nhà ở Vincom	0,83	Phường Hà Huy Tập
3	Hạ tầng khu dân cư phía tây, trường THCS Lê Văn Thiêm phường Hà Huy Tập, TP Hà Tĩnh	2,70	Phường Hà Huy Tập
4	Chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng cây lâu năm cùng thửa đất ở (hoặc đất trồng cây lâu năm có nguồn gốc được tách ra từ thửa đất có đất ở) sang đất ở đô thị	2,50	Các phường
5	Khu đô thị tại Phường Thạch Trung và thị trấn Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	22,60	Phường Thạch Trung
VIII	Đất cơ sở tôn giáo		
1	Xây dựng Chùa Vạn Nghiêu	1,00	Xã Thạch Bình
2	Mở rộng giáo xứ Xuân Tình	0,44	Xã Hộ Độ
IX	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng		
1	Công viên trung tâm thành phố	40,00	Phường Đại Nài, phường Nam Hà
X	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức xã hội		
1	Mở rộng Trung tâm điều dưỡng người có công và bảo trợ xã hội tại Phường Thạch Hạ	3,10	Phường Thạch Hạ
XI	Đất năng lượng		
1	Xây dựng ĐZ, TBA khắc phục tình trạng điện áp thấp tại các xã Hồng Lộc, Thị trấn, xã Mai Phụ,	0,07	Xã Hộ Độ

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
	xã Hộ Độ thuộc thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh		
2	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện của lưới điện trung áp khu vực thành phố Hà Tĩnh và thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh theo phương án đa chia - đa nối (MDMC)	0,03	Xã Hộ Độ
3	Trạm Biến áp	0,10	Các xã Thạch Xuân, Ngọc Sơn, Việt Tiến, Thạch Đài Thạch Trị, Thạch Khê, Thạch Liên, Nam Điền, Lưu Vĩnh Sơn, Thạch Ngọc, Tân Lâm Hương, thị trấn Thạch Hà và Trượng Sơn
4	Đường dây và trạm biến áp 110kV Hà Tĩnh	0,47	Xã Tân lâm Hương
5	Xây dựng, cải tạo đường dây trung áp, hạ áp và TBA để chống quá tải, giảm tổn thất điện năng, giảm bán kính cấp điện khu vực Thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh năm 2023	0,03	Xã Thạch Văn, Xã Thạch Trị Xã Thạch Lạc, Xã Lưu Vĩnh Sơn
6	Xây dựng, cải tạo đường dây trung áp, hạ áp và TBA để chống quá tải, giảm tổn thất điện năng, giảm bán kính cấp điện khu vực Thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh năm 2024	0,05	Xã Tân Lâm Hương, Xã Thạch Sơn, xã Thạch Thanh, thị trấn Thạch Hà
7	Cải tạo mạch vòng 22kV giữa ĐZ 471 E18.9 với ĐZ 477 E18.1 để nâng cao độ tin cậy cung cấp điện	0,03	Xã Thạch Hội
8	Di dời hệ thống điện trung hạ thế phục vụ GPMB dự án thành phần đoạn Bãi Vọt - Hàm Nghi thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025 (đoạn qua địa phận Thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh)	0,20	Thị trấn Thạch Hà và các xã Thạch Ngọc, Lưu Vĩnh Sơn, Thạch Đài
9	Di dời hệ thống điện trung hạ thế phục vụ GPMB dự án thành phần đoạn Hàm nghi - Vũng Áng thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025 (đoạn qua địa phận Thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh)	0,10	Xã Tân Lâm Hương, Thạch Xuân
10	Di dời hệ thống điện 110kV phục vụ GPMB dự án thành phần đoạn Hàm nghi - Vũng Áng thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025 (đoạn qua địa phận Thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh)	0,20	Xã Tân Lâm Hương
11	Di dời hệ thống điện 220kV phục vụ GPMB dự án thành phần đoạn Hàm nghi - Vũng Áng thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025 (đoạn qua địa phận Thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh)	0,25	Xã Tân Lâm Hương

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
12	Xây dựng DZ, TBA giảm tổn thất điện năng, nâng cao chất lượng điện áp khu vực thành phố Hà Tĩnh năm 2022; Xây dựng, cải tạo đường dây 372E18.1 để cấp điện mạch vòng nâng cao độ tin cậy cung cấp điện	0,05	Phường Đại Nài, Trần Phú; Phường Thạch Hạ
13	Xây dựng, cải tạo đường dây trung hạ áp và TBA để chống quá tải, giảm tổn thất điện năng, giảm bán kính cấp điện khu vực thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh năm 2023	0,04	Phường Văn Yên, Thạch Hưng, Thạch Hạ, Thạch Trung, Thạch Quý, Trần Phú
14	Xây dựng ĐZ, TBA giảm tổn thất điện năng, nâng cao chất lượng điện áp khu vực thành phố Hà Tĩnh năm 2022	0,15	Phường Đại Nài, Phường Đồng Môn
15	Xây dựng, cải tạo đường dây trung áp, hạ áp và TBA để chống quá tải, giảm tổn thất điện năng, giảm bán kính cấp điện khu vực thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh năm 2023	0,15	Phường Văn Yên; Phường Thạch Hưng, Thạch Trung
XII	Đất an ninh		
1	Trụ sở công an xã	0,23	Thôn Vĩnh Hòa, xã Đinh Bàn
TỔNG 53 CT,DA		108,56	

- Đang thực hiện 195/363 công trình, dự án với diện tích 843,99 ha, đạt tỷ lệ 53,72% so với tổng số công trình, dự án và đạt tỷ lệ 68,39% so với tổng diện tích kế hoạch được tỉnh phê duyệt, bao gồm các công trình, dự án được thể hiện chi tiết dưới bảng sau:

Bảng 4: Các công trình, dự án đang thực hiện trong kế hoạch năm 2024

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
A	Công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh			
I	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh			
I.1	Đất an ninh			
1	Trụ sở công an Phường Thạch Hưng	0,17	Phường Thạch Hưng	Đã thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất
2	Trụ sở công an Phường Đồng Môn (Điều chuyển từ trụ sở UBND xã Thạch Đồng cũ)	0,28	Phường Đồng Môn	Đang làm hồ sơ xin giao đất

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
3	Trụ sở công an Phường Thạch Trung	0,22	Phường Thạch Trung	Đã thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất
4	Trụ sở công an xã Thạch Bình	0,26	Xã Thạch Bình	Đang làm hồ sơ xin giao đất
5	Trụ sở công an Phường Thạch Hạ	0,20	Phường Thạch Hạ	Đã thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất
6	Đất trụ sở Công an xã	0,21	Xã Thạch Đài	Đang làm hồ sơ xin giao đất
7	Đất trụ sở Công an xã	0,20	Xã Thạch Hội	Đang làm hồ sơ xin giao đất
8	Trụ sở công an xã Cẩm Bình	0,16	Xã Cẩm Bình	Đang làm hồ sơ xin giao đất
B	Các công trình, dự án còn lại			
I	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất			
I.1	Đất phát triển hạ tầng			
I.1.1	Đất giao thông			
1	Dự án chỉnh trang đô thị phía đông kênh N1-9 (giai đoạn II)	0,04	Phường Trần Phú	Đang chỉnh sửa giá đền bù cho người dân
2	Đường Xuân Diệu kéo dài (Đoạn từ đường vành đai khu đô thị Bắc đến đường Ngô Quyền)	8,50	Phường Nguyễn Du, Phường Thạch Trung	Nguyễn Du: Dân đã đồng ý phương án BTThạch Trung: Đã thu hồi hết đất lúa và 0,1 đất khác. Còn 0,4 ha đang làm thủ tục THĐ)
3	Đường vành đai phía Đông Thành Phố Hà Tĩnh (GD1) đoạn từ km0 đến Km9+535 và đoạn từ Km14+156 đến Km15+785	38,57	Phường Đại Nài, Phường Thạch Hưng, Phường Đồng Môn, Phường Thạch Hạ	Đại Nài: đã thu hồi được khoảng 70% Đồng Môn: đang GPMB Thạch Hạ: Đã GPMB, có QĐ thu hồi đất Thạch Hưng: Đã thu hồi đất ở 0,43 ha + 1,0 ha CLN
4	Đường Nguyễn Du kéo dài đến đê Đồng Môn	5,08	Phường Thạch Quý, Phường Thạch Hưng	Thạch Hưng: Đã thu hồi đất nông nghiệp Còn 0,08 ha đất ở chưa thu hồi
5	Đường giao thông từ trường Mầm Non Thạch	0,05	Phường Thạch Hưng	Đã thống nhất giá THĐ và TĐC

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
	Hung đến đường Mai Thúc Loan			
6	Đường Lê Ninh kéo dài (đoạn từ trung tâm phòng chống HIV đến phòng CSGT) và kênh T4	0,30	Phường Thạch Trung	Đã kiểm đếm nhưng dân đang đề nghị điều chỉnh giá bồi thường
7	Đường giao thông (Ngõ 1 Đường Hà Huy Tập - Ngõ 2 đường Võ Liêm Sơn)	0,02	Phường Nam Hà	Đã làm giá đền bù nhưng cần điều chỉnh giá
8	Đường Lê Duẩn (Từ phía nam Trung tâm thương mại vincom đến đường Nguyễn Xí và đoạn từ đường Nguyễn Xí đến QL1A)	0,68	phường Hà Huy Tập	Đã THĐ được 0,08ha
9	Đường giao thông trục chính Phường Thạch Trung (Đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường Trung Hạ)	0,01	Phường Thạch Trung	Đã THĐ được 90m2 đã có QĐ THĐ
10	Nâng cấp đường Lê Thiệu Huy	0,20	Phường Nguyễn Du	Đang chờ QĐ THĐ
11	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Xí (toàn tuyến)	0,41	Phường Hà Huy Tập	Đang xây dựng phương án bồi thường, GPMB
12	Đường giao thông từ bệnh viện Vinmex đến đường Nguyễn Du	1,00	Phường Thạch Hưng	Đã thu hồi đất nông nghiệp còn đất ở
13	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường ngõ 84 Lê Hồng Phong	0,55	Nam Tiến, Thạch Linh	Đã phê duyệt dự án
14	Đường bờ Bắc của kênh thoát nước phía Tây thành phố (đoạn từ ngõ 151 đường Vũ Quang đến hồ Nhật Tân, phường Thạch Linh)	0,43	P. Thạch Linh	Đã thu hồi đất lúa, vường GPMB
15	Nâng cấp đường trục thôn từ Trường Mầm Non Phường Đồng Môn (cơ sở 1) đến hạ tầng khu dân cư Giếng Đồng, Phường Đồng Môn	0,53	Phường Đồng Môn	Đang lập dự án
16	Nâng cấp, cải tạo Cầu Mương và chỉnh trang đường Phan Đình	0,05	Phường Tân Giang	Đã phê duyệt dự án

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
	Phùng (đoạn từ cầu Mương đến đường Nguyễn Trung Thiên)			
17	Đường Lê Duẩn (đoạn từ đường Nguyễn Hoàn Từ đến đường Đội Cung)	0,41	Phường Đại Nài	Đang lập dự án
18	Đường giao thông nối từ đường Trần Phú đến đường quy hoạch Tổ dân phố Hợp Tiến, phường Thạch Linh	2,53	Phường Thạch Linh	Đang trình thủ tục đầu tư vốn
19	Nâng cấp tuyến đường Phan Đình Giót (đoạn từ đường Hà Tôn Mục đến đường Phan Đình Phùng).	0,03	Phường Nam Hà	Đang lập dự án
20	Nâng cấp đường Đồng Quế (Đường Võ Liêm Sơn kéo dài)	0,14	Phường Nam Hà	Đã có TB THĐ liên quan giá TĐC nên chưa có QĐ
21	Xây dựng đường Xô Viết Nghệ Tĩnh kéo dài về phía Đông (Đường 70 Kéo dài, điểm đầu từ Km0+000 giao với đường Nguyễn Công Trứ, điểm cuối địa phận giáp ranh với Thành phố Hà Tĩnh)	29,26	Phường Thạch Quý, Phường Thạch Hưng, Phường Đồng Môn	Thạch Quý: Đang kiểm đếm làm HS bồi thường Thạch Hưng: đang làm phương án thu hồi đất
22	Nâng cấp, chỉnh trang đường Nam Ngạn (đoạn từ Cầu Vòng đến ngõ 8)	0,15	Phường Tân Giang	Đã phê duyệt dự án
23	Chỉnh trang, nâng cấp vỉa hè và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường Vũ Quang (đoạn từ đường Trần Phú đến Cầu Đông)	0,15	Phường Thạch Linh	Đã phê duyệt dự án
24	Mở rộng nút giao thông đường Nguyễn Biểu và Hà Huy Tập (tên cũ: Mở rộng cua đường Hà Huy Tập và Nguyễn Biểu)	0,03	TDP 2, Phường Nam Hà	Đang triển khai khảo sát kiểm đếm đền bù
25	Chỉnh trang nút giao thông đường Nguyễn Biểu và đường Hà Tôn Mục (tên cũ: Mở rộng	0,03	TDP 9, Phường Nam Hà	Đã đền bù tài sản trên đất, đang xây dựng phương án đền bù

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
	cua đường 26/3 và Nguyễn Biểu)			
26	Nâng cấp, chỉnh trang tuyến đường trải nghiệm nông thôn mới từ thôn Liên Nhật đi thôn Liên Hà, Phường Thạch Hạ	0,70	Thôn Liên Nhật, Liên Hà Phường Thạch Hạ	Còn 1 hộ vướng mắc phân chia TS khoảng 622 m2
27	Dự án Đường từ Khu dân cư Đông Tiến đến thôn Hồng Hà, Phường Thạch Trung	0,45	Thôn Đông Tiến, thôn Hồng Hà Phường Thạch Trung	Đang kiểm đếm
28	Nâng cấp đường Nguyễn Công Trứ (đoạn từ đường Nguyễn Du đến đường Nguyễn Huy Lung)	0,04	Phường Nguyễn Du, phường Thạch Quý	Nguyễn Du: Đang trình lại thiết kế Thạch Quý: làm trên nền hiện trạng cũ
29	Đường giao thông nối từ đường Quang Lĩnh đến thôn Tân Lộc, Phường Thạch Hạ	0,06	Phường Thạch Trung, Thạch Hạ	Đang trình phương án THĐ
30	Nâng cấp đường Đặng Văn Bá, xã Thạch Bình	1,69	Xã Thạch Bình	Đang thi công, Vướng GPMB ONT
31	Đường Hàm Nghi kéo dài	17,68	Xã Thạch Đài	Đang đang làm hồ sơ trình thu hồi đất
32	Dự án đường Xô Viết Nghệ Tĩnh về phía Đông	26,15	Xã Thạch Lạc	Đang GPMB
33	Đường trục ngang ven biển Thành phố Hà Tĩnh	8,00	Các xã: Thạch Hải, Thạch Trị, Thạch Văn, Thạch Hội	Đang trình phương án THĐ
34	Đường trục ngang ven biển huyện Thạch Hà	0,60	Xã Thạch Lạc	Chuẩn bị khởi công
35	Đất giao thông lấy từ đất trồng cây lâu năm	3,00	Xã Cẩm Vịnh	Đang trình phương án THĐ
36	Điểm nút giao thông và đất công cộng trước trường Đại Học, xã Cẩm Vịnh	0,40	Xã Cẩm Vịnh	Đang đang làm hồ sơ trình thu hồi đất
I.1.2	Đất thủy lợi			
1	Kênh tiêu Thạch Quý từ cống đồng kiên ra kênh T8	0,50	Phường Thạch Quý	Đang kiểm đếm làm HS bồi thường
2	Mương thoát nước vùng Cầu Côi	1,00	Xã Thạch Bình	Đang GPMB
3	Mương tiêu úng, thoát lũ xã Thạch Bình (giai đoạn 1)	0,05	Xã Thạch Bình	Đang GPMB

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
4	Hệ thống kênh tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp Phường Thạch Trung	0,10	Đoài Thịnh, Bắc Quang, Phường Thạch Trung	Đang kiểm đếm và đề nghị thành lập HĐBTGPMB
5	Đê Hữu Phủ (Dự án củng cố, nâng cấp đê bờ tả sông phủ đoạn từ cầu Núi đèn cầu Phủ, phường Đại Nài, thành phố Hà Tĩnh)	0,15	Phường Đại Nài	Đan xin nguồn vốn để GPMB, giải quyết tồn đọng
6	Xử lý cấp bách đê Hữu Phủ, Thành phố Hà Tĩnh, đoạn từ K10+00 đến K15+315	26,58	Xã Thạch Khê, xã Đỉnh Bàn, Thành phố Hà Tĩnh	Đinh Bàn đã thực hiện Thạch Khê: đang cắm mốc GPMB
7	Dự án Tăng khả năng thoát lũ hạ du hồ Kê Gổ	98,62	Huyện Thạch Hà	Đang thực hiện
8	Dự án tăng cường khả năng tiêu thoát lũ vùng hạ du công trình thủy lợi Kê Gổ, tỉnh Hà Tĩnh (đoạn qua huyện Cẩm Xuyên)	42,65	Xã Cẩm Duệ, Cẩm Hưng, Cẩm Mỹ, Cẩm Nhượng, Cẩm Quan, Cẩm Quang, thị trấn Cẩm Xuyên, Thị trấn Thiên Cẩm, Yên Hòa, Cẩm Bình	Đang thực hiện
I.1.3	Đất cơ sở y tế			
1	Đất xây dựng cơ sở Y tế (Bệnh viện Vinmec Thiện Tâm Hà Tĩnh)	3,69	Phường Thạch Quý, Phường Thạch Hưng	Đã thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất
2	Trạm y tế phường Hà Huy Tập	0,12	Phường Hà Huy Tập	Đã thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất
I.1.4	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo			
1	Mở rộng trường THCS Phường Nam Hà	0,10	Phường Nam Hà	Đang trình phương án bồi thường
2	Thành phố giáo dục quốc tế Hà Tĩnh	22,54	Phường Nguyễn Du	Đã thu hồi đất 1 phần, chưa giao
3	Mở rộng trường Mầm non Văn Yên	0,20	Phường Văn Yên	Đã thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất
4	Mở rộng trường THPT Cẩm Bình (thôn Tân An)	2,48	Xã Cẩm Bình	Đã thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất
5	Xây dựng trường THCS Đại Nài về vị trí mới	1,44	Phường Đại Nài	Đã thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất
I.1.5	Đất công trình năng lượng			
1	Xây dựng, cải tạo	0,02	Phường Nguyễn Du, xã	Đang lập hồ sơ trình

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
	đường dây trung áp, hạ áp và TBA để chống quá tải, giảm tổn thất điện năng, giảm bán kính cấp điện khu vực thành phố Hà Tĩnh năm 2024		Thạch Bình, Thạch Hạ và Phường Thạch Trung	phương án bồi thường
2	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện của lưới điện trung áp khu vực thành phố Hà Tĩnh và thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh theo phương án đa chia – đa nối (MDMC)	0,02	Phường Thạch Hạ	Đang lập hồ sơ trình phương án bồi thường
3	Xây dựng, cải tạo đường dây trung áp, hạ áp và TBA để chống quá tải, giảm tổn thất điện năng, giảm bán kính cấp điện khu vực huyện Can Lộc, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh năm 2024	0,05	Xã Hộ Độ	Đang lập hồ sơ trình phương án bồi thường
4	Đường dây 110KV từ TBA 500 KV Thạch Linh - Hồng Lĩnh	2,70	Xã Nam Điền, Tân Lâm Hương, Thạch Xuân, Lưu Vĩnh Sơn, Thị trấn Thạch Hà, Việt Tiến, Thạch Liên	Đang lập hồ sơ trình phương án bồi thường
5	Xây dựng xuất tuyến mạch kép 22kV 471&473 và xuất tuyến 35kV 371 sau T A 110kV Hà Tĩnh	0,04	Xã Tân Lâm Hương	Đang lập hồ sơ trình phương án bồi thường
6	Xây dựng xuất tuyến 475 sau T A 110kV Hà Tĩnh để kết nối với đường dây 473E18.1 T A 110kV Thạch Linh	0,04	Xã Tân Lâm Hương	Đang lập hồ sơ trình phương án bồi thường
7	Xây dựng xuất tuyến 481 sau TA 110kV Hà Tĩnh để kết nối với đường dây 471E18.9 T A 110kV Cẩm Xuyên	0,04	Xã Tân Lâm Hương	Đang lập hồ sơ trình phương án bồi thường
8	Nâng cao chất lượng của lưới điện hạ áp năm	0,03	Các xã: Thạch Liên, Thạch Khê, Nam Điền,	Đang lập hồ sơ trình phương án bồi

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
	2024-2025 cho các TBA công cộng khu vực các xã Thạch Liên, xã Thạch Kênh, xã Nam Điền, xã Thạch Trị, xã Thạch Lạc và xã Thạch Long Thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh		Thạch Trị, Thạch Lạc, Thạch Long	thường
9	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện lưới điện các xã Thạch Hải, Thạch Lạc thuộc Thành phố Hà Tĩnh	0,04	Các xã: Thạch Liên, Thạch Kênh, Nam Điền, Thạch Trị, Thạch Lạc, Thạch Long	Đang lập hồ sơ trình phương án bồi thường
10	Đường dây 500KV Quảng Trạch - Quỳnh Lưu (Đường dây 500kV Nhiệt điện Vũng Áng 3 – Quỳnh Lập), đoạn qua huyện Cẩm Xuyên)	17,31	Các xã: Cẩm Minh, Cẩm Lạc, Cẩm Sơn, Cẩm Thịnh, Cẩm Hưng, Cẩm Quan, Cẩm Mỹ, Cẩm Duệ, Cẩm Thạch	Đang lập hồ sơ trình phương án bồi thường
11	Xây dựng tuyến 481 sau TBA 110kv Hà Tĩnh kết nối với đường dây 471E18.9 TBA 110kv Cẩm Xuyên	0,13	Xã Cẩm Vinh, xã Cẩm Bình	Đang lập hồ sơ trình phương án bồi thường
I.1.6	Đất bưu chính viễn thông			
1	Xây dựng các trạm BTS mạng di động trên địa bàn thành phố	0,41	Phường Đồng Môn, Thạch Bình, Thạch Hạ, Thạch Hưng, Thạch Trung, Thạch Quý, Văn Yên	Đang trình hồ sơ phương án bồi thường
I.1.7	Đất cơ sở tôn giáo			
1	Mở rộng khuôn viên giáo xứ Vạn Hạnh	0,20	Phường Thạch Trung	Đã phê duyệt giá đền bù, Đang kiểm đếm
I.2	Đất sinh hoạt cộng đồng			
1	Nhà Văn Hóa Tiên Tiến	0,11	Thôn Tiên Thiển Phường Đồng Môn	Đang trình QĐ thu hồi đất
2	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Tiên Phong, phường Thạch Quý	0,08	Phường Thạch Quý	Đang làm HS xây dựng chuẩn bị đấu thầu Đất phường quản lý
I.3	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng			
1	Tiểu công viên số 3 (kết hợp Nâng cấp, tôn tạo Giếng Chùa cổ phường Văn Yên)	0,18	Phường Văn Yên	Vướng Luật mới, giá THĐ

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
2	Sân thể thao, khu vui chơi thôn Bình Yên	0,15	Xã Thạch Bình	Đã thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất
I.4	Đất ở tại nông thôn			
1	Khu dân cư Đồng Cầu	2,50	Thôn Kinh Nam, Phường Thạch Hưng	Đã THĐ, dự kiến đấu giá năm 2025
2	Khu dân cư Cầu Ngan	4,89	Thôn Liên Thanh, Tân Học, Phường Thạch Hạ	Đã thu hồi đất nông nghiệp Đang lên hạ tầng
3	Khu tái định cư Đội Nếp (TĐC cho dự án đê Đồng Môn)	3,64	Phường Thạch Hưng	Đã THĐ, dự kiến bố trí tái định trong năm 2025
4	Khu đô thị 2 bên đường Ngô Quyền	42,79	Phường Thạch Trung	Đang kiểm đếm, xây dựng giá rồi
5	Hạ tầng khu dân cư xen dăm thôn Hồng Hà	0,57	Thôn Hồng Hà, Phường Thạch Trung	Đã THĐ LUA; 0,19 điều chỉnh DT còn 0,001m2 Ban A: đã thu hồi đất
6	Hạ tầng phía Tây thôn Tân Học, Phường Thạch Hạ	4,50	Phường Thạch Hạ	Đang lập báo cáo khả thi
7	Hạ tầng khu dân cư xen dăm Đồng Xay, thôn Thanh Phú Phường Thạch Trung (giai đoạn 3)	0,15	Xóm Thanh Phú, Phường Thạch Trung	Đã THĐ, dự kiến đấu giá năm 2025
8	Hạ tầng Khu dân cư Cọc Lim, thôn Đông Tiến (giai đoạn 3)	2,50	Xóm Đông Tiến, Phường Thạch Trung	Đã THĐ, dự kiến đấu giá năm 2025
9	Khu đô thị, thương mại dịch vụ, biệt thự sinh thái Nam Cầu Phủ	49,91	Xã Thạch Bình	- Có QĐ THĐ LUA - Đất khác khoảng 60% có QĐ THĐ
10	Hạ tầng khu dân cư vùng Giếng Đồng thôn Tiên Giang, Phường Đồng Môn	2,10	Phường Đồng Môn	Đã THĐ, dự kiến bố trí tái định trong năm 2025
11	Hạ tầng khu dân cư thôn Tân Phú, Phường Thạch Trung	3,05	Phường Thạch Trung	Đang làm hồ sơ đấu thầu dự án
12	Hạ tầng khu dân cư đồng Kênh, đồng Cửa Miếu, Phường Thạch Hưng	4,10	Phường Thạch Hưng	Đã thu hồi đất < 1 ha
13	Hạ tầng Khu dân cư Khu N trung tâm hành chính Phường Thạch Hưng	2,50	Phường Thạch Hưng	Đã thu hồi đất < 1 ha
14	Hạ tầng Khu dân cư	4,51	Phường Thạch Hưng	Đã thu hồi đất < 1 ha

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
	Khu M trung tâm hành chính Phường Thạch Hưng			
15	Hạ tầng Khu dân cư Đồng Cửa Hàng, xã Thạch Bình	2,51	Xã Thạch Bình	Đang trình QHCT
16	Hạ tầng khu dân cư Ao Tổng 2, xã Thạch Bình	1,60	Bình Lý, Thạch Bình	Đã thu hồi đất khoảng 1 ha, đang làm hạ tầng Đấu giá cuối 2024
17	Hạ tầng khu dân cư phía Đông thôn Tân Học, Phường Thạch Hạ	3,00	Tân Học, Phường Thạch Hạ	Đang lập báo cáo khả thi
18	Hạ tầng dân cư Trung Tiến, Phường Đồng Môn	2,20	Trung Tiến, Đồng Môn	- GD 1: 1ha đã có QĐ THĐ - GD 2: mới cắm mốc
19	Hạ tầng khu dân cư Liên Phú	0,70	Phường Thạch Trung	Đang phê duyệt phương án thu hồi đất
20	Hạ tầng khu dân cư Đồng Bường, Phường Thạch Hưng	3,66	Phường Thạch Hưng	Đang trình phương án thu hồi đất
21	Khu dân cư xen dăm thôn Đoài Thịnh, Phường Thạch Trung	0,90	Phường Thạch Trung	Đã THĐ, dự kiến bố trí tái định trong năm 2025
22	Thu hồi đất, bồi thường GPMB tạo quỹ đất sạch hai bên đường Hàm Nghi để đấu giá đất	22,00	Xã Thạch Đài	Đang GPMB
23	Quỹ đất thanh toán cho dự án tháo dỡ, xây mới DZ 110KV và 220KV	0,75	Xã Tân Lâm Hương, Thạch Đài	Đang GPMB
24	Đất ở bố trí tái định cư dự án Hạ tầng kỹ thuật đô thị quỹ đất hoàn trả cho dự án Tháo dỡ, xây mới đường dây 110 Kv và 220 Kv đi chung phục vụ giải phóng, phát triển quỹ đất phía Tây thành phố Hà Tĩnh	0,90	Xã Tân Lâm Hương	Đang làm hồ sơ
25	Đất ở nông thôn	2,61	Vùng Trạm Điện, thôn Trung Hoà, vùng Nhà Chôi, thôn 18, thôn Yên Trung, vùng Hoang Chứa, thôn Sơn Trinh, xã Tân Lâm Hương	Đã phê duyệt QHCT
26	Đất ở nông thôn	1,79	Thôn Liên Phó, Bình Dương, Liên Mỹ, Liên	Đã phê duyệt QHCT

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
			Quý, Thai Yên, Bắc Thai - xã Thạch Hội	
27	Đất ở nông thôn	3,37	Thôn Yên Lạc, vùng Chiêu Liêu, thôn Trung Phú, thôn Cao Thắng, Thôn Nam Thắng, thôn Trung Phú và xem đăm các thôn, xã Thạch Thắng	Đã làm hạ tầng
28	Đất ở nông thôn	2,62	Phía Tây, phía Nam Thôn Đồng Giang, dọc đường TL 26 (T. Đồng Giang), thôn Phúc Thanh, Đan Khê, Thanh Lan, Đồng Giang, Tân Phúc, Tân Hương, Vĩnh Tiến, Thôn Long Tiến, xã Thạch Khê	Đang làm hạ tầng phục vụ cấp đất
29	Đất ở nông thôn	4,18	Thôn Đồng Khánh, Đại Tiến, Toàn Thắng, Bắc Dinh, Hồng Dinh, Bắc Trì, Trần Phú, xã Thạch Trì	Đã phê duyệt QHCT
30	Đất ở nông thôn	4,62	Tổ 8, thôn Tân Phong, Ông Quý Hoan, Đường 15B Trẹm Pooc, Tổ 9, thôn Trường Xuân, thôn Trường Xuân, thôn Tây Sơn, xã Đình Bàn Văn sơn, thôn Bình Sơn và xen đăm các thôn, Vùng Đập Hộ, thôn Văn Sơn, xã Đình Bàn	Vùng Đập Hộ đã đấu xong, các vị trí khác đang làm QHCT và làm hạ tầng để đấu giá
31	Đất ở nông thôn	1,96	Thôn Nam Bình, Nam Thượng, Bắc Thượng, Liên Hương, Kỳ Phong, Thống Nhất, Kỳ Sơn, Bàu Láng, xã Thạch Đài	Đã phê duyệt QHCT
32	Đất ở nông thôn	1,49	Thôn Trung Văn, vùng HL3 thôn Nam Văn, Bắc Văn, Tân Văn, Đông Văn, xã Thạch Văn	Đã phê duyệt QHCT
33	Đất ở nông thôn	2,69	Thôn Hoà Lạc, Quyết Tiến, Bắc Lạc, xã Thạch Lạc	Đã phê duyệt QHCT
34	Đất ở nông thôn	3,53	Thôn Sâm Lộc, Phú Sơn, Hà Thanh, Thượng Phú, Đoài Phú, xã Tượng Sơn	Đã phê duyệt QHCT
35	Đất ở nông thôn	4,87	Thôn Hà Thanh, xã	Đã phê duyệt QHCT

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
			Tượng Sơn	
36	Đất ở nông thôn	1,31	Thôn Liên Hải, Bắc Hải, Đại Hải, xã Thạch Hải	Đã phê duyệt QHCT
I.5	Đất ở tại đô thị			
1	Dự án chỉnh trang đô thị hạ tầng dân cư TDP7	4,54	Khu Đồng Dài, Phường Hà Huy Tập	Đã THĐ 3,3ha Có QĐ
2	Khu đô thị Thạch Quý, thành phố Hà Tĩnh	10,18	Phường Thạch Quý	Đã thu hồi đất nông nghiệp
3	Đất ở mới (Xen dăm)	1,41	Phường Đại Nài	Hồi lại các trường hợp có QĐ giao đất
4	Khu dân cư tổ dân phố 2	1,20	TDP 2,6, Phường Nguyễn Du	Đã thu hồi đất 50%
5	Hạ tầng khu dân cư Khối phố Tuy Hòa (đổi diện Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh), phường Thạch Linh	1,59	P. Thạch Linh	Đang làm hồ sơ đấu thầu
6	Hạ tầng tổ dân phố 6, phường Nguyễn Du	1,31	P. Nguyễn Du	Đã thu hồi đất và đấu giá 12 lô x135m2
7	Hạ tầng khu dân cư phía Nam đường Nguyễn Du	2,50	Phường Thạch Quý	2 hộ đất ở chưa thống nhất phần BT
8	Khu dân cư tổ dân phố 8 (vị trí 1,3,4,6,7)	4,31	Phường Đại Nài	Đã thu hồi đất 1,13 ha
9	Hạ tầng hai bên Kênh phía Tây thành phố, phường Thạch Linh	4,21	P. Thạch Linh	Đã thu hồi đất 0,74 ha
10	Hạ tầng khu tái định cư khối phố Tân Quý, phường Thạch Quý	4,15	Phường Thạch Quý	Đã thu hồi đất 85% (giai đoạn 1: 3,15 ha)
11	Hạ tầng khu dân cư khối phố Bắc Quý	5,07	Bắc Quý, Thạch Quý	Đang lập báo cáo khả thi
12	Hạ tầng khu dân cư Đồi Mốt	2,00	Phường Thạch Linh, Phường Thạch Trung	Đã phê duyệt dự án
13	Hạ tầng khu dân cư Hợp Tiến	1,00	Phường Thạch Linh	Đang trình phê duyệt
14	Hạ tầng khu dân cư tại ngõ 164, đường Trần Phú, phường Nguyễn Du	0,20	Phường Nguyễn Du	Đang làm thủ tục THĐ
15	Hạ tầng tổ dân phố 7	0,44	Phường Hà Huy Tập	Đang làm phương án bồi thường
16	Đất ở giáp đường 26/3, thôn Bình Quang (thôn Trung trạm cũ), thôn Đông Nam Lý	0,60	Xã Cẩm Bình	Đang làm phương án bồi thường
17	Khu dân cư nông thôn xã Cẩm Bình	6,30	Xã Cẩm Bình	Đang làm thủ tục chấp thuận nhà đầu tư

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
18	Đất ở gần chợ Đình thôn Đông Vinh	0,20	Xã Cẩm Bình	Đang trình QHCT
19	Khu dân cư nông thôn xã Cẩm Vịnh	6,60	Xã Cẩm Vịnh	Đang làm thủ tục chấp thuận nhà đầu tư
20	Đất ở vùng Chà Moi thôn Đông Vinh	1,00	Xã Cẩm Vịnh	Đang trình phương án thu hồi đất
I.6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và đất thủy lợi			
1	Dự án tăng cường thoát lũ hạ du hồ Kẻ Gỗ	88,16	Thành phố Hà Tĩnh	Thạch Linh: đang làm thông báo thu hồi đất
I.7	Đất xây dựng trụ sở cơ quan			
1	Trung tâm hành chính phường (Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND phường Văn Yên)	0,62	Phường Văn Yên	Đã thu hồi nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất
I.8	Đất bãi thải, xử lý chất thải			
1	Bãi tập kết vật liệu thải phục vụ dự án đường Cao Tốc tại xã Thạch Đài	0,60	Thôn Bàu Láng, xã Thạch Đài	Đang trình phương án thu hồi đất
2	Bãi tập kết vật liệu thải phục vụ dự án đường Cao Tốc tại xã Thạch Đài	2,00	Thôn Liên Vinh, xã Thạch Đài	Đang trình phương án thu hồi đất
I.9	Đất sinh hoạt cộng đồng			
1	Nhà văn hoá thôn Nam Thắng	0,56	Thôn Nam Thắng, xã Thạch Thắng	Đã thu hồi đất nhưng chưa cấp GCN
2	Nhà văn hoá thôn Cao Thắng	0,53	Thôn Cao Thắng, xã Thạch Thắng	Đã thu hồi đất nhưng chưa cấp GCN
3	Nhà văn hoá thôn Trung Phú	0,45	Thôn Trung Phú, xã Thạch Thắng	Đã thu hồi đất nhưng chưa cấp GCN
4	Mở rộng nhà văn hoá thôn Trung Hoà	0,42	Thôn Trung Hoà, xã Tân Lâm Hương	Đang trình phương án thu hồi đất
I.10	Đất cụm công nghiệp			
1	Cụm công nghiệp Bắc Cẩm Xuyên (phần đất chưa cho thuê)	6,41	Xã Cẩm Vịnh	Đang làm hồ sơ cho thuê
II	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất			
II.1	Đất nuôi trồng thủy sản			
1	Đất nuôi trồng thủy sản	1,27	Thôn Đại Tiến, xã Thạch	Đang làm hồ sơ cho

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
			Trị	thuê
II.2	Đất thương mại, dịch vụ			
1	Khu du lịch dịch vụ sinh thái ven sông (Xây dựng khu du lịch dịch vụ, sinh thái ven sông tại vùng Đồng Ghè, Phường Thạch Hạ)	46,44	Đồng Ghè, Phường Thạch Hạ	Đang làm thủ tục đấu giá 8 lô
2	Dự án Xây dựng trụ sở làm việc kết hợp cửa hàng kinh doanh xăng dầu Giang Nam tại Phường Thạch Trung, thành phố Hà Tĩnh	0,91	Phường Thạch Trung	Có QĐ chủ trương chuyển nhượng của ng dân cho chủ đầu tư, chưa giao đất do liên quan đến nghĩa vụ TC
3	Dự án Tổ hợp văn phòng làm việc và thương mại dịch vụ MIPEC Hà Tĩnh của Công ty Cổ phần Hóa dầu Quân Đội	0,95	Phường Thạch Trung	Có QĐ chủ trương chuyển nhượng của ng dân cho chủ đầu tư, chưa giao đất do liên quan đến nghĩa vụ TC
4	Đất thương mại dịch vụ phía Nam đường Ngô Quyền (Đối diện BVĐK TTH)	1,50	Phường Thạch Trung	Đang làm VB lấy ý kiến HS cho thuê
5	Dự án đất thương mại dịch vụ phường Nguyễn Du	1,14	Phường Nguyễn Du	Đang làm HS CMD
6	Kho thương mại Công ty cổ phần Sơn Nikko	0,23	Thôn Nam Bình, xã Thạch Đài	Nhà đầu tư đang làm thủ tục xin giao đất
7	Đất thương mại, dịch vụ	0,50	Xã Tượng Sơn	Đã làm, chưa chuyển mục đích
8	Xây dựng cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng tổng hợp và thiết bị nội thất trong xây dựng	0,42	Đồng Chiêu Liêu, thôn Trung Phú, xã Thạch Thảng	Nhà đầu tư đang làm thủ tục xin giao đất
9	Hệ thống cửa hàng kinh doanh thương mại tổng hợp tại xã thạch văn	0,18	Thôn Bắc Văn, xã Thạch Văn	Nhà đầu tư đang làm thủ tục xin giao đất
II.3	Đất giáo dục			
1	Mở rộng trường THCS Hàm Nghi	0,94	Thôn Kỳ Phong, xã Thạch Đài	Đang điều chỉnh chủ trương do đổi tên dự án
II.4	Đất nông nghiệp khác			
1	Đất nông nghiệp khác	1,86	Thôn Trần Phú, xã Thạch Trị	Đang làm hồ sơ cho thuê
2	Cho thuê đất công ích trên địa bàn toàn huyện	8,00	Xã Cẩm Bình, Cẩm Vịnh	Đang làm hồ sơ cho thuê

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
III	Các khu vực sử dụng đất khác			
III.1	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao			
1	Tiểu công viên CX-01 thành sân bóng đá mini nhân tạo kết hợp tiểu công viên tại TDP 1	0,08	Phường Hà Huy Tập	Có chủ trương đầu tư đang đấu thầu dự án
2	Chuyển mục đích nhà văn hóa tổ 9 thành đất thể thao	0,01	Phường Nam Hà	Hiện trạng đang chuẩn bị HS
3	Sân thể thao TDP 6	0,04	Phường Bắc Hà	Đang chờ duyệt CMD
4	Sân thể thao (NVH TDP4 cũ, Phường Bắc Hà)	0,02	Phường Bắc Hà	Đang chờ duyệt CMD
III.2	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng			
1	Đất khu thể thao, công viên cây xanh mặt nước	2,22	Phường Thạch Trung	Đang GPMB
2	Tiểu công viên	0,09	Phường Thạch Hưng	Đã xây dựng, chưa có QĐ giao đất
3	Khu vui chơi, giải trí (Thu hồi NVH KP4 cũ - phường Hà Huy Tập)	0,09	Phường Hà Huy Tập	Đã lát gạch nhưng chưa chuyển mục đích
III.3	Đất ở nông thôn (cấp đất, giao đất, hợp thức, chuyển mục đích sử dụng đất)			
1	Xen dăm các xóm	1,35	Phường Thạch Trung	Đã thực hiện được 40%
2	Xen dăm dân cư xã Thạch Bình (giao đất)	0,50	Xã Thạch Bình	Đang làm hồ sơ giao đất
3	Xen dăm các thôn	1,00	Phường Thạch Hưng	Đã phê duyệt QH chi tiết
4	Xen dăm đất ở Đông Tiến, Tân Trung, Thanh phú, Đoàn Thịnh, Tân Phú, Nam Quang, Hồng Hà	0,50	Phường Thạch Trung	Đã thu hồi đất 1 phần
5	Khu Tái định cư dự án Đường Nam cầu Cày đi cầu Thạch Đồng tại xóm Liên Công, Phường Đồng Môn (xóm Đồng Giang, xã Thạch Đồng cũ)	0,92	Phường Đồng Môn	Đã phê duyệt QH chi tiết
6	Khu dân cư Đồi Quang	1,60	Phường Đồng Môn	Đang làm HS xin đầu

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
				giá
7	Khu dân cư thôn Liên Nhật (giai đoạn 2)	1,90	Phường Thạch Hạ, Đồng Môn	Đã đấu giá, còn 6-7 lô chưa đấu giá xong
8	Khu Tái định cư	0,50	Thôn Thanh Cao, xã Thạch Khê	Đã GPMB và sắp xếp TĐC
9	Khu đất thu hồi của Hợp tác xã Chăn nuôi khởi nghiệp Thạch Đài	0,06	Thôn Liên Vinh, xã Thạch Đài	Đang làm hồ sơ đấu giá
10	Các lô đất dôi dư tại khu tái định cư phục vụ dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 15A đoạn nối QL1A- Đường Hồ Chí Minh (15 lô), xã Thạch Đài	0,24	Xã Thạch Đài	Chờ giá đấu
11	Các lô đất dôi dư tại khu tái định cư phục vụ dự án đường ven biển Thạch Khê - Vũng Áng (32 lô), xã Thạch Văn	1,72	Xã Thạch Văn	Chờ giá đấu
12	Các lô đất dôi dư tại khu tái định cư phục vụ dự án đường ven biển Thạch Khê - Vũng Áng (11 lô), xã Thạch Trị	0,37	Xã Thạch Trị	Chờ giá đấu
13	Giao đất, đấu giá QSD các thửa đất nhỏ hẹp (theo ND 148/ND-CP)	3,00	Các xã	Chờ giá đấu
14	Đất ở thôn Tân An, Đông Nam Lý, Bình Minh, Bình Quang, Yên Bình, Đông Trung, Bình Luật, Vinh Thái, Đông Vinh	1,00	Xã Cẩm Bình	Đã có QHCT
15	Đất ở vùng Con Hòe, Thôn Tam Trung và Vùng Ổ Ga dưới - thôn Đông Hạ, sân bóng Ngụ Phúc	0,26	Xã Cẩm Vịnh	Đã có QHCT
16	Đất ở xen ghép trên địa bàn toàn xã	0,20	Xã Cẩm Vịnh	Đang thực hiện
17	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở	8,00	Xã Cẩm Bình, Cẩm Vịnh	Đang thực hiện
18	Đất xem dăm; giao đất nhỏ hẹp trong khu dân cư	3,50	Xã Cẩm Bình, Cẩm Vịnh	Đang thực hiện
III.4	Đất ở đô thị (cấp đất,			

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
	giao đất, hợp thức, chuyển mục đích sử dụng đất)			
1	Khu dân cư đường Nguyễn Du, phường Thạch Quý	0,60	Phường Thạch Quý	Đấu nhưng chưa được, chuẩn bị đấu giá TĐC tiếp
2	Hạ tầng khu dân cư tổ dân phố 3, 4, 6, 7, Bàu Rạ (Giao đất)	3,71	Phường Hà Huy Tập	Đang làm hồ sơ giao đất
3	Hạ tầng khu dân cư Đồng Bàu Rạ	2,98	Phường Hà Huy Tập	KH2025 đấu giá các lô còn lại
4	Hạ tầng hai bên đường Đường Hải thượng Lân Ông kéo dài (giao đất)	2,81	Phường Thạch Quý, Tân Giang	Đã giao hết phường Tân Giang Thạch Quý: 9 lô đấu thành công
5	Đất ở mới Tổ 3,4,7 phường Hà Huy Tập	0,20	Phường Hà Huy Tập	Đang thực hiện
6	Đất ở mới các tổ dân phố phường Trần Phú	0,20	Phường Trần Phú	Đã đấu 0,07ha
7	Khu hạ tầng xen dăm đấu giá đất ở, tái định cư, tách hộ các Tổ dân phố 1, 2, 3, 5, 7, 8, khu trung tâm HC phường và trụ sở UBND phường Nam Hà (cũ)	0,41	Phường Nam Hà	Phê duyệt QH rồi Đang làm giá
8	Xen dăm dân cư (nhiều vị trí)	0,50	Phường Đại Nài	Đang trình phê duyệt QHCT
9	Đấu giá đất ở đô thị Khu dân cư Vĩnh Hòa	2,80	Phường Thạch Linh	KH2025 đấu giá các lô còn lại
10	Hạ tầng khu dân cư xem dăm TDP4, phường Hà Huy Tập	0,95	phường Hà Huy Tập	Còn 1 hộ, đang làm phương án TĐC
11	Đấu giá đất ở tại phường Trần Phú	0,17	Phường Trần Phú	Đã làm giá đấu
III.5	Đất sinh hoạt cộng đồng			
1	Xây dựng nhà văn hóa thôn Trung Tiến	0,10	Phường Đồng Môn	- Làm trên nền NVH cũ - Có trường hợp hộ dân không ở thường xuyên nên không BT nhưng hiện giờ hộ dân đang quay lại yêu cầu đền bù nên chưa cấp được giấy chứng nhận
2	Phòng khám Ban Bảo	0,25	Phường Tân Giang	Đang làm thủ tục

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
	vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh			CMĐ
3	Mở rộng khuôn viên nhà văn hoá thôn Bàu Láng	0,24	Thôn Bàu Láng, xã Thạch Đài	Đang thực hiện
III.6	Đất tin ngưỡng			
1	Đền Phú Sơn	0,62	Thôn Phú Sơn, xã Tượng Sơn	Đang thực hiện
III.7	Đất thủy lợi			
1	Mở rộng nhà máy nước và hệ thống đường ống Bắc Cẩm Xuyên	1,70	Cẩm Mỹ, Cẩm Duệ, Cẩm Quan, Cẩm Bình, Yên Hòa, Cẩm Dương, Cẩm Quang, xã Cẩm Thạch	Đang thực hiện
III.8	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp			
1	Các dự án SXKD tại cụm công nghiệp Thạch Đồng	2,04	Phường Đồng Môn	chuyển sang đang thực hiện (Đang có nhà đầu tư khảo sát)
TỔNG 195 CT,DA		843,99		

- Chưa thực hiện 43/363 công trình, với diện tích 118,19 ha, chiếm tỷ lệ 11,85% so với tổng số công trình, dự án được phê duyệt, bao gồm các công trình, dự án được thể hiện chi tiết dưới bảng sau:

Bảng 5: Các công trình, dự án chưa thực hiện trong kế hoạch năm 2024

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Lý do
A	Công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh			
I	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh			
I.1	Đất an ninh			
1	Trụ sở Phòng cảnh sát cơ động thuộc Công an tỉnh Hà Tĩnh (Trường Đại học Hà Tĩnh cơ sở 3 tại Phường Thạch Quý, thành phố Hà Tĩnh)	1,88	Phường Thạch Quý	Chưa giao đất
2	Đất trụ sở Công an xã	0,21	Xã Tượng Sơn	Thực hiện trong năm 2025
B	Các công trình, dự án còn lại			
I	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất			
I.1	Đất phát triển hạ tầng			
I.1.1	Đất giao thông			
1	Đường bao sông Cụt đoạn từ	0,08	Phường Tân	Vướng tài sản trên

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Lý do
	đường 26/3 đến đường Nguyễn Trung Thiên		Giang	đất chưa bồi thường
2	Nâng cấp đường Nguyễn Hoành Từ (đoạn từ đường Hà Huy Tập đến đường Lê Duẩn)	0,05	Phường Đại Nài, Hà Huy Tập	Vướng GPMB
3	Đường trục ngang biển Khu du lịch biển Văn - Trị	0,65	Xã Thạch Văn	Đang chờ phê duyet quy hoạch chi tiết
I.1.2	Đất xây dựng cơ sở văn hóa			
1	Xây dựng Trụ sở Bảo tàng	2,55	Phường Nguyễn Du	Có VB của Tỉnh
2	Cải tạo Cảnh quan quần thể Đài tưởng niệm liệt sỹ và Giếng Chùa, thôn Trung Hưng	0,10	Phường Thạch Hưng	Đang chờ phê duyet quy hoạch chi tiết
I.1.3	Đất cơ sở y tế			
1	Trạm Y tế Đồng Môn	0,28	Thôn Thắng Lợi Phường Đồng Môn	Xin chủ trương, đang thiết kế bản vẽ
2	Xây dựng mới trạm y tế Phường Thạch Hạ	0,30	Phường Thạch Hạ	Đang lập QH
I.1.4	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo			
1	Mở rộng trường Mầm non Phường Thạch Hạ	0,15	Phường Thạch Hạ	Mới duyệt QH phân khu, chưa có QH chi tiết
2	Tổ hợp giáo dục tại thành phố Hà Tĩnh	5,82	Phường Thạch Hưng	Nhà đầu tư đang làm hồ sơ
3	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt - Đức	4,23	Phường Thạch Trung	Nhà đầu tư đang làm hồ sơ
I.1.5	Đất cơ sở tôn giáo			
1	Mở rộng khuôn viên giáo xứ Chân Thành	0,10	Phường Thạch Trung	Đang đề nghị điều chỉnh QH
I.2	Đất sinh hoạt cộng đồng			
1	Mở rộng nhà văn hóa tổ dân phố 3	0,03	Phường Bắc Hà	- Đang chờ phê duyet QH - BS KHSSĐ, tháng 9 mới có QĐ
I.3	Đất ở tại nông thôn			
1	Hạ tầng Khu dân cư thôn Thanh Tiến, Phường Đồng Môn	2,85	Phường Đồng Môn	Đang làm hồ sơ chuẩn bị đầu tư
2	Khu nhà ở xã hội tại Phường Thạch Trung	9,00	Phường Thạch Trung, phường Nguyễn Du	Thạch Trung: Xin các VB của tỉnh về QĐ đầu tư
3	Đất ở nông thôn	1,85	Thôn Nam Văn, xã Thạch Văn	Đang xây dựng QHCT
I.4	Đất ở tại đô thị			
1	Dự án Khu phức hợp thể thao, nhà ở Sông Đông	7,20	Phường Thạch Linh, thành phố	Đang trình hồ sơ GPMB

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Lý do
			Hà Tĩnh	
I.5	Đất xây dựng trụ sở cơ quan			
1	Trung tâm hành chính Phường Thạch Trung	0,85	Phường Thạch Trung	Đang điều chỉnh QH phân khu
II	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất			
II.1	Đất thương mại, dịch vụ			
1	Khu đất thu hồi Khu liên cơ Báo Hà Tĩnh (3 đơn vị: Báo Hà Tĩnh, cục Thống kê Hà Tĩnh, Hội liên hiệp văn học nghệ thuật Hà Tĩnh)	0,17	Phường Tân Giang	Chưa có phương án đấu giá
2	Khu đất thu hồi Tổng công ty thép Việt Nam	0,88	Phường Nguyễn Du	Chưa có phương án đấu giá
3	Khu đất thu hồi của Công ty CP Vật tư nông nghiệp Hà Tĩnh	0,10	Phường Nguyễn Du	Chưa có phương án đấu giá
4	Khu TMDV (từ đất nông nghiệp khác)	0,73	Phường Đồng Môn	Nhà đầu tư đang xin thủ tục
5	Đất thương mại dịch vụ	0,15	Phường Bắc Hà	Nhà đầu tư đang khảo sát
6	Dự án xây dựng kho thương mại tổng hợp tại Hà Tĩnh	0,09	Phường Thạch Linh	Nhà đầu tư đang khảo sát
7	Đất thương mại, dịch vụ (thu hồi khu đất của Công ty CP Đức Thành Thắng; Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, khu đô thị Bắc)	0,48	Phường Nguyễn Du	Chưa có phương án đấu giá
8	Đất thương mại, dịch vụ (thu hồi khu đất của Công ty CP TECCO Hà Tĩnh, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, khu đô thị Bắc)	1,60	Khu đô thị Bắc, phường Nguyễn Du	Chưa có phương án đấu giá
9	Quỹ tín dụng nhân dân Phường Thạch Hạ	0,06	Phường Thạch Hạ	Sở KHĐT đang KT, đã thẩm định
10	Cửa hàng xăng dầu Thành An	0,10	Đông Re Re, thôn Yên Lạc, xã Thạch Thắng	Đang xin chủ trương đầu tư
11	Dự án khu du lịch biển	66,40	Xã Thạch Trị, Thạch Văn	Đang xin chủ trương đầu tư
II.2	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp			
1	Đất sản xuất phi nông nghiệp xã Hộ Độ	0,20	Xã Hộ Độ	Chưa có nhà đầu tư
III	Các khu vực sử dụng đất khác			
III.1	Đất ở đô thị (cấp đất, giao đất, hợp thức, chuyển mục đích sử dụng đất)			

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Lý do
1	Hạ tầng xen dầm dân cư các khối phố cũ	0,20	Phường Nam Hà	Đang xin phương án đầu giá
2	Khu dân cư Đại Đồng	0,20	Phường Thạch Linh	Chưa xây dựng hạ tầng
3	Đền bù hộ bị ảnh hưởng bởi đất TCLN tại khu vực Đê cầu phủ (Đất cây lâu năm và đất ở)	0,05	Phường Đại Nài	Vị trí để bố trí TĐC chưa thống nhất phương án GPMB
4	Quỹ đất thanh toán cho dự án tháo dỡ, xây mới DZ 110KV và 220KV	3,45	Phường Thạch Linh	Đang xin chủ trương đầu tư
5	Đất ở xen dầm TDP Tâm Quý	0,15	Phường Thạch Quý	Điều chỉnh QHCT
6	Đầu giá đất ở dân cư tổ dân phố 2	0,13	Phường Đại Nài	Đang chờ giá để đầu
III.2	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng			
1	Mở rộng Nghĩa trang Liệt sỹ Núi Nài	0,04	Phường Đại Nài	Mới có quy hoạch
III.3	Đất nuôi trồng thủy sản			
1	Cho thuê đất công ích	5,00	Xã Thạch Bình	Chưa ai thuê
III.4	Đất xây dựng cơ sở văn hóa			
1	Cải tạo, mở rộng Đài tưởng niệm phường Thạch Quý, thành phố Hà Tĩnh	0,14	Phường Thạch Quý	Đang làm HS xây dựng
2	Xây dựng nhà văn hóa thôn Quyết Tiến từ trạm y tế cũ	0,13	Phường Đồng Môn	Chưa có chủ trương
III.5	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp			
1	Trụ sở Ban QLDA ĐT xây dựng công trình NN&PTNT	0,15	Phường Nam Hà	Chưa có chủ trương
III.6	Đất ở nông thôn			
1	Các lô đất ở dôi dư tại khu tái định cư phục vụ dự án đường ven biển Thạch Khê - Vũng Áng (01 lô), xã Thạch Lạc	0,03	Xã Thạch Lạc, Thành phố Hà Tĩnh	Đang chờ giá để đầu
III.7	Đất tin ngưỡng			
1	Mở rộng đền Cồn Trang	0,22	Thôn Vĩnh Sơn, xã Đỉnh Bàn	Chưa có chủ trương
TỔNG 43 CT,DA		118,19		

- Đề nghị đưa ra khỏi kế hoạch sử dụng đất năm 2025 có 68/363 công trình, dự án do không khả thi thực hiện tiếp trong năm kế hoạch với diện tích 165,33 ha chiếm 16,25% tổng số danh mục, bao gồm các công trình, dự án được thể hiện chi tiết dưới bảng sau:

Bảng 6: Các công trình dự án chưa thực hiện đề nghị hủy bỏ không

chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2025

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Lý do
I.1	Đất phát triển hạ tầng			
I.1.1	Đất giao thông			
1	Đường phía Nam và phía Đông BCHQS tỉnh Hà Tĩnh	2,80	Phường Nguyễn Du	Công trình quá 2 năm nhưng chưa thực hiện
2	Nâng cấp hệ thống đường giao thông xã Thạch Hạ	1,46	Thôn Minh Yên, Tân Lộc & thôn Hạ, Phường Thạch Hạ	Chưa thực hiện nhưng dự án đã kết thúc
3	Đường giao thông trục Phường Thạch Trung (Đoạn từ đường Trần Phú đến khu dân cư Đồng Xay)	2,00	Phường Thạch Trung	Chưa bố trí được vị trí tái định cư
4	Đường Ngô Quyền - Đồng Môn	0,27	Thôn Thanh Tiến, Phường Đồng Môn	Công trình quá 2 năm nhưng chưa thực hiện
5	Đường giao thông liên thôn Đông Đoài, thôn Thượng	0,32	Thôn Đông Đoài, Phường Thạch Hạ	Công trình quá 2 năm nhưng chưa thực hiện
6	Nâng cấp, mở rộng đường GTNĐ	0,47	Xã Thạch Bình	Xây dựng khi thực hiện dồn điền đổi thửa
7	Xây dựng đường giao thông đoạn từ trường THCS Hưng Đồng đến đường vào xóm Tiến Hưng, Phường Thạch Hưng	0,70	Phường Thạch Hưng	Công trình quá 2 năm nhưng chưa thực hiện
8	Xây dựng đường giao thông từ đường Đồng Môn ra vùng Ghè	0,57	Phường Đồng Môn	Vướng chủ trương, chưa phù hợp thực hiện trong năm 2025
9	Đường giao thông thôn Đại Hải	0,02	Thôn Đại Hải, xã Thạch Hải	Công trình chưa có chủ trương đầu tư
I.1.2	Đất thủy lợi			
1	Kênh tiêu thoát lũ khu đồng Ngọ Vinh	0,25	TDP 2, phường Nguyễn Du	Công trình quá 2 năm nhưng chưa thực hiện
2	Kênh mương phường Hà Huy Tập	0,50	TDP 3+4+5 phường Hà Huy Tập	Công trình quá 2 năm nhưng chưa thực hiện
3	Kênh tiêu úng dọc tuyến đường ĐH.131 đoạn từ Đường ĐH.121 đến thôn Bình Minh, xã Cẩm Bình	0,10	Xã Cẩm Bình	Công trình chưa có chủ trương đầu tư
I.1.3	Đất có di tích lịch sử - văn hóa			
1	Mở rộng Võ Miếu	0,29	Phường Tân Giang	Công trình quá 2 năm nhưng chưa

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Lý do
				thực hiện
2	Mở rộng nhà văn hoá thôn Đan Khê	0,20	Thôn Đan Khê, xã Thạch Khê	Chưa có chủ trương đầu tư
I.1.4	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng			
1	Di dời đường điện trung tâm hành chính tỉnh	4,00	Phường Trần Phú	Công trình quá 2 năm nhưng chưa thực hiện
I.2	Đất sinh hoạt cộng đồng			
1	Nhà văn hoá và khu thể thao thôn Hồng Hà	0,25	Thôn Hồng Hà, Phường Thạch Trung	Chưa sắp xếp được phương án điều chuyển tài sản công
2	Nhà văn hoá và khu thể thao thôn Tân Phú	0,20	Thôn Tân Phú, Phường Thạch Trung	Vướng QH KĐT Nam Cầu Cày (vị trí này nằm trong khu đô thị Nam Cầu Cày)
I.3	Đất ở tại nông thôn			
1	Đất ở mới xen dăm tại các xóm	4,17	Phường Thạch Hạ	Chia ra từng dự án để thực hiện
2	Xen dăm đất ở 9 thôn	0,60	Phường Đồng Môn	Chia ra từng dự án để thực hiện
3	Khu đô thị mới phía Nam Cầu Cày, Phường Thạch Trung	20,74	Thạch Trung	Công trình quá 2 năm nhưng chưa thực hiện
4	Khu dân cư xen dăm thôn Liên Hà (Giai đoạn 2)	1,50	Phường Thạch Hạ	Công trình quá 2 năm nhưng chưa thực hiện
5	Đất ở nông thôn	3,50	Thôn Đông Văn, xã Thạch Văn	Chưa có chủ trương đầu tư
6	Dự án Hạ tầng khu dân cư đô thị và thương mại - dịch vụ Cẩm Vịnh, huyện Cẩm Xuyên	7,27	Xã Cẩm Vịnh	Chưa có chủ trương đầu tư
7	Đất ở vùng Nương Mụ, thôn Ngụ Phúc	0,70	Xã Cẩm Vịnh	Vướng GPMB, không thực hiện được trong năm 2025
I.4	Đất ở tại đô thị			
1	Khu đô thị tại thành phố Hà Tĩnh	6,03	phường Nguyễn Du	Công trình quá 2 năm nhưng chưa thực hiện
2	Khu đất phía Đông bộ chỉ huy quân sự tỉnh	2,50	Phường Nguyễn Du	Công trình quá 2 năm nhưng chưa thực hiện
3	Khu đô thị tại Phường Thạch Trung	20,75	Phường Thạch Trung, Phường	Quyết định số 1624/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của UBND tỉnh Hà Tĩnh

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Lý do
			Nguyễn Du	về việc hủy bỏ Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị Phường Thạch Trung, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, tỷ lệ 1/500
4	Hạ tầng khu dân cư khối phố 8, Ngõ 63 đường Lê Duy Điểm (giai đoạn 1), phường Đại Nài	2,04	Phường Đại Nài	Chưa có báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình
5	Hạ tầng khu dân cư tổ dân phố 2, phường Đại Nài	1,00	Phường Đại Nài	Chưa có báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình
6	Hạ tầng khu dân cư khối phố Trung Đình, phường Thạch Quý	1,00	Phường Thạch Quý	Tạm thời dừng
7	Dự án hạ tầng khu dân cư khối phố Trung Đình, phường Thạch Quý, thành phố Hà Tĩnh	0,60	Phường Thạch Quý	Tạm thời dừng
I.5	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp			
1	Trụ sở Đài truyền hình	1,00	Phường Thạch Linh	Đơn vị chưa chuyển sang vị trí mới
I.6	Đất mặt nước chuyên dùng			
1	Mở rộng hồ Công Đoàn	0,03	TDP 1, phường Bắc Hà	Khó khăn trong việc GPMB
I.7	Đất công trình xử lý chất thải			
1	Mở rộng Khu xử lý rác thải tại xã Thạch Lạc, Thạch Trị	4,00	Xã Thạch Trị, Thạch Lạc	Dự án không còn tính khả thi
I.8	Đất xây dựng trụ sở cơ quan			
1	Trung tâm hành chính phường Thạch Trung	0,27	Xã Tân Lâm Hương	Không khả thi
II	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất			
II.1	Đất nuôi trồng thủy sản			
1	Chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang NTTS ở xứ đồng Đập Cu	5,00	Phường Đồng Môn	Dự án không còn tính khả thi
2	Mô hình chuyển đổi đất lúa sang NTTS ở xứ đồng Đập Mậu	8,00	Phường Thạch Trung	Không khả thi
II.2	Đất nông nghiệp khác			
1	Các khu vực xây dựng mô hình trồng rau, củ, quả công nghệ cao	6,10	Phường Đồng Môn, Phường Thạch Hạ	Chưa có nhà đầu tư
2	Mô hình chăn nuôi bò nhót	1,00	Phường	Nhà đầu tư không

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Lý do
			Đồng Môn	còn nhu cầu
II.3	Đất thương mại, dịch vụ			
1	Đất thương mại, dịch vụ (thu hồi khu đất của sở Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Hà Tĩnh cũ)	0,21	Phường Bắc Hà	Chưa có phương án đầu giá
2	Đất thương mại dịch vụ	0,16	Xã Cẩm Vịnh	Vướng thủ tục
3	Quy hoạch đất sản xuất kinh doanh thôn Liên Xuân (giáp mỏ sắt đến đường Jिका), thôn Liên Xuân	1,50	Xã Hộ Độ	Chưa có nhà đầu tư, hủy bỏ
4	Đất thương mại dịch vụ tại Khu đất thu hồi của Trung tâm Phục hồi chức năng và Dưỡng sinh Võ Hoàng Yên	2,20	Xã Cẩm Vịnh	Giao trung tâm quỹ đất
5	Dự án khu sinh hoạt văn hóa, phơi sấy và trụ sở HTX bánh đa nem Thạch Hưng	2,00	Phường Thạch Hưng	Chưa có nhà đầu tư
6	Đất TMDV khu vực đường Ngô Quyền vị trí số 2	0,85	Phường Thạch Trung	Chưa có nhà đầu tư
7	Đất thương mại dịch vụ phía Nam đường Ngô Quyền (Đối diện BVĐK TTH)	1,50	Phường Thạch Trung	Chưa có nhà đầu tư
II.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp			
1	Khu sản xuất kinh doanh xã Thạch Bình	2,90	Xã Thạch Bình	Chưa có nhà đầu tư
III	Các khu vực sử dụng đất khác			
III.1	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao			
1	Tổ hợp dịch vụ thể thao tại phường Văn Yên	0,57	Phường Văn Yên	Công trình quá 2 năm nhưng chưa thực hiện
III.2	Đất ở nông thôn (cấp đất, giao đất, hợp thức, chuyển mục đích sử dụng đất)			
1	Đất ở mới (Xen dầm NVH cũ Hoà Bình, Đồng Tiến, Đồng Liên)	0,14	Phường Đồng Môn	Đầu giá nhưng không thành công, định hướng QH sang khu vui chơi
2	Xen dầm vùng Hậu Thượng (giao đất)	0,10	Phường Thạch Hưng, phường Thạch Quý	Công trình quá 2 năm nhưng chưa thực hiện
3	Khu dân cư Đồng Vương (Giao đất)	0,34	Phường Thạch Trung	Công trình quá 2 năm nhưng chưa thực hiện
4	Hạ tầng dân cư tuyến 2 phía Tây đường Hà Huy Tập	2,50	Xã Thạch Bình	Công trình quá 2 năm nhưng chưa

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Lý do
				thực hiện
5	Chuyển mục đích đất trồng cây lâu năm sang đất ở nông thôn (các thửa đất xen kẹt không liền kề)	0,30	Các xã	Không phù hợp với quy định hiện hành
6	Giao đất xen kẹt, nhỏ hẹp trên địa bàn các xã	3,00	Các xã trên địa bàn Thành Phố	Không phù hợp với quy định hiện hành
7	Đất ở kết hợp thương mại, dịch vụ tại nút giao thông đường tránh QL 1A, Các thôn: Tam Trung, Yên Khánh, Tam Đồng, Đông Hạ, Đông Vịnh, Ngũ Phúc (Xây dựng khu dân cư tại nút giao thông đường tránh QL 1A)	24,35	Xã Cẩm Vịnh	Không khả thi
III.3	Đất ở đô thị (cấp đất, giao đất, hợp thức, chuyển mục đích sử dụng đất)			
1	Chuyển mục đích đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị (các thửa đất xen kẹt không liền kề)	0,20	Các phường	Công trình quá 2 năm nhưng chưa thực hiện
2	Xen dầm khu dân cư Hợp Tiến	0,08	Pường Thạch Linh	Công trình quá 2 năm nhưng chưa thực hiện
3	Giao đất khu dân cư TDP 2; KDC xen dầm TDP 6	0,26	Pường Nguyễn Du	Công trình quá 2 năm nhưng chưa thực hiện
4	Khu xen dầm dân cư TDP Nhật Tân	0,06	Pường Thạch Linh	Công trình quá 2 năm nhưng chưa thực hiện
5	Đất ở xen dầm TDP Tâm Quý, Bắc Quý	0,08	Pường Thạch Quý	Công trình quá 2 năm nhưng chưa thực hiện
6	Khu dân cư Đồng Trọt	0,66	Pường Thạch Quý	Công trình quá 2 năm nhưng chưa thực hiện
7	Xen dầm tổ dân phố 3	0,02	Pường Trần Phú	Công trình quá 2 năm nhưng chưa thực hiện
8	Đất ở từ đất trường dạy nghề	0,98	Pường Văn Yên	Chưa có phương án đấu giá
9	Đất ở từ đất thu hồi của Công ty TNHH Du lịch Thương mại Khánh Hà	1,50	Pường Hà Huy Tập	Chưa có phương án đấu giá
10	Giao đất xen kẹt, nhỏ hẹp trên địa bàn các phường	0,90	Các phường	Không phù hợp với quy định hiện hành
11	Đền bù hộ bị ảnh hưởng bởi đất TCLN tại khu vực Đê Tả phủ (Đất cây lâu năm và đất ở)	0,05	Pường Đại Nãi	Không khả thi
III.4	Đất sản xuất kinh doanh			

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Lý do
1	Quy hoạch đất chế biến thủy hải sản	0,52	Thôn Quang Lạc, xã Thạch Lạc	Chưa có nhà đầu tư
III.5	Đất nuôi trồng thủy sản			
1	Đất nuôi trồng thủy sản thôn Ngụ Quế	5,20	Xã Cẩm Vinh	Giữ lại hiện trạng là đất lúa để thực hiện tập trung đất đai
TỔNG 68 CT,DA		165,33		

2.3. Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất

2.3.1. Đánh giá hiệu quả kinh tế

Trong năm 2024, thành phố đã cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp liền kề với đất ở sang đất ở theo đúng chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra. Chính sách này không chỉ giúp thành phố quản lý chặt chẽ diện tích đất được phép chuyển đổi mà còn tối ưu hóa việc sử dụng đất đai, đáp ứng nhu cầu đất ở của người dân. Đồng thời, công việc này góp phần quan trọng trong việc tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương, tạo thêm nguồn lực để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng.

Bên cạnh đó, thành phố đã tập trung xây dựng đầu tư, hoàn thiện các hạ tầng khu dân cư mới cũng như các khu đất xen dăm đất ở để tạo ra quỹ đất phục vụ việc đấu giá và tái định cư. Việc này không chỉ đáp ứng nhu cầu sử dụng đất ở của người dân mà còn làm tăng nguồn thu ngân sách địa phương thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, tạo tiền đề cho các dự án phát triển mới.

Ngoài ra, huyện đã xây dựng và sửa chữa hệ thống kênh mương trên toàn địa bàn, giúp việc tưới tiêu trong nông nghiệp trở nên thuận lợi hơn. Nhờ đó, chi phí sản xuất nông nghiệp được giảm đáng kể, nâng cao hiệu quả canh tác và góp phần cải thiện đời sống của người dân làm nông.

2.3.2. Đánh giá hiệu quả xã hội

Thành phố Hà Tĩnh đã chủ động tạo ra nhiều vùng đất phục vụ việc làm giao đất, tái định cư và đấu giá đất ở, giúp người dân có thêm đất ổn định để sinh sống, đồng thời cuối cùng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên bàn. Việc này không chỉ đáp ứng nhu cầu nhà ở của người dân mà còn mở ra cơ hội thu hút đầu tư, phát triển các khu dân cư, khu đô thị mới.

Song song với đó, các dự án đường điện phát triển khai trong năm 2024 đang được thực hiện hiệu quả, đảm bảo cung cấp điện ổn định cho người dân.

2.3.3. Đánh giá hiệu quả môi trường

Trong năm 2024, thành phố đã triển khai nâng cấp, chỉnh trang các tuyến đường giao thông kết hợp với mương thoát nước, giải quyết được tình trạng ngập úng nước trên địa bàn thành phố giúp giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Căn cứ vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm, Ủy ban nhân dân thành phố đã thực hiện cân đối và bố trí đất một cách hợp lý, đảm bảo công việc sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên đất, tránh lãng phí và hạn chế các tác động tiêu cực đến môi trường. Giải pháp này không chỉ góp phần bảo vệ tài nguyên đất mà còn hỗ trợ giảm thiểu môi trường ô nhiễm, định hướng cho sự phát triển bền vững của thành phố.

2.4. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước

Do nhiều nguyên nhân khác nhau mà tiến độ thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Hà Tĩnh còn thấp, kết quả đạt được chưa cao. Nguyên nhân của những tồn tại này bao gồm những lý do sau:

- Một số chủ đầu tư chưa phối hợp tích cực với các cơ quan có liên quan của thành phố để tổ chức thực hiện dự án sau khi đăng ký, nên rất bị động, lúng túng, kéo dài thời gian.

- Kỳ họp hội đồng nhân dân thành phố cuối năm thường diễn ra muộn hơn với kỳ họp tỉnh, trong khi việc trình danh mục các công trình dự án liên quan đến chủ trương phân bổ nguồn vốn cần trình cho kỳ họp tỉnh trước nên cơ bản việc xây dựng danh mục trình tỉnh chưa được tuyệt đối.

- Việc lập, điều chỉnh quy hoạch chung, quy hoạch phân khu cục bộ và kéo dài làm cho việc đề xuất một số công trình chưa phù hợp.

- Các dự án đất ở để đấu giá hoặc bố trí tái định cư do theo quy định mới cần phải sử dụng giá trong bảng giá đất. Tuy nhiên, giá trong bảng giá đất quy định thấp hơn nhiều so với giá thị trường cho nên các dự án trên chưa thể đưa ra đấu giá hoặc bố trí tái định cư cho người dân.

- Nhận thức của người dân về pháp luật đất đai còn hạn chế cũng như ý thức trách nhiệm của một số công dân chưa tốt đã gây khó khăn cho công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án.

PHẦN III. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất

Hiện nay, căn cứ Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP về việc phân chia lại các loại đất. UBND thành phố Hà Tĩnh điều chỉnh lại các chỉ tiêu đã phân bổ theo Quyết định số 1777/QĐ-UBND ngày 27/8/2022 của UBND tỉnh Hà Tĩnh cho đúng với quy định hiện hành.

3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

Trên cơ sở phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố năm 2024 và nhu cầu sử dụng đất của các sở, ban, ngành, nhu cầu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố Hà Tĩnh. Tổng số dự án năm 2025 là 248 công trình, dự án. Trong đó:

- Chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2024 sang 2025 là 238 công trình, dự án (trong đó có 195 công trình, dự án chuyển tiếp do đang thực hiện, chưa hoàn tất thủ tục đất đai và 43 công trình chưa thực hiện); gộp các công trình, dự án đi qua địa bàn 4 huyện, thành phố trước khi sáp nhập đơn vị hành chính và các công trình khác nên tổng số công trình, dự án chuyển tiếp từ kế hoạch năm 2024 sang kế hoạch năm 2025 còn 223 công trình, dự án.

- Đăng ký mới năm 2025 gồm 28 công trình, dự án (đăng ký mới 25 công trình, dự án và 03 công trình, dự án đăng ký bổ sung diện tích).

3.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 chưa thực hiện hết chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2025

Trong năm 2025 có tổng số 223 công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 chưa thực hiện, đã có chủ trương đầu tư, nguồn vốn tiếp tục được đưa vào thực hiện trong năm 2025. Cụ thể chỉ tiêu các công trình, dự án chưa thực hiện xong cần chuyển tiếp sang năm 2025 như sau:

Bảng 7: Danh mục các công trình, dự án chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2025

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
I	Các công trình, dự án đã được xác định trong năm kế hoạch trước và các công trình, dự án theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai được tiếp tục thực hiện trong năm kế hoạch	969,16	
I.1	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh	3,62	
I.1.1	Đất an ninh	3,62	
1	Đất an ninh trên địa bàn các phường: Thạch Hưng (0,17); Đồng Môn (0,28); Thạch Trung (0,22); Thạch Hạ (0,20)	0,87	Các phường Thạch Hưng, Đồng Môn, Thạch Trung, Thạch Hạ

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
2	Đất an ninh trên địa bàn phường Thạch Quý	1,88	Phường Thạch Quý
3	Đất an ninh trên địa bàn các xã: Thạch Bình (0,26); Thạch Đài (0,20); Thạch Hội (0,20); Tượng Sơn (0,21)	0,87	Các xã Thạch Bình, Thạch Đài, Thạch Hội, Tượng Sơn
I.2	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất	674,06	
I.2.1	Đất giao thông	145,56	
1	Dự án chỉnh trang đô thị phía đông kênh N1-9 (giai đoạn II)	0,04	Phường Trần Phú
2	Đường Xuân Diệu kéo dài (Đoạn từ đường vành đai khu đô thị Bắc đến đường Ngô Quyền)	8,50	Các phường Bắc Hà, Thạch Trung
3	Đường vành đai phía Đông Thành Phố Hà Tĩnh (GĐ1) đoạn từ km0 đến Km9+535 và đoạn từ Km14+156 đến Km15+785	38,57	Phường Đại Nài, Phường Thạch Hưng, Phường Đồng Môn, Phường Thạch Hạ
4	Đường Nguyễn Du kéo dài đến đê Đồng Môn	5,08	Phường Thạch Hưng
5	Đường giao thông từ trường Mầm Non Thạch Hưng đến đường Mai Thúc Loan	0,05	Phường Thạch Hưng
6	Đường Lê Ninh kéo dài (đoạn từ trung tâm phòng chống HIV đến phòng CSGT) và kênh T4	0,30	Phường Thạch Trung
7	Đường giao thông (Ngõ 1 Đường Hà Huy Tập - Ngõ 2 đường Võ Liêm Sơn)	0,02	Phường Nam Hà
8	Đường Lê Duẩn (Từ phía nam Trung tâm thương mại vincom đến đường Nguyễn Xí và đoạn từ đường Nguyễn Xí đến QL1A)	0,68	phường Hà Huy Tập
9	Đường giao thông trục chính phường Thạch Trung (Đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường Trung Hạ)	0,01	Phường Thạch Trung
10	Đường bao sông Cụt đoạn từ đường 26/3 đến đường Nguyễn Trung Thiên	0,08	Phường Tân Giang
11	Nâng cấp đường Đặng Văn Bá, xã Thạch Bình	1,69	Xã Thạch Bình
12	Nâng cấp đường Lê Thiệu Huy	0,20	Phường Bắc Hà
13	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Xí (toàn tuyến)	0,41	Phường Hà Huy Tập
14	Đường giao thông từ bệnh viện Vinmex đến đường Nguyễn Du	1,00	Phường Thạch Hưng
15	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường ngõ 84 Lê Hồng Phong	0,82	Nam Tiến, Trần Phú
16	Đường bờ Bắc của kênh thoát nước phía Tây thành phố (đoạn từ ngõ 151 đường Vũ Quang đến hồ Nhật Tân, phường Thạch Linh)	0,43	P. Trần Phú
17	Nâng cấp đường Nguyễn Hoàn Từ (đoạn từ đường Hà Huy Tập đến đường Lê Duẩn)	0,05	Phường Đại Nài, Hà Huy Tập
18	Nâng cấp đường trục thôn từ Trường Mầm Non phường Đồng Môn (cơ sở 1) đến hạ tầng khu dân cư Giếng Đồng, phường Đồng Môn	0,53	Phường Đồng Môn
19	Nâng cấp, cải tạo Cầu Mương và chỉnh trang đường Phan Đình Phùng (đoạn từ cầu Mương đến đường Nguyễn Trung Thiên)	0,05	Phường Tân Giang
20	Đường Lê Duẩn (đoạn từ đường Nguyễn Hoàn Từ đến đường Đội Cung)	0,41	Phường Đại Nài
21	Đường giao thông nội từ đường Trần Phú đến đường quy hoạch Tổ dân phố Hợp Tiến, phường Thạch Linh	2,53	Phường Trần Phú
22	Nâng cấp tuyến đường Phan Đình Giót (đoạn từ đường Hà Tôn Mục đến đường Phan Đình Phùng).	0,03	Phường Nam Hà
23	Nâng cấp đường Đồng Quế (Đường Võ Liêm Sơn kéo dài)	0,14	Phường Nam Hà
24	Xây dựng đường Xô Viết Nghệ Tĩnh kéo dài về phía Đông (Đường 70 Kéo dài, điểm đầu từ Km0+000 giao với đường Nguyễn Công Trứ, điểm cuối địa phận giáp ranh với huyện Thạch Hà)	55,41	Phường Thạch Quý, Phường Thạch Hưng, Phường Đồng Môn, xã Thạch Lạc

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
25	Nâng cấp, chỉnh trang đường Nam Ngạn (đoạn từ Cầu Vòng đến ngõ 8)	0,15	Phường Tân Giang
26	Chỉnh trang, nâng cấp vỉa hè và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường Vũ Quang (đoạn từ đường Trần Phú đến Cầu Đông)	0,15	Phường Trần Phú
27	Mở rộng nút giao thông đường Nguyễn Biểu và Hà Huy Tập (tên cũ: Mở rộng cua đường Hà Huy Tập và Nguyễn Biểu)	0,03	TDP 2, Phường Nam Hà
28	Chỉnh trang nút giao thông đường Nguyễn Biểu và đường Hà Tôn Mục (tên cũ: Mở rộng cua đường 26/3 và Nguyễn Biểu)	0,03	TDP 9, Phường Nam Hà
29	Nâng cấp, chỉnh trang tuyến đường trải nghiệm nông thôn mới từ thôn Liên Nhật đi thôn Liên Hà	0,70	Thôn Liên Nhật, Liên Hà Phường Thạch Hạ
30	Dự án Đường từ Khu dân cư Đông Tiến đến thôn Hồng Hà, phường Thạch Trung	0,45	Phường Thạch Trung
31	Nâng cấp đường Nguyễn Công Trứ (đoạn từ đường Nguyễn Du đến đường Nguyễn Huy Lung)	0,04	Phường Bắc Hà, phường Thạch Quý
32	Đường giao thông nối từ đường Quang Lĩnh đến thôn Tân Lộc, phường Thạch Hạ	0,06	Phường Thạch Trung, Thạch Hạ
33	Đường Hàm Nghi kéo dài	17,68	Xã Thạch Đài
34	Đường trục ngang biển Khu du lịch biển Văn - Trị	0,65	Xã Thạch Văn
35	Đường trục ngang ven biển thành phố Hà Tĩnh	8,60	Các xã: Thạch Hải, Thạch Trị, Thạch Văn, Thạch Hội
I.2.2	Đất thủy lợi	215,16	
1	Kênh tiêu Thạch Quý từ cống đồng kiên ra kênh T8	0,50	Phường Thạch Quý
2	Mương thoát nước vùng Cầu Côi	1,00	Xã Thạch Bình
3	Mương tiêu úng, thoát lũ xã Thạch Bình (giai đoạn 1)	0,05	Xã Thạch Bình
4	Hệ thống kênh tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp phường Thạch Trung	0,10	Đoài Thịnh, Bắc Quang, Phường Thạch Trung
5	Đê Hữu Phú (Dự án củng cố, nâng cấp đê bờ tả sông phú đoạn từ cầu Núi đến cầu Phú, phường Đại Nài, thành phố Hà Tĩnh)	0,15	Phường Đại Nài
6	Xử lý cấp bách đê Hữu Phú, đoạn từ K10+00 đến K15+315	26,58	Xã Thạch Khê, xã Đinh Bàn
7	Dự án Tăng khả năng thoát lũ hạ du hồ Kê Gỗ	186,78	Thành phố Hà Tĩnh
I.2.3	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	4,23	
1	Xây dựng Trụ sở Bảo tàng	2,55	Phường Bắc Hà
2	Cải tạo Cảnh quan quần thể Đài tưởng niệm liệt sỹ và Giếng Chùa, thôn Trung Hưng	0,10	Phường Thạch Hưng
3	Nhà Văn Hóa Tiên Tiến	0,11	Thôn Tiên Thiên Phường Đồng Môn
4	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Tiên Phong, phường Thạch Quý	0,08	Phường Thạch Quý
5	Mở rộng nhà văn hóa tổ dân phố 3	0,03	Phường Bắc Hà
6	Mở rộng nhà văn hoá thôn Trung Hoà	0,42	Thôn Trung Hoà, xã Tân Lâm Hương
7	Mở rộng khuôn viên nhà văn hoá thôn Bàu Láng	0,24	Thôn Bàu Láng, xã Thạch Đài
8	Khu sinh hoạt cộng đồng và sân thể thao Đồng Xuân	0,70	Xã Hộ Độ
I.2.4	Đất cơ sở y tế	0,58	
1	Trạm Y tế Đồng Môn	0,28	Thôn Thăng Lợi Phường Đồng Môn
2	Xây dựng mới trạm y tế phường Thạch Hạ	0,30	Phường Thạch Hạ
I.2.5	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	33,78	
1	Mở rộng trường THCS Phường Nam Hà	0,10	Phường Nam Hà
2	Thành phố giáo dục quốc tế Hà Tĩnh	22,54	Phường Bắc Hà
3	Mở rộng trường Mầm non phường Thạch Hạ	0,15	Phường Thạch Hạ

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
4	Tổ hợp giáo dục tại thành phố Hà Tĩnh	5,82	Phường Thạch Hưng
5	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt - Đức	4,23	Phường Thạch Trung
6	Mở rộng trường THCS Thạch Đài (tên cũ: Mở rộng trường THCS Hàm Nghi)	0,94	Thôn Kỳ Phong, xã Thạch Đài
I.2.6	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	0,15	
1	Sân thể thao, khu vui chơi thôn Bình Yên	0,15	Xã Thạch Bình
I.2.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	0,96	
1	Xây dựng, cải tạo đường dây trung áp, hạ áp và TBA để chống quá tải, giảm tổn thất điện năng, giảm bán kính cấp điện khu vực thành phố Hà Tĩnh năm 2024	0,02	Phường Bắc Hà, xã Thạch Bình, Thạch Hạ và Phường Thạch Trung, xã Hộ Độ
2	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện của lưới điện trung áp khu vực thành phố Hà Tĩnh và huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh theo phương án đa chia – đa nối (MDMC)	0,02	Phường Thạch Hạ
3	Đường dây 110KV từ TBA 500 KV Thạch Linh - Hồng Lĩnh	0,60	Xã Tân Lâm Hưng
4	Xây dựng xuất tuyến mạch kép 22kV 471&473 và xuất tuyến 35kV 371 sau TBA 110kV Hà Tĩnh.	0,04	Xã Tân Lâm Hưng
5	Xây dựng xuất tuyến 475 sau TBA 110kV Hà Tĩnh để kết nối với đường dây 473E18.1 TBA 110kV Thạch Linh	0,04	Xã Tân Lâm Hưng
6	Xây dựng xuất tuyến 481 sau TBA 110kV Hà Tĩnh để kết nối với đường dây 471E18.9 TBA 110kV Cẩm Xuyên.	0,17	Xã Tân Lâm Hưng, xã Cẩm Vĩnh, xã Cẩm Bình
7	Nâng cao chất lượng của lưới điện hạ áp năm 2024-2025 cho các TBA công cộng khu vực các xã Thạch Trị, xã Thạch Lạc	0,03	Xã Thạch Trị, xã Thạch Lạc
8	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện lưới điện các xã Thạch Trị, Thạch Lạc	0,04	Xã Thạch Trị, xã Thạch Lạc
I.2.8	Đất bưu chính viễn thông	0,41	
1	Xây dựng các trạm BTS mạng di động trên địa bàn thành phố	0,41	Phường Đồng Môn, Thạch Bình, Thạch Hạ, Thạch Hưng, Thạch Trung, Thạch Quý, Văn Yên
I.2.9	Đất cơ sở tôn giáo	0,30	
1	Mở rộng khuôn viên giáo xứ Vạn Hạnh	0,20	Phường Thạch Trung
2	Mở rộng khuôn viên giáo xứ Chân Thành	0,10	Phường Thạch Trung
I.2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	0,18	
1	Tiểu công viên số 3 (kết hợp Nâng cấp, tôn tạo Giếng Chùa cổ phường Văn Yên)	0,18	Phường Văn Yên
I.2.11	Đất ở tại nông thôn	128,21	
1	Khu đô thị, thương mại dịch vụ, biệt thự sinh thái Nam Cầu Phủ	49,91	Xã Thạch Bình
2	Hạ tầng Khu dân cư Đồng Cửa Hàng, xã Thạch Bình	2,51	Xã Thạch Bình
3	Hạ tầng khu dân cư Ao Tổng 2, xã Thạch Bình	1,60	Thôn Bình Lý, xã Thạch Bình
4	Đất ở nông thôn	1,42	Thôn Đồng Khánh, Đại Tiến, Bắc Dinh, Bắc Trị, Trần Phú, Toàn Thắng, xã Thạch Trị
5	Đất ở nông thôn	2,62	Phía Tây, phía Nam Thôn Đồng Giang, dọc đường TL 26 (T. Đồng Giang), thôn Phúc Thanh, Đan Khê, Thanh Lan, Tân Phúc, Vĩnh Tiến, Thôn Long Tiến, xã Thạch Khê
6	Đất ở nông thôn	2,69	Thôn Hoà Lạc + Quyết Tiến, Bắc Lạc, xã Thạch Lạc
7	Đất ở nông thôn	1,79	Thôn Liên Phố, Bình Dương, Liên Mỹ, Liên Quý, Thai Yên,

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
			Bắc Thai - xã Thạch Hội
8	Đất ở nông thôn	1,17	Thôn Nam Bình, Nam Thượng, Bắc Thượng, Liên Hương, Kỳ Phong, Thống Nhất, Bàu Láng, xã Thạch Đài
9	Đất ở nông thôn	1,13	Thôn Nam Văn, xã Thạch Văn
10	Đất ở nông thôn	1,34	Thôn Sâm Lộc, Phú Sơn, Hà Thanh, Thượng Phú, Đoài Phú, xã Tượng Sơn
11	Đất ở nông thôn	1,31	Thôn Yên Lạc, vùng Chiêu Liêu, thôn Trung Phú, thôn Cao Thắng, Thôn Nam Thắng, thôn Trung Phú và xem đằm các thôn, xã Thạch Thắng
12	Đất ở nông thôn	2,29	Vùng Tô 8, thôn Tân Phong; vùng Ông Quý Hoan, vùng Đường 15B Trẹm Pooc, tổ 9, thôn Trường Xuân; Vùng Văn son, thôn Bình Sơn xã Đinh Bản
13	Đất ở nông thôn	1,49	Thôn Trung Văn, vùng HL3 thôn Nam Văn, Bắc Văn, Tân Văn, Đông Văn, xã Thạch Văn
14	Đất ở nông thôn	0,30	Thôn Liên Hải, Bắc Hải, Đại Hải, xã Thạch Hải
15	Đất ở tại nông thôn	5,09	Cựa Bơ, thôn Thống Nhất, xã Thạch Đài
16	Đất ở nông thôn	4,87	Thôn Hà Thanh, xã Tượng Sơn
17	Đất ở bố trí tái định cư dự án Hạ tầng kỹ thuật đô thị quỹ đất hoàn trả cho dự án Tháo dỡ, xây mới đường dây 110 Kv và 220 Kv đi chung phục vụ giải phóng, phát triển quỹ đất phía Tây thành phố Hà Tĩnh	0,90	Xã Tân Lâm Hương
18	Đất ở nông thôn	2,70	Vùng Trạm Điện, Ngõ Phụng, thôn Trung Hoà, vùng Hoang Chứa, thôn Sơn Trinh, xã Tân Lâm Hương
19	Quỹ đất thanh toán cho dự án tháo dỡ, xây mới DZ 110KV và 220KV	4,20	Phường Trần Phú, xã Tân Lâm Hương, Thạch Đài
20	Thu hồi đất, bồi thường GPMB tạo quỹ đất sạch hai bên đường Hàm Nghi để đấu giá đất	22,00	Xã Thạch Đài
21	Đất ở nông thôn	4,18	Thôn Đồng Khánh, Đại Tiên, Bắc Dinh, Bắc Trị, Trần Phú, Toàn Thắng, xã Thạch Trị
22	Đất ở giáp đường 26/3, thôn Bình Quang (thôn Trung trạm cũ), thôn Đông Nam Lý	0,60	Xã Cẩm Bình
23	Khu dân cư nông thôn xã Cẩm Bình	8,00	Xã Cẩm Bình
24	Đất ở vùng Chà Moi thôn Đông Vịnh	1,00	Xã Cẩm Vịnh
25	Đất ở thôn Vĩnh Phong phía sau nhà văn hóa	0,40	Xã Hộ Độ
26	Đất phía sau Lý Ngân đến giáp nhà ông Lĩnh thôn Yên Thọ	1,00	Xã Hộ Độ
27	Đất ở sau Nguyễn Hưng, thôn Tân Quý	1,70	Xã Hộ Độ
I.2.12	Đất ở tại đô thị	88,99	
1	Hạ tầng khu dân cư phía Nam đường Nguyễn Du	2,50	Phường Thạch Quý
2	Khu dân cư tổ dân phố 6, 8 (vị trí 1,3,4,6,7; Phục vụ giao đất TĐC đường vành đai phía Đông)	4,31	Phường Đại Nài
3	Hạ tầng khu tái định cư khối phố Tân Quý, phường Thạch Quý	4,15	Phường Thạch Quý

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
4	Khu tái định cư Đội Nếp (TĐC cho dự án đê Đồng Môn)	3,64	Phường Thạch Hưng
5	Khu đô thị 2 bên đường Ngô Quyền	42,79	Phường Thạch Trung
6	Khu đô thị tại phường Thạch Trung và thị trấn Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	22,60	Phường Thạch Trung
7	Khu nhà ở xã hội tại phường Thạch Trung	9,00	Phường Thạch Trung, Phường Bắc Hà
I.2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,85	
1	Trung tâm hành chính phường Thạch Trung	0,85	Phường Thạch Trung
I.2.14	Đất công trình xử lý chất thải	2,60	
1	Bãi tập kết vật liệu thải phục vụ dự án đường Cao Tốc tại xã Thạch Đài	0,60	Thôn Bàu Láng, xã Thạch Đài
2	Bãi tập kết vật liệu thải phục vụ dự án đường Cao Tốc tại xã Thạch Đài	2,00	Thôn Liên Vinh, xã Thạch Đài
I.2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	0,84	
1	Đền Phú Sơn	0,62	Thôn Phú Sơn, xã Tượng Sơn
2	Mở rộng đền Cồn Trang	0,22	Thôn Vĩnh Sơn, xã Đình Bàn
I.2.16	Đất công trình cấp nước, thoát nước	0,20	
1	Mở rộng nhà máy nước và hệ thống đường ống Bắc Cẩm Xuyên	0,20	Xã Cẩm Bình
I.2.17	Đất cụm công nghiệp	51,05	
1	Cụm công nghiệp Bắc Cẩm Xuyên (phần đất chưa cho thuê)	51,05	Xã Cẩm Vĩnh
I.3	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất	159,41	
I.3.1	Đất nuôi trồng thủy sản	26,27	
2	Đất nuôi trồng thủy sản	1,27	Thôn Đại Tiến, xã Thạch Trị
3	Đất nuôi trồng thủy sản vùng Sở Bàng, thôn Liên Xuân, Xuân Tây, Đồng Xuân	25,00	Xã Hộ Độ
I.3.2	Đất nông nghiệp khác	1,86	
1	Đất nông nghiệp khác	1,86	Thôn Trần Phú, xã Thạch Trị
I.3.3	Đất thương mại, dịch vụ	129,04	
1	Khu du lịch dịch vụ sinh thái ven sông (Xây dựng khu du lịch dịch vụ, sinh thái ven sông tại vùng Đồng Ghè, phường Thạch Hạ)	46,44	Đồng Ghè, Phường Thạch Hạ
2	Khu đất thu hồi Khu liên cơ Báo Hà Tĩnh (3 đơn vị: Báo Hà Tĩnh, cục Thống kê Hà Tĩnh, Hội liên hiệp văn học nghệ thuật Hà Tĩnh)	0,17	Phường Tân Giang
3	Khu đất thu hồi Tổng công ty thép Việt Nam	0,88	Phường Bắc Hà
4	Khu đất thu hồi của Công ty CP Vật tư nông nghiệp Hà Tĩnh	0,10	Phường Bắc Hà
5	Khu TMDV (từ đất nông nghiệp khác)	0,73	Phường Đồng Môn
6	Dự án Xây dựng trụ sở làm việc kết hợp cửa hàng kinh doanh xăng dầu Giang Nam tại phường Thạch Trung, thành phố Hà Tĩnh	0,91	Phường Thạch Trung
7	Dự án Tổ hợp văn phòng làm việc và thương mại dịch vụ MIPEC Hà Tĩnh của Công ty Cổ phần Hóa dầu Quân Đội	0,95	Phường Thạch Trung
8	Đất thương mại dịch vụ	0,15	Phường Bắc Hà
9	Dự án đất thương mại dịch vụ	1,14	Phường Bắc Hà
10	Đất thương mại, dịch vụ (thu hồi khu đất của Công ty CP Đức Thành Thắng; Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, khu đô thị Bắc)	0,48	Phường Bắc Hà
11	Đất thương mại, dịch vụ (thu hồi khu đất của Công ty CP TECCO Hà Tĩnh, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, khu đô thị Bắc)	1,60	Khu đô thị Bắc, Phường Bắc Hà
12	Quỹ tín dụng nhân dân phường Thạch Hạ	0,06	Phường Thạch Hạ

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
13	Kho thương mại Công ty cổ phần Sơn Nikko	0,32	Thôn Nam Bình, xã Thạch Đài, phường Trần Phú
14	Xây dựng cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng tổng hợp và thiết bị nội thất trong xây dựng	0,42	Đông Chiêu Liêu, thôn Trung Phú, xã Thạch Thắng
15	Hệ thống cửa hàng kinh doanh thương mại tổng hợp tại xã Thạch Văn	0,18	Thôn Bắc Văn, xã Thạch Văn
16	Mở rộng Công ty Tuấn Anh tại xã Thạch Đài	0,01	Xã Thạch Đài
17	Cửa hàng xăng dầu Thành An	0,10	Đông Re Re, thôn Yên Lạc, xã Thạch Thắng
18	Đất thương mại, dịch vụ	4,10	Xã Tượng Sơn
19	Dự án khu du lịch biển	66,40	Xã Thạch Trị, Thạch Văn
20	Trung tâm thương mại, dịch vụ và khu dân cư nông thôn mới, thôn Yên Thọ (XD khu TMDV)	1,05	Xã Hộ Độ
21	Đất thương mại, dịch vụ (đọc Quốc lộ 15B từ đất anh Cường đến giáp Lý Ngân), thôn Yên Thọ	2,85	Xã Hộ Độ
I.3.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	2,24	
1	Đất sản xuất phi nông nghiệp xã Hộ Độ	0,20	Xã Hộ Độ
2	Các dự án SXKD tại cụm công nghiệp Thạch Đồng	2,04	Phường Đồng Môn
I.4	Các khu vực sử dụng đất khác	132,08	
I.4.1	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	0,15	
1	Tiểu công viên CX-01 thành sân bóng đá mini nhân tạo kết hợp tiểu công viên tại TDP 1	0,08	Phường Hà Huy Tập
2	Chuyển mục đích nhà văn hóa tổ 9 thành đất thể thao	0,01	Phường Nam Hà
3	Sân thể thao TDP 6	0,04	Phường Bắc Hà
4	Sân thể thao (NVH TDP4 cũ, Phường Bắc Hà)	0,02	Phường Bắc Hà
I.4.2	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	2,40	
1	Khu vui chơi, giải trí (Thu hồi NVH KP4 cũ - phường Hà Huy Tập)	0,09	Phường Hà Huy Tập
2	Đất khu thể thao, công viên cây xanh mặt nước	2,22	Phường Thạch Trung
3	Tiểu công viên	0,09	Phường Thạch Hưng
I.4.3	Đất ở nông thôn (giao đất, đấu giá quyền sử dụng đất)	4,42	
1	Xen dăm dân cư xã Thạch Bình (giao đất)	0,50	Xã Thạch Bình
2	Các lô đất đôi dư tại khu tái định cư phục vụ dự án đường ven biển Thạch Khê - Vũng Áng (11 lô), xã Thạch Trị	0,37	Xã Thạch Trị
3	Các lô đất đôi dư tại khu tái định cư phục vụ dự án đường ven biển Thạch Khê - Vũng Áng (32 lô), xã Thạch Văn	1,72	Xã Thạch Văn
4	Các lô đất đôi dư tại khu tái định cư phục vụ dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 15A đoạn nối QL1A-Đường Hồ Chí Minh (15 lô), xã Thạch Đài	0,24	Xã Thạch Đài
5	Các lô đất ở đôi dư tại khu tái định cư phục vụ dự án đường ven biển Thạch Khê - Vũng Áng (01 lô), xã Thạch Lạc	0,03	Xã Thạch Lạc
6	Đôi dư Khu Tái định cư (đấu giá)	0,50	Thôn Thanh Cao, xã Thạch Khê
7	Khu đất thu hồi của Hợp tác xã Chăn nuôi khởi nghiệp Thạch Đài	0,06	Thôn Liên Vinh, xã Thạch Đài
8	Đất ở Đông Nam Lý, Bình Minh, Bình Quang, Yên Bình, Đông Trung, Bình Luật, Vinh Thái, Đông Vinh	1,00	Xã Cẩm Bình
I.4.4	Đất ở đô thị (giao đất, đấu giá quyền sử dụng đất)	109,21	
1	Dự án Khu phức hợp thể thao, nhà ở Sông Đông (Đấu thầu lựa chọn NĐT)	7,20	Phường Trần Phú, thành phố Hà Tĩnh
2	Dự án chỉnh trang đô thị hạ tầng dân cư TDP7 (Giao đất)	4,54	Khu Đồng Dài, Phường Hà Huy Tập
3	Khu đô thị Thạch Quý, thành phố Hà Tĩnh (Giao đất)	10,18	Phường Thạch Quý

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
	giai đoạn 1)		
4	Đất ở mới (Xen dăm)	1,41	Phường Đại Nài
5	Khu dân cư tổ dân phố 2	1,20	TDP 2,6, Phường Bắc Hà
6	Hạ tầng khu dân cư Khối phố Tuy Hòa (đối diện Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh), phường Thạch Linh	1,59	P. Trần Phú
7	Hạ tầng tổ dân phố 6	1,31	Phường Bắc Hà
8	Hạ tầng hai bên Kênh phía Tây thành phố, phường Thạch Linh	4,21	P. Trần Phú
9	Hạ tầng khu dân cư khối phố Bắc Quý	5,07	Bắc Quý, Thạch Quý
10	Hạ tầng khu dân cư Đồi Mốt	2,00	Phường Trần Phú, Phường Thạch Trung
11	Hạ tầng khu dân cư Hợp Tiến	1,00	Phường Trần Phú
12	Hạ tầng khu dân cư tại ngõ 164, đường Trần Phú	0,20	Phường Bắc Hà
13	Hạ tầng tổ dân phố 7	0,44	Phường Hà Huy Tập
14	Khu dân cư Cầu Ngan	4,89	Thôn Liên Thanh, Tân Học, Phường Thạch Hạ
15	Hạ tầng khu dân cư xen dăm thôn Hồng Hà	0,57	Thôn Hồng Hà, Phường Thạch Trung
16	Hạ tầng phía Tây thôn Tân Học, phường Thạch Hạ	4,50	Phường Thạch Hạ
17	Hạ tầng Khu dân cư Cọc Lim, thôn Đông Tiến giai đoạn 3	2,50	Xóm Đông Tiến, Phường Thạch Trung
18	Hạ tầng khu dân cư vùng Giếng Đồng thôn Tiến Giang, phường Đồng Môn	2,10	Phường Đồng Môn
19	Hạ tầng khu dân cư thôn Tân Phú, phường Thạch Trung	3,05	Phường Thạch Trung
20	Hạ tầng khu dân cư đồng Kênh, đồng Cửa Miếu, phường Thạch Hưng	4,10	Phường Thạch Hưng
21	Hạ tầng Khu dân cư thôn Thanh Tiến, phường Đồng Môn	2,85	Phường Đồng Môn
22	Hạ tầng Khu dân cư Khu N trung tâm hành chính phường Thạch Hưng	2,50	Phường Thạch Hưng
23	Hạ tầng Khu dân cư Khu M trung tâm hành chính phường Thạch Hưng	4,51	Phường Thạch Hưng
24	Hạ tầng khu dân cư phía Đông thôn Tân Học, phường Thạch Hạ	3,00	Tân Học, Phường Thạch Hạ
25	Hạ tầng dân cư Trung Tiến, phường Đồng Môn	2,20	Trung Tiến, Đồng Môn
26	Hạ tầng khu dân cư Liên Phú	0,70	Phường Thạch Trung
27	Hạ tầng khu dân cư Đông Bường, phường Thạch Hưng	3,66	Phường Thạch Hưng
28	Khu dân cư xen dăm thôn Đoài Thịnh, phường Thạch Trung	0,90	Phường Thạch Trung
29	Đầu giá Khu dân cư đường Nguyễn Du, phường Thạch Quý	0,60	Phường Thạch Quý
30	Đầu giá xen dăm dân cư các khối phố cũ	0,20	Phường Nam Hà
31	Đầu giá khu dân cư Đại Đồng	0,20	Phường Trần Phú
32	Hạ tầng khu dân cư tổ dân phố 3, 4, 6, 7, Bàu Rạ (Giao đất)	3,71	Phường Hà Huy Tập
33	Đầu giá khu dân cư Đồng Bàu Rạ	2,98	Phường Hà Huy Tập
34	Hạ tầng hai bên đường Đường Hải thượng Lân Ông kéo dài (giao đất)	2,81	Phường Thạch Quý, Tân Giang
35	Đầu giá đất ở mới Tổ 3,4,7 phường Hà Huy Tập	0,20	Phường Hà Huy Tập
36	Đầu giá đất ở mới các tổ dân phố phường Trần Phú	0,20	Phường Trần Phú
37	Khu hạ tầng xen dăm đầu giá đất ở, tái định cư, tách hộ các Tổ dân phố 1, 2, 3, 5, 7, 8, khu trung tâm HC phường và trụ sở UBND phường Nam Hà (cũ)	0,41	Phường Nam Hà

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
38	Đầu giá xen dăm dân cư (nhiều vị trí)	0,50	Phường Đại Nài
39	Đầu giá đất ở đô thị Khu dân cư Vĩnh Hòa	2,80	Phường Trần Phú
40	TĐC Hạ tầng khu dân cư xem dăm TDP4, phường Hà Huy Tập	0,95	phường Hà Huy Tập
41	Đầu giá đất ở tại phường Trần Phú	0,17	Phường Trần Phú
42	Đầu giá Đất ở xen dăm TDP Tâm Quý	0,15	Phường Thạch Quý
43	Đầu giá đất ở dân cư tổ dân phố 2	0,13	Phường Đại Nài
44	Đầu giá xen dăm các xóm	1,35	Phường Thạch Trung
45	Đầu giá xen dăm các thôn	1,00	Phường Thạch Hưng
46	Đầu giá xen dăm đất ở Đông Tiến, Tân Trung, Thanh phú, Đoàn Thịnh, Tân Phú, Nam Quang, Hồng Hà	0,50	Phường Thạch Trung
47	Khu Tái định cư dự án Đường Nam cầu Cây đi cầu Thạch Đông tại xóm Liên Công, phường Đông Môn (xóm Đông Giang, xã Thạch Đông cũ)	0,92	Phường Đông Môn
48	Đầu giá và bố trí TĐC khu dân cư Đồi Quang	1,60	Phường Đông Môn
49	Đầu giá Khu dân cư thôn Liên Nhật (giai đoạn 2) và KDC xen dăm thôn Minh Yên	2,80	Phường Thạch Hạ
50	Đầu giá khu dân cư Đồng Cầu	2,50	Thôn Kinh Nam, Phường Thạch Hưng
51	Đầu giá và bố trí TĐC Khu dân cư xen dăm Đồng Xay, thôn Thanh Phú phường Thạch Trung (giai đoạn 3)	0,15	Xóm Thanh Phú, Phường Thạch Trung
1.4.5	Đất xây dựng cơ sở y tế	4,06	
1	Đất xây dựng cơ sở Y tế (Bệnh viện Vinmec Thiện Tâm Hà Tĩnh)	3,69	Phường Thạch Quý, Phường Thạch Hưng
2	Trạm y tế phường Hà Huy Tập	0,12	Phường Hà Huy Tập
3	Đất y tế phường Tân Giang	0,25	Phường Tân Giang
1.4.6	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	1,91	
1	Xây dựng nhà văn hóa thôn Trung Tiến	0,10	Phường Đông Môn
2	Xây dựng nhà văn hóa thôn Quyết Tiến từ trạm y tế cũ	0,13	Phường Đông Môn
3	Cải tạo, mở rộng Đài tưởng niệm phường Thạch Quý, thành phố Hà Tĩnh	0,14	Phường Thạch Quý
4	Nhà văn hoá thôn Nam Thắng	0,56	Thôn Nam Thắng, xã Thạch Thắng
5	Nhà văn hoá thôn Cao Thắng	0,53	Thôn Cao Thắng, xã Thạch Thắng
6	Nhà văn hoá thôn Trung Phú	0,45	Thôn Trung Phú, xã Thạch Thắng
1.4.7	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,62	
1	Trung tâm hành chính phường (Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND phường Văn Yên)	0,62	Phường Văn Yên
1.4.8	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	0,04	
1	Mở rộng Nghĩa trang Liệt sỹ Núi Nài	0,04	Phường Đại Nài
1.4.9	Đất xây dựng cơ sở giáo dục, đào tạo	4,12	
1	Mở rộng trường Mầm non Văn Yên	0,20	Phường Văn Yên
2	Xây dựng trường THCS Đại Nài về vị trí mới	1,44	Phường Đại Nài
3	Mở rộng trường THPT Cẩm Bình (thôn Tân An)	2,48	Xã Cẩm Bình
1.4.10	Đất nuôi trồng thủy sản	5,00	
1	Cho thuê đất công ích	5,00	Xã Thạch Bình
1.4.11	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	0,15	
1	Trụ sở Ban QLDA ĐT xây dựng công trình NN&PTNT	0,15	Phường Nam Hà

3.2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân

Theo kết quả tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình thì trong năm kế hoạch sử dụng đất 2025 dự kiến sẽ thực hiện 248 công trình, dự án với tổng diện tích là 1.055,17 ha với nhiều mục đích khác nhau phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của thành phố Hà Tĩnh.

Bảng 8: Danh mục các công trình, dự án đăng ký mới trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Đánh giá sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất
I	Công trình đăng ký mới bổ sung diện tích	5,57		
I.1	Đất giao thông	0,27		
1	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường ngõ 84 Lê Hồng Phong	0,27	Nam Tiến, Trần Phú	Phù hợp ĐCQH (QĐ số 516/QĐ-UBND ngày 22/02/2024) (STT 3.7)
I.2	Đất ở tại nông thôn	1,70		
1	Khu dân cư nông thôn xã Cẩm Bình	1,70	Xã Cẩm Bình	Phù hợp (STT 22.278; vị trí 822)
I.3	Đất thương mại dịch vụ	3,60		
1	Đất thương mại, dịch vụ	3,60	Xã Tượng Sơn	Phù hợp (STT 12.29; vị trí 151)
II	Các công trình, dự án theo quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai thực hiện trong năm kế hoạch đã có văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai	62,28		
II.1	Đất giao thông	62,28		
1	Xây dựng tuyến đường Nguyễn Trung Thiên (đường Phan Bội Châu) kéo dài từ Văn Yên đến Cẩm Bình kết nối đến đường Tỉnh ĐT.553	21,18	Phường Văn Yên, Đại Nãi, xã Thạch Bình, Cẩm Bình	Phù hợp ĐCQH (QĐ số 516/QĐ-UBND ngày 22/02/2024) (STT 3.10)
2	Xây mới tuyến đường Nguyễn Trung Thiên kéo dài (Đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường Vành đai phía Đông thành phố Hà Tĩnh)	7,68	Phường Đồng Môn, Thạch Hạ	Phù hợp ĐCQH (QĐ số 516/QĐ-UBND ngày 22/02/2024) (STT 3.6)
3	Xây mới tuyến đường Xuân Diệu kéo dài (Đoạn phía Bắc đường Ngô Quyền)	26,07	Phường Thạch Trung, Đồng Môn, Thạch Hạ	Phù hợp ĐCQH (QĐ số 516/QĐ-UBND ngày 22/02/2024) (STT 3.4)
4	Đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025	7,35	Xã Thạch Đài	Phù hợp (STT 15.1.3; vị trí 245)
III	Các công trình, dự án theo quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai thực hiện trong năm kế hoạch mà chưa có các văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai	20,00		
III.1	Đất quốc phòng	5,02		
1	Đất quốc phòng trên địa bàn xã Thạch Hải	5,02	Xã Thạch Hải	Phù hợp (STT 8.1; vị trí 245)
III.2	Đất an ninh	1,91		

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Đánh giá sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất
1	Đất an ninh trên địa bàn các xã: Hộ Độ (0,20); Thạch Trị (0,2); Thạch Văn (0,12); Tân Lâm Hương (0,20); Thạch Khê (0,15); Thạch Thắng (0,24); Thạch Lạc (0,20); Thạch Hải (0,20); Cẩm Bình (0,20); Cẩm Vịnh (0,20)	1,91	Các xã Hộ Độ, Thạch Trị, Thạch Văn, Tân Lâm Hương, Thạch Khê, Thạch Thắng, Thạch Lạc, Thạch Hải, Cẩm Bình, Cẩm Vịnh	Phù hợp (STT 8.1, vị trí 245; STT 2.1, vị trí 69; STT 9.18, vị trí 130; STT 9.21, vị trí 133; STT 9.22, vị trí 134)
III.3	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	0,04		
1	Nâng cao chất lượng của lưới điện trung hạ áp năm 2024-2025 cho các TBA công cộng khu vực xã Hộ Độ	0,02	Xã Hộ Độ	Phù hợp (STT 9.2)
2	Xây dựng cải tạo lưới điện trung áp, hạ áp và TBA khu vực huyện Thạch Hà, Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh năm 2025	0,02	Xã Thạch Trị, Tân Lâm Hương	Phù hợp (STT 15.7.2; vị trí 453)
III.4	Đất giao thông	5,67		
1	Đường Trường Chinh đoạn từ Lê Văn Huân đến đường Lê Hồng Phong, thành phố Hà Tĩnh	1,15	Phường Trần Phú	Phù hợp ĐCQH (QĐ số 1862/QĐ-UBND ngày 31/7/2024) (STT 3.1)
2	Đường Nguyễn Công Trứ (đoạn từ Hải Thượng Lãn Ông đến Nguyễn Du)	0,01	Phường Bắc Hà, phường Thạch Quý	Phù hợp (STT 9.78; vị trí 183)
3	Nâng cấp tuyến đường Phan Đình Giót (Từ Hà Huy Tập đến Hà Tôn Mục)	0,01	Phường Nam Hà	Phù hợp (STT 9.78; vị trí 183)
4	Nâng cấp tuyến đường trục xã TX01 đoạn QL 15B đến thôn Văn Sơn, xã Đình Bàn	4,50	Thôn Văn Sơn, xã Đình Bàn	Phù hợp (STT 15.1.37; vị trí 275)
III.5	Đất ở nông thôn	7,36		
1	Đất ở gần chợ Đình thôn Đông Vinh	0,20	Xã Cẩm Bình	Phù hợp (STT 22.298; vị trí 844)
2	Đất ở vùng Con Hòe, Thôn Tam Trung và Vùng Ổ Gà dưới - thôn Đông Hạ, sân bóng Ngụ Phúc	0,26	Xã Cẩm Vịnh	Phù hợp (STT 22.189; vị trí 723)
3	Đất ở nông thôn	1,80	Nhà Chòi thôn 18, vùng Trạm Điện, thôn Trung Hòa, xã Tân Lâm Hương	Phù hợp (STT 18.63; vị trí 699)
4	Đất ở nông thôn	1,72	vùng cửa trước thôn Tiến Bộ; đồng dung thôn Hương Mỹ; tái định cư thôn Phái Nam xã Tân Lâm Hương	Phù hợp (STT 18.65; vị trí 702)
5	Đất ở nông thôn	0,08	Cù Vải, thôn Liên Vinh, xã Thạch Đài	Phù hợp (STT 18.120; vị trí 652)
6	Đất ở nông thôn	3,30	Thôn Toàn Thắng, xã Thạch Trị	Phù hợp (STT 18.127, 18.128; vị trí 659, 660)
IV	Các công trình, dự án theo nhu cầu sử dụng đất không thuộc quy định tại mục I, mục II Biểu này và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai dự kiến thực hiện trong năm kế	3,31		

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Đánh giá sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất
	hoạch			
IV.1	Đất nuôi trồng thủy sản	1,79		
1	Đất nuôi trồng thủy sản	1,79	Thôn Đại Tiến, xã Thạch Trị	Phù hợp (STT 5.28; vị trí 47)
IV.2	Đất thương mại dịch vụ	0,64		
1	Đất thương mại dịch vụ tại đường QL 15B, thôn Trần Phú	0,26	Xã Thạch Trị	Phù hợp (STT 12.40; vị trí 183)
2	Đất TMDV tổng hợp Bến Đá	0,38	Phường Đông Môn	Phù hợp (STT 3.33; vị trí 54)
IV.3	Đất ở nông thôn	0,50		
1	Đất ở nông thôn	0,50	thôn Trung Lạc, Quyết Tiến, Vĩnh Thịnh xã Thạch Lạc	Phù hợp (STT 18.9; vị trí 711)
IV.4	Đất ở đô thị	0,07		
1	Đầu giá NVH TDP 1 và xen dăm TDP 4 phường Nguyễn Du cũ	0,03	Phường Bắc Hà	Phù hợp (STT 15.40; vị trí 335)
2	Đầu giá đất ở vị trí Cục thông kê tỉnh Hà Tĩnh cũ	0,04	Phường Tân Giang	Phù hợp (STT 15.45; vị trí 340)
IV.5	Đất xây dựng cơ sở giáo dục	0,73		
1	Trường Mầm non Đình Bàn cơ sở 2	0,73	Xã Đình Bàn	Phù hợp (STT 15.5.7; vị trí 412)

3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế, xã hội, nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực xác định nhu cầu sử dụng đất năm 2025 của thành phố Hà Tĩnh như sau:

- Diện tích đất nông nghiệp năm 2025 là 11.577,24 ha, chiếm 52,62% tổng diện tích tự nhiên, giảm 604,37 ha so với diện tích hiện trạng năm 2024;
- Diện tích đất phi nông nghiệp năm 2025 là 9.148,71 ha, chiếm 41,58% tổng diện tích đất tự nhiên, tăng 689,07 ha so với diện tích hiện trạng năm 2024;
- Diện tích đất chưa sử dụng năm 2025 là 1.274,08 ha, chiếm 5,79% tổng diện tích đất tự nhiên, giảm 84,70 ha so với hiện trạng năm 2024.

Cụ thể các chỉ tiêu sử dụng đất của huyện theo phương án Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố Hà Tĩnh được thể hiện:

Bảng 9: Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2025

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	HTSDĐ năm 2024		KHSDD năm 2025		Tăng (+); giảm (-) (ha)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
	Tổng diện tích tự nhiên		22.000,03	100,00	22.000,03	100,00	
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	12.181,61	55,37	11.577,24	52,62	-604,37
1.1	Đất trồng lúa	LUA	6.313,71	28,70	5.921,49	26,92	-392,22
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	5.207,31	23,67	4.819,96	21,91	-387,35
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	1.106,40	5,03	1.101,53	5,01	-4,87
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	1.149,73	5,23	1.060,43	4,82	-89,30
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.657,31	7,53	1.616,62	7,35	-40,69
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD					

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	HTSDĐ năm 2024		KHSDD năm 2025		Tăng (+); giảm (-) (ha)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	910,50	4,14	898,43	4,08	-12,07
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	867,46	3,94	850,72	3,87	-16,74
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>213,82</i>	<i>0,97</i>	<i>213,82</i>	<i>0,97</i>	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	966,93	4,40	941,48	4,28	-25,45
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT					
1.9	Đất làm muối	LMU	203,20	0,92	175,28	0,80	-27,92
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	112,76	0,51	112,78	0,51	0,02
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	8.459,64	38,45	9.148,71	41,58	689,07
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.628,08	7,40	1.405,09	6,39	-222,99
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	557,83	2,54	1.026,75	4,67	468,92
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	48,33	0,22	48,15	0,22	-0,18
2.4	Đất quốc phòng	CQP	16,14	0,07	21,16	0,10	5,02
2.5	Đất an ninh	CAN	13,27	0,06	18,60	0,08	5,33
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	433,42	1,97	481,58	2,19	48,16
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	46,94	0,21	51,16	0,23	4,22
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	4,99	0,02	4,99	0,02	
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	33,93	0,15	38,94	0,18	5,01
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	223,75	1,02	260,95	1,19	37,20
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	101,31	0,46	102,89	0,47	1,58
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	4,17	0,02	4,17	0,02	
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT					
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT					
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG					
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	18,33	0,08	18,48	0,08	0,15
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	732,34	3,33	836,38	3,80	104,04
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK					
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	35,63	0,16	37,62	0,17	1,99
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT					
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	98,49	0,45	199,20	0,91	100,71
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	94,82	0,43	96,16	0,44	1,34
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	503,40	2,29	503,40	2,29	
2.8	Đất có mục đích công cộng	CCC	3.220,51	14,64	3.500,43	15,91	279,92
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	2.404,91	10,93	2.589,20	11,77	184,29
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	718,56	3,27	784,07	3,56	65,51
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT					
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC					
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn	DDD	10,74	0,05	10,74	0,05	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	HTSDD năm 2024		KHSDD năm 2025		Tăng (+); giảm (-) (ha)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
	hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên						
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	3,59	0,02	6,19	0,03	2,60
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	7,04	0,03	7,78	0,04	0,74
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	2,59	0,01	2,98	0,01	0,39
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	14,56	0,07	14,56	0,07	
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	58,52	0,27	84,91	0,39	26,39
2.9	Đất tôn giáo	TON	35,65	0,16	35,95	0,16	0,30
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	52,73	0,24	53,22	0,24	0,49
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	345,93	1,57	345,81	1,57	-0,12
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	1.375,12	6,25	1.375,30	6,25	0,18
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	314,22	1,43	312,60	1,42	-1,62
2.12.2	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.060,90	4,82	1.062,70	4,83	1,80
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,29	0,01	0,29	0,01	
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	1.358,78	6,18	1.274,08	5,79	-84,70

3.3.1. Kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất nông nghiệp của thành phố Hà Tĩnh dự kiến là 11.577,24 ha chiếm 52,62% diện tích tự nhiên, giảm 604,37 ha so với năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Đất trồng lúa

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất trồng lúa của thành phố Hà Tĩnh dự kiến là 5.921,49 ha chiếm 26,92% diện tích tự nhiên, giảm 392,22 ha so với năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 5.921,49 ha;
- * Chu chuyển giảm: 392,22 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất ở tại nông thôn: 84,26 ha;
 - Đất ở tại đô thị: 111,16 ha;
 - Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 1,42 ha;
 - Đất an ninh: 1,80 ha;
 - Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 41,60 ha;
 - Đất xây dựng cơ sở văn hóa: 3,41 ha;

- Đất xây dựng cơ sở y tế: 1,08 ha;
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 34,90 ha;
- Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao: 2,21 ha;
- Đất thương mại, dịch vụ: 11,77 ha;
- Đất công trình giao thông: 111,26 ha;
- Đất công trình thủy lợi: 9,05 ha;
- Đất công trình xử lý chất thải: 0,76 ha;
- Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng: 0,62 ha;
- Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin: 0,25 ha;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng: 13,62 ha;
- Đất có mặt nước chuyên dùng dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 1,44 ha;

Diện tích đất trồng lúa giảm đi so với hiện trạng để xây dựng các công trình giao thông, đất ở, đất thương mại dịch vụ và các loại đất phi nông nghiệp khác...

*** Đất trồng cây hằng năm khác**

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích Đất trồng cây hằng năm khác của thành phố Hà Tĩnh dự kiến là 1.060,43 ha chiếm 4,82% diện tích tự nhiên, giảm 89,30 ha so với năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 1.060,43 ha;
- * Chuyển giảm: 89,30 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất ở tại nông thôn: 6,90 ha;
 - Đất ở tại đô thị: 5,10 ha;
 - TSC: 0,05 ha;
 - Đất an ninh: 0,73 ha;
 - Đất xây dựng cơ sở văn hóa: 0,26 ha;
 - Đất xây dựng cơ sở xã hội: 3,10 ha;
 - Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,13 ha;
 - Đất thương mại, dịch vụ: 36,97 ha;
 - Đất công trình giao thông: 23,10 ha;
 - Đất công trình thủy lợi: 9,67 ha;
 - Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng: 0,03 ha;
 - Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin: 0,16 ha;
 - Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng: 6,00 ha;
 - Đất tôn giáo: 0,20 ha;

*** Đất trồng cây lâu năm:**

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất trồng cây lâu

năm của thành phố Hà Tĩnh dự kiến là 1.616,62 ha chiếm 7,35% diện tích tự nhiên, giảm 40,69 ha so với năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 1.616,62 ha;
- * Chu chuyển giảm: 40,69 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất ở tại nông thôn: 12,45 ha;
 - Đất ở tại đô thị: 9,58 ha;
 - Đất an ninh: 0,15 ha;
 - Đất xây dựng cơ sở văn hóa: 0,90 ha;
 - Đất xây dựng cơ sở y tế: 0,12 ha;
 - Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,98 ha;
 - Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 0,20 ha;
 - Đất công trình giao thông: 11,39 ha;
 - Đất công trình thủy lợi: 3,90 ha;
 - Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng : 0,02 ha;
 - Đất tôn giáo: 0,05 ha;
 - Đất tín ngưỡng: 0,41 ha;
 - Đất có mặt nước chuyên dùng dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 0,54 ha.

*** Đất rừng phòng hộ:**

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất rừng phòng hộ của thành phố Hà Tĩnh dự kiến là 898,43 ha chiếm 4,08% diện tích tự nhiên, giảm 12,07 ha so với năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 898,43 ha;
- * Chu chuyển giảm: 6,74 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất quốc phòng: 5,02 ha;
 - Đất thương mại dịch vụ: 6,55 ha;
 - Đất công trình giao thông: 0,50 ha.

*** Đất rừng sản xuất:**

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất rừng sản xuất của thành phố Hà Tĩnh dự kiến là 850,72 ha chiếm 3,87% diện tích tự nhiên, giảm 16,74 ha so với năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 850,72 ha;
- * Chu chuyển giảm: 16,74 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất ở tại nông thôn: 0,49 ha;
 - Đất thương mại dịch vụ: 11,20 ha;
 - Đất công trình giao thông: 2,05 ha.

- Đất công trình thủy lợi: 3,00 ha;

*** Đất nuôi trồng thủy sản:**

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất nuôi trồng thủy sản của thành phố Hà Tĩnh dự kiến là 941,48 ha chiếm 4,28% diện tích tự nhiên, thực giảm 25,45 ha so với năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 913,42 ha;

* Chu chuyển tăng: 28,06 ha, do các loại đất khác chuyển sang:

- Đất làm muối: 24,50 ha;

- Đất giao thông: 0,50 ha;

- Đất chưa sử dụng: 3,06 ha.

* Chu chuyển giảm: 53,51 ha, do chuyển sang các loại đất:

- Đất ở tại nông thôn: 0,66 ha;

- Đất ở tại đô thị: 1,46 ha;

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 2,57 ha;

- Đất xây dựng cơ sở y tế: 1,86 ha;

- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,71 ha;

- Đất thương mại, dịch vụ: 13,08 ha;

- Đất công trình giao thông: 15,16 ha;

- Đất công trình thủy lợi: 18,71 ha;

- Đất công trình xử lý chất thải: 0,08 ha;

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng: 1,37 ha;

- Đất có mặt nước chuyên dùng dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 0,42 ha.

*** Đất làm muối:**

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất làm muối của thành phố Hà Tĩnh dự kiến là 175,28 ha chiếm 0,80% diện tích tự nhiên, giảm 27,92 ha so với năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 175,28 ha;

* Chu chuyển giảm: 27,92 ha do chuyển sang các loại đất:

- Đất nuôi trồng thủy sản: 24,50 ha;

- Đất an ninh: 0,20 ha;

- Đất thương mại dịch vụ: 3,20 ha;

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 1,50 ha;

- Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng: 0,02 ha.

*** Đất nông nghiệp khác:**

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất nông nghiệp

khác của thành phố Hà Tĩnh dự kiến là 112,78 ha chiếm 0,51% diện tích tự nhiên, thực tăng 0,02 ha so với năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 110,92 ha;
- * Chu chuyển giảm: 1,84 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất thương mại, dịch vụ: 0,73 ha;
 - Đất công trình giao thông: 0,41 ha;
 - Đất công trình thủy lợi: 0,70 ha.
- * Chu chuyển tăng: 1,86 ha do đất chưa sử dụng chuyển sang.

3.3.2. Kế hoạch sử dụng đất phi nông nghiệp

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất phi nông nghiệp của thành phố Hà Tĩnh dự kiến là 9.148,71 ha chiếm 41,58% diện tích tự nhiên, thực tăng 689,07 ha so với năm 2024, chi tiết các loại đất trong đất phi nông nghiệp biến động như sau:

***Đất ở tại nông thôn:**

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất ở tại nông thôn của thành phố Hà Tĩnh dự kiến là 1.405,09 ha chiếm 6,39% tổng diện tích tự nhiên, thực giảm 222,99 ha so với năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 1.287,59 ha;
- * Chu chuyển tăng: 117,54 ha, lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 84,26 ha;
 - Đất trồng cây hằng năm khác: 6,90 ha;
 - Đất trồng cây lâu năm: 12,45 ha;
 - Đất rừng sản xuất: 0,49 ha;
 - Đất nuôi trồng thủy sản: 0,66 ha;
 - Đất xây dựng cơ sở văn hóa: 0,15 ha;
 - Đất công trình giao thông: 2,74 ha;
 - Đất công trình thủy lợi: 1,53 ha;
 - Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 0,16 ha;
 - Đất có mặt nước chuyên dùng: 0,08 ha;
 - Đất chưa sử dụng: 8,12 ha.
- * Chu chuyển giảm: 340,53 ha, do chuyển sang các loại đất sau:
 - Đất ở tại đô thị: 332,33 ha; một phần do các xã thuộc thành phố Hà Tĩnh chuyển thành phường.

- Đất xây dựng cơ sở văn hóa: 0,02 ha;
- Đất xây dựng cơ sở y tế: 0,61 ha;
- Đất thương mại, dịch vụ: 2,00 ha;
- Đất công trình giao thông: 5,37 ha;
- Đất công trình thủy lợi: 0,15 ha;
- Đất tôn giáo: 0,05 ha.

***Đất ở tại đô thị:**

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất ở tại đô thị của thành phố Hà Tĩnh dự kiến là 1.026,75 ha chiếm 4,67% tổng diện tích tự nhiên, thực tăng 468,92 ha so với năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 552,41 ha;

* Chu chuyển tăng: 474,34 ha, lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa: 111,16 ha;
- Đất trồng cây hằng năm khác: 5,10 ha;
- Đất trồng cây lâu năm: 9,58 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản: 1,46 ha;
- Đất ở tại nông thôn: 332,33 ha; một phần do các xã thuộc thành phố Hà

Tĩnh chuyển thành phường;

- Đất xây dựng cơ sở văn hóa: 0,23 ha;
- Đất công trình giao thông: 0,76 ha;
- Đất công trình thủy lợi: 0,04 ha;
- Đất chưa sử dụng: 13,68 ha.

* Chu chuyển giảm: 5,42 ha, do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 0,57 ha;
- Đất xây dựng cơ sở văn hóa: 0,03 ha;
- Đất xây dựng cơ sở y tế: 0,49 ha;
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,05 ha;
- Đất công trình giao thông: 4,83 ha;
- Đất công trình thủy lợi: 0,02 ha.

***Đất xây dựng trụ sở cơ quan:**

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan của thành phố Hà Tĩnh dự kiến là 48,15 ha chiếm 0,22% tổng diện tích tự nhiên, thực giảm 0,18 ha so với năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 46,68 ha;

* Chu chuyển tăng: 1,47 ha, lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa: 1,42 ha;
- Đất trồng cây hằng năm khác: 0,05 ha.

* Chu chuyển giảm: 1,65 ha, do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất an ninh: 0,48 ha;
- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 0,19 ha;
- Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao: 0,04 ha;
- Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác: 0,15 ha;
- Đất thương mại, dịch vụ: 0,98 ha.

***Đất quốc phòng:**

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất quốc phòng của thành phố Hà Tĩnh dự kiến là 21,16 ha chiếm 0,10%, tăng 5,02 ha so với kế hoạch năm 2024

* Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 16,14 ha;

* Chu chuyển tăng 5,02 ha do đất rừng phòng hộ chuyển sang.

***Đất an ninh:**

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất an ninh của thành phố Hà Tĩnh dự kiến là 18,60 ha chiếm 0,08% tổng diện tích tự nhiên, thực tăng 5,33 ha so với năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 13,27 ha;

* Chu chuyển tăng: 5,33 ha, lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa: 1,80 ha;
- Đất trồng cây hằng năm khác: 0,73 ha;
- Đất trồng cây lâu năm: 0,15 ha;
- Đất làm muối: 0,20 ha;
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,48 ha;
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 1,88 ha;
- Đất công trình giao thông: 0,02 ha;
- Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin: 0,02 ha;
- Đất chưa sử dụng: 0,05 ha.

***Đất thương mại, dịch vụ:**

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất thương mại, dịch vụ của thành phố Hà Tĩnh dự kiến là 199,20 ha chiếm 0,91% tổng diện tích tự nhiên, thực tăng 100,71 ha so với năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 98,49 ha;
- * Chu chuyển tăng: 100,71 ha, lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 11,77 ha;
 - Đất trồng cây hằng năm khác: 36,67 ha;
 - Đất rừng phòng hộ: 6,55 ha;
 - Đất rừng sản xuất: 11,20 ha;
 - Đất nuôi trồng thủy sản: 13,08 ha;
 - Đất làm muối: 3,20 ha;
 - Đất nông nghiệp khác: 0,73 ha;
 - Đất ở tại nông thôn: 2,00 ha;
 - Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,98 ha;
 - Đất công trình giao thông: 1,34 ha;
 - Đất công trình thủy lợi: 0,05 ha;
 - Đất tín ngưỡng: 0,09 ha;
 - Đất có mặt nước chuyên dùng: 1,00 ha;
 - Đất chưa sử dụng: 11,75 ha.

*** Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:**

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp của thành phố Hà Tĩnh dự kiến là 96,16 ha chiếm 0,44% tổng diện tích tự nhiên, thực tăng 1,34 ha so với năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 95,96 ha;
- * Chu chuyển tăng: 1,70 ha, lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng cây lâu năm: 0,20 ha;
 - Đất cụm công nghiệp: 1,14 ha.

*** Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản:**

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản của thành phố Hà Tĩnh dự kiến là 503,40 ha chiếm 2,29 % tổng diện tích tự nhiên, diện tích không đổi so với năm 2024.

*** Đất công trình giao thông:**

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất công trình giao thông của thành phố Hà Tĩnh dự kiến là 2.589,20 ha chiếm 11,77% tổng diện tích tự nhiên, thực tăng 184,29 ha so với năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 2.392,97 ha;

* Chu chuyển tăng: 196,23 ha, lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa: 111,26 ha;
- Đất trồng cây hằng năm khác: 23,10 ha;
- Đất trồng cây lâu năm: 11,39 ha;
- Đất rừng phòng hộ: 0,50 ha;
- Đất rừng sản xuất: 2,05 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản: 15,16 ha;
- Đất nông nghiệp khác: 0,41 ha;
- Đất ở tại nông thôn: 5,37 ha;
- Đất ở tại đô thị: 4,83 ha;
- Đất cụm công nghiệp: 0,08 ha;
- Đất công trình thủy lợi: 5,83 ha;
- Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá: 0,16 ha;
- Đất có mặt nước chuyên dùng dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 1,23 ha;
- Đất chưa sử dụng: 14,86 ha.

* Chu chuyển giảm: 11,94 ha, do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất nuôi trồng thủy sản: 0,50 ha;
- Đất ở tại nông thôn: 2,74 ha;
- Đất ở tại đô thị: 0,76 ha;
- Đất an ninh: 0,02 ha;
- Đất xây dựng cơ sở y tế: 0,65 ha;
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,47 ha;
- Đất thương mại, dịch vụ: 1,34 ha;
- Đất công trình thủy lợi: 5,32 ha;
- Đất công trình xử lý chất thải: 0,02 ha;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng: 0,12 ha;

***Đất công trình thủy lợi:**

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất công trình thủy lợi của thành phố Hà Tĩnh dự kiến là 784,07 ha chiếm 3,56% tổng diện tích tự nhiên, thực tăng 65,51 ha so với năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 711,03 ha;
- * Chu chuyển tăng: 73,04 ha, lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 9,05 ha;
 - Đất trồng cây hằng năm khác: 9,67 ha;
 - Đất trồng cây lâu năm: 3,90 ha;

- Đất rừng sản xuất: 3,00 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản: 18,71 ha;
- Đất nông nghiệp khác: 0,70 ha;
- Đất ở tại nông thôn: 0,15 ha;
- Đất ở tại đô thị: 0,02 ha;
- Đất công trình giao thông: 5,32;
- Đất có mặt nước chuyên dùng dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 2,00 ha;
- Đất chưa sử dụng: 20,52.

* Chuyển giảm 7,53 ha, do chuyển sang các loại đất:

- Đất ở tại nông thôn: 1,53 ha;
- Đất ở tại đô thị: 0,04 ha;
- Đất xây dựng cơ sở y tế: 0,08 ha;
- Đất thương mại, dịch vụ: 0,05 ha;
- Đất công trình giao thông: 5,83 ha.

*** Đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên:**

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên của thành phố Hà Tĩnh dự kiến là 10,74 ha chiếm 0,05% tổng diện tích tự nhiên, diện tích không đổi so với năm 2024.

*** Đất công trình xử lý chất thải:**

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất công trình xử lý chất thải của thành phố Hà Tĩnh dự kiến là 6,19 ha chiếm 0,03% tổng diện tích tự nhiên, thực tăng 2,60 ha so với năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 3,59 ha;
- * Chuyển tăng: 2,60 ha, lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 0,76 ha;
 - Đất nuôi trồng thủy sản: 0,08 ha;
 - Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao: 0,78 ha;
 - Đất công trình giao thông: 0,02 ha;
 - Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá: 0,38 ha;
 - Đất có mặt nước chuyên dùng dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 0,46 ha;
 - Đất chưa sử dụng: 0,12 ha.

*** Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng:**

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng của thành phố Hà Tĩnh dự kiến là 7,78 ha chiếm 0,04% tổng diện tích tự nhiên, thực tăng 0,74 ha so với năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 7,04 ha;
- * Chu chuyển tăng: 0,74 ha, lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 0,62 ha;
 - Đất trồng cây hằng năm khác: 0,03 ha;
 - Đất trồng cây lâu năm: 0,02 ha;
 - Đất làm muối: 0,02 ha;
 - Đất chưa sử dụng: 0,05 ha.

*** Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin:**

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin của thành phố Hà Tĩnh dự kiến là 2,98 ha chiếm 0,01% tổng diện tích tự nhiên, thực tăng 0,39 ha so với năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 2,57 ha;
- * Chu chuyển tăng: 0,41 ha, lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 0,25 ha;
 - Đất trồng cây hằng năm khác: 0,16 ha.
- * Chu chuyển giảm: 0,02 ha, do chuyển sang các loại đất sau:
 - Đất an ninh: 0,02 ha.

*** Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối:**

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất chợ dân sinh, chợ đầu mối của thành phố Hà Tĩnh dự kiến là 14,56 ha chiếm 0,07% tổng diện tích tự nhiên, diện tích không đổi so với năm 2024.

*** Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng:**

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng của thành phố Hà Tĩnh dự kiến là 86,31 ha chiếm 0,39% tổng diện tích tự nhiên, thực tăng 27,79 ha so với năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 58,44 ha;
- * Chu chuyển tăng: 27,87 ha, lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa: 15,02 ha;
- Đất trồng cây hằng năm khác: 6,00 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản: 1,37 ha;
- Đất xây dựng cơ sở văn hóa: 0,09 ha;
- Đất công trình giao thông: 0,12 ha;
- Đất chưa sử dụng: 5,27 ha.

* Chu chuyển giảm: 0,08 ha, do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao: 0,08 ha.

*** Đất tôn giáo:**

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất tôn giáo của thành phố Hà Tĩnh dự kiến là 35,95 ha chiếm 0,16% tổng diện tích tự nhiên, thực tăng 0,30 ha so với năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 35,24 ha;
- * Chu chuyển tăng: 0,30 ha, lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng cây hằng năm khác: 0,20 ha;
 - Đất trồng cây lâu năm: 0,05 ha;
 - Đất ở tại nông thôn: 0,05 ha.

*** Đất tín ngưỡng:**

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất tín ngưỡng của thành phố Hà Tĩnh dự kiến là 53,22 ha chiếm 0,24% tổng diện tích tự nhiên, thực tăng 0,49 ha so với năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 52,64 ha;
- * Chu chuyển tăng: 0,58 ha, lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng cây lâu năm: 0,41 ha;
 - Đất chưa sử dụng: 0,17 ha.
- * Chu chuyển giảm: 0,09 ha do chuyển sang đất thương mại dịch vụ.

*** Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt:**

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt của thành phố Hà Tĩnh dự kiến là 345,81 ha chiếm 1,57% tổng diện tích tự nhiên, thực giảm 0,12 ha so với năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 345,77 ha;
- * Chu chuyển tăng: 0,04 ha, lấy từ các loại đất chưa sử dụng.

* Chu chuyển giảm: 0,16 ha, do chuyển sang đất ở tại nông thôn

*** Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá:**

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá của thành phố Hà Tĩnh dự kiến là 312,60 ha chiếm 1,42% tổng diện tích tự nhiên, giảm 1,62 ha so với năm 2024.

Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 312,60 ha;

* Chu chuyển giảm: 1,62 ha, do các loại đất khác chuyển sang:

- Đất ở tại nông thôn: 0,08 ha;

- Đất thương mại dịch vụ: 1,00 ha;

- Đất công trình giao thông: 0,16 ha;

- Đất công trình xử lý chất thải: 0,38 ha.

*** Đất có mặt nước chuyên dùng dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối:**

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất có mặt nước chuyên dùng dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối của thành phố Hà Tĩnh dự kiến là 1.062,70 ha chiếm 4,83% tổng diện tích tự nhiên, thực tăng 1,80 ha so với năm 2024. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 1.057,21 ha;

* Chu chuyển tăng: 5,49 ha, lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa: 1,44 ha;

- Đất trồng cây lâu năm: 0,54 ha;

- Đất nuôi trồng thủy sản: 0,42 ha;

- Đất chưa sử dụng: 3,09 ha.

* Chu chuyển giảm: 3,69 ha, do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất công trình giao thông: 1,23 ha;

- Đất công trình thủy lợi: 2,00 ha;

- Đất công trình xử lý chất thải: 0,46 ha.

*** Đất phi nông nghiệp khác:**

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất phi nông nghiệp khác của thành phố Hà Tĩnh dự kiến là 0,29 ha chiếm 0,1% tổng diện tích tự nhiên, diện tích không đổi so với năm 2024

3.4. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

Năm 2025 thành phố Hà Tĩnh dự kiến đưa 84,70 ha đất chưa sử dụng vào sử

dụng cho các mục đích xây dựng hạ tầng kỹ thuật, phát triển các khu dịch vụ thương mại,... Diện tích đất chưa sử dụng của thành phố đến năm 2025 là 1.274,08 ha.

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
1	Đất nông nghiệp	NNP	4,92
1.1	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	3,06
1.2	Đất nông nghiệp khác	NKH	1,86
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	79,78
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	8,12
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	13,68
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	
2.4	Đất quốc phòng	CQP	
2.5	Đất an ninh	CAN	0,05
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	2,06
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,07
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	1,99
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	11,75
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	11,75
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	
2.8	Đất có mục đích công cộng	CCC	40,82
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	14,86
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	20,52
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	0,12
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	0,05
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	5,27
2.9	Đất tôn giáo	TON	
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	0,17
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	0,04
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	3,09
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	
2.12.2	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	3,09

(Chi tiết diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch 2025 phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã được thể hiện trong biểu 18/CH kèm theo)

3.5. Diện tích các loại đất cần thu hồi

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố, diện tích cần phải thu hồi là 482,00 ha, trong đó: diện tích đất nông nghiệp cần phải thu hồi là 445,87 ha; diện tích đất phi nông nghiệp cần phải thu hồi là 36,13 ha, cụ thể các loại đất cần thu hồi như sau:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
1	Đất nông nghiệp	NNP	445,87
1.1	Đất trồng lúa	LUA	318,61
1.1.1	<i>Đất chuyên trồng lúa</i>	LUC	313,54
1.1.2	<i>Đất trồng lúa còn lại</i>	LUK	5,07
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	50,96
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	26,18
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	5,52
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	5,54
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	37,83
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	
1.9	Đất làm muối	LMU	0,22
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	1,01
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	36,13
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	6,34
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	4,86
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,63
2.4	Đất quốc phòng	CQP	
2.5	Đất an ninh	CAN	
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	3,16
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,25
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	2,13
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	0,78
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	0,08
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	0,08
2.8	Đất có mục đích công cộng	CCC	16,59
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	9,11
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	7,46
2.8.3	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,02
2.9	Đất tôn giáo	TON	
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	0,16
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	4,31
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	0,62

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
2.12.2	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	3,69
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	

(Chi tiết diện tích các loại đất cần thu hồi trong năm kế hoạch 2025 phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã được thể hiện trong biểu 19/CH kèm theo).

3.6. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

Trong kỳ kế hoạch 2025, để đáp ứng cho các nhu cầu sử dụng đất trong kế hoạch, tổng diện tích đất nông nghiệp phải chuyển sang mục đích phi nông nghiệp của toàn thành phố là 609,79 ha, được phân bổ chi tiết như sau:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	609,79
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	392,22
	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK/PNN	89,30
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	40,69
1.3	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	12,07
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	16,74
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>	
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	53,51
1.7	Đất chăn nuôi tập trung	CNT/PNN	
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN	3,42
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	1,84
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		
2.1	Chuyển đất trồng lúa sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	LUA/NKR	
2.2	Chuyển đất rừng đặc dụng sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RDD/NKR	
2.3	Chuyển đất rừng phòng hộ sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RPH/NKR	
2.4	Chuyển đất rừng sản xuất sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RSX/NKR	
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/NKR</i>	
3	Chuyển các loại đất khác sang đất chăn nuôi tập trung khi thực hiện các dự án chăn nuôi tập trung quy mô lớn	MHT/CNT	
4	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp		8,20
4.1	Chuyển đất phi nông nghiệp được quy định tại Điều 118 sang các loại đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 119 hoặc Điều 120 của Luật này	MHT/PNC	2,15
4.2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển	MHT/OCT	4,66

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
	sang đất ở		
4.3	Chuyển đất xây dựng công trình sự nghiệp sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	MHT/CSK	
4.4	Chuyển đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	MHT/CSK	1,39
4.5	Chuyển đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại, dịch vụ sang đất thương mại, dịch vụ	MHT/TMD	

(Chi tiết diện tích các loại đất cần thu hồi trong năm kế hoạch 2025 phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã được thể hiện trong biểu 20/CH kèm theo).

3.7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 có tổng số 248 công trình, dự án trong đó:

- Chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất 2024 sang kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 223 công trình, dự án;
- Đăng ký mới năm 2025 là 28 công trình, dự án (trong đó 25 công trình, dự án đăng ký mới và 03 công trình, dự án đăng ký bổ sung diện tích).

(Chi tiết tại Biểu 25/CH).

3.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất

3.8.1. Cơ sở tính toán

Việc tính toán các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Hà Tĩnh - tỉnh Hà Tĩnh được dựa trên các căn cứ chính sau:

- Luật Đất đai 2024 ngày 18/01/2024;
- Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 31/8/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc ban hành mức tỷ lệ phần trăm (%) đơn giá thuê đất trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh và Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND ngày 14/7/2016 về việc bổ sung, sửa đổi một số điều của Quyết định 64/2014/QĐ-UBND;
- Quyết định số 61/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc ban hành Quy định Bảng giá các loại đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Quyết định 23/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về bảng giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;
- Quyết định số 08/2024/QĐ-UBND ngày 04/6/2024 của UBND tỉnh Hà

Tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về Bảng giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 61/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh;

- Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 24/10/2024 của UBND tỉnh Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

3.8.2. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai

- *Dự kiến các khoản thu:* bao gồm thu từ việc giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cho thuê đất, phí và lệ phí sử dụng đất,...

- *Dự kiến các khoản chi:* bao gồm chi cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

3.8.3. Kết quả tính toán

Ước tính cân đối thu chi từ đất trên địa bàn huyện trong năm kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 1.268.200.000.000 đồng (Một nghìn hai trăm sáu mươi tám tỷ, hai trăm triệu đồng).

Cân đối thu chi trong kỳ kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố Hà Tĩnh

TT	Hạng mục	Thành tiền (tỷ đồng)
I	Các khoản thu	3.753,96
1	- Thu tiền từ đất ở nông thôn	963,75
2	- Thu tiền từ đất ở đô thị	2.453,76
3	- Thu tiền từ cho thuê đất thương mại, dịch vụ	336,45
II	Các khoản chi	2.485,76
1	- Khi thu hồi đất trồng lúa	1.039,46
2	- Khi thu hồi đất trồng cây hằng năm khác	212,64
3	- Khi thu hồi đất trồng cây lâu năm	31,26
4	- Khi thu hồi đất rừng sản xuất	3,09
5	- Khi thu hồi đất nuôi trồng thủy sản	24,26
6	- Khi thu hồi đất ở nông thôn	610,00
7	- Khi thu hồi đất ở đô thị	565,04
	Cân đối thu - chi (I - II)	1.268,20

PHẦN IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

- Không nên sử dụng quá nhiều phân hoá học, thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp, tích cực cải tạo làm giàu đất, chống ô nhiễm môi trường đất.

- Xác định ranh giới và công khai diện tích trồng lúa của các xã, khoanh định ranh giới diện tích trồng lúa có chất lượng cần được bảo vệ nghiêm ngặt, hạn chế tối đa việc chuyển đất lúa sang các mục đích khác.

- Có chính sách cải tạo đất chưa sử dụng để mở rộng diện tích đất nông nghiệp, lâm nghiệp nhằm tăng diện tích đất sản xuất nông nghiệp và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Tăng đầu tư hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo lợi ích cho các xã giữ nhiều diện tích trồng lúa, diện tích rừng phòng hộ, có biện pháp hỗ trợ về giống, vật tư, phân bón để giảm chi phí sản xuất, tăng thu nhập cho người trồng lúa, trồng rừng, tạo mọi điều kiện để người dân yên tâm sản xuất.

- Tăng cường công tác điều tra cơ bản về đất đai: Đo đạc, đánh giá đất, xây dựng cơ sở dữ liệu hệ thống thông tin về đất đai, quản lý chặt chẽ đi đôi với sử dụng hợp lý tài nguyên đất, tài nguyên nước trên địa bàn huyện để phát triển bền vững.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục mọi người dân có ý thức trong việc sử dụng đất tiết kiệm, có hiệu quả và bảo vệ môi trường.

4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Tiếp tục duy trì và cân đối nguồn thu ngân sách từ đất đai để hoàn thiện xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai phục vụ công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện.

- Sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và tranh thủ các nguồn vốn hợp pháp từ các chương trình, dự án của Chính phủ và các tổ chức phi Chính phủ để đầu tư cho các cơ sở hạ tầng như: Giao thông, thủy lợi, xây dựng cơ bản, trường học, y tế... cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

- Tăng cường kêu gọi, thu hút vốn đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài địa phương để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội có liên quan đến quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Huy động tối đa các nguồn vốn sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng từ vốn ngân sách, vốn của doanh nghiệp, vốn liên doanh liên kết, vốn đầu tư của nước ngoài, vốn tự có của nhân dân.

- Các chủ đầu tư của các công trình, dự án cần phải bố trí đủ nguồn vốn để bồi thường đất, hỗ trợ, tái định cư.

- Vận động nhân dân hiến đất, góp vốn, xã hội hóa nguồn vốn để xây dựng các công trình, dự án phục vụ cho mục đích công cộng, dân sinh như: giao thông nông thôn, thủy lợi nội đồng, các khu vui chơi, giải trí nông thôn...

- Thực hiện huy động nguồn lực đất đai, đầu tư bán đấu giá quỹ đất ở các vị trí có lợi thế, khu vực các trục giao thông, trung tâm thị trấn... để tăng nguồn thu ngân sách, tạo việc làm, phát triển thương mại dịch vụ...

4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất

* Giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Sau khi kế hoạch sử dụng đất thành phố Hà Tĩnh năm 2025 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, sẽ được công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, kết hợp với tuyên truyền, phổ biến pháp luật Đất đai.

- Giao cho các Ban ngành có liên quan trong huyện khẩn trương xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện các định hướng, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội có liên quan trực tiếp đến thành phố trong năm 2025.

- Căn cứ vào kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, các cấp, các ngành ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện các công trình dự án. Huy động tối đa các nguồn vốn cho sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng từ vốn ngân sách, vốn của doanh nghiệp, vốn liên doanh liên kết, vốn đầu tư nước ngoài, vốn của nhân dân.

- Có chính sách đền bù hợp lý, thỏa đáng đúng theo quy định của Nhà nước khi chuyển đất nông nghiệp sang sử dụng vào các mục đích khác bằng các biện pháp cụ thể như: Đền bù tiền; hỗ trợ được chuyển sang góp vốn với các đơn vị sử dụng đất thực hiện các công trình dự án; đào tạo nghề, sử dụng lao động đối với những người có đất bị thu hồi.

- Xây dựng Quy chế đấu giá cho từng phiên đấu giá đất đảm bảo quản lý chặt chẽ hồ sơ đấu giá, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, thực hiện nghiêm túc, công khai, minh bạch các thủ tục đấu giá. Nâng cao năng lực cho đội ngũ đấu giá viên; đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trong các phiên đấu giá.

- Xây dựng và thực hiện đồng bộ các phương án quy hoạch có liên quan đến sử dụng đất: Quy hoạch phát triển đô thị, khu đô thị, khu thương mại, dịch vụ... khai thác triệt để cả không gian và chiều sâu trong quá trình sử dụng đất như: Xây đường giao thông với hệ thống cấp thoát nước, truyền dẫn năng lượng, truyền thông...

- Định kỳ hàng năm Ủy ban nhân dân thành phố có báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để phục vụ chương trình kiểm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thực hiện nghiêm chỉnh việc quản lý đất đai theo kế hoạch: Bao gồm việc thẩm định dự án, xét duyệt dự án, thu hồi đất và giao đất phải theo đúng kế hoạch.

* Giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Tổ chức rà soát, lập kế hoạch, quy hoạch để tranh thủ bố trí các nguồn lực đầu tư xây dựng các dự án hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật để kết nối đồng bộ, tạo quỹ đất bán đấu giá, phát triển thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh, tăng nguồn thu cho ngân sách.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với công tác đấu giá quyền sử dụng đất, thuê đất; kịp thời phát hiện và xử lý những hành vi vi phạm trong tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất, thuê đất tránh gây thiệt hại cho Nhà nước, tổ chức và nhân dân.

- Quản lý chặt chẽ, thanh tra, kiểm tra, giám sát thường xuyên việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các loại đất khác, đặc biệt là chuyển sang đất phi nông nghiệp.

- Cương quyết, hạn chế và nhanh chóng chấm dứt việc giao đất đầu tư xây dựng trong khi chưa có các kế hoạch cụ thể để thực hiện đầu tư hạ tầng. Đây là tình trạng dễ dẫn đến việc xây dựng các khu dân cư không hoàn chỉnh, gây ra những tổn hại về môi trường do thiếu công trình cơ sở hạ tầng.

- Phát huy cơ chế giám sát cộng đồng, cơ chế giám sát độc lập từ khâu chủ trương đến khâu đánh giá kết quả. Kết quả giám sát, đánh giá độc lập này phải được xem là bắt buộc trong quá trình xét duyệt đầu tư công.

4.4. Các giải pháp khác

- Tổ chức quản lý, giám sát chặt chẽ quy hoạch xây dựng, quy hoạch phát triển các khu kinh tế của huyện; có chính sách khuyến khích thu hút đầu tư, tạo môi trường thuận lợi để triển khai các dự án đô thị, khu dân cư và các dự án khác

trên địa bàn mới quy hoạch.

- Quản lý, giám sát chặt chẽ việc sử dụng đất của các cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp trên địa bàn thành phố và các khu đô thị, nông thôn.

- Quan tâm và giải quyết các chính sách đền bù giải phóng mặt bằng khi thu hồi đất của nhân dân, giải quyết tranh chấp đất đai theo đúng quy định của pháp luật, chuyển mục đích sử dụng đất theo phương án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Có chính sách khuyến khích cải tạo đất chưa sử dụng đưa vào sản xuất nông lâm nghiệp. Bảo vệ đất trồng lúa, khoanh nuôi tái sinh rừng và trồng rừng mới trên đất trống, bảo vệ rừng phòng hộ, cải thiện môi trường sinh thái.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Kế hoạch sử dụng đất thành phố Hà Tĩnh được xây dựng trên cơ sở nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các cấp từ các phòng, ban cũng như trên địa bàn từng xã, phường; các thông tin và nhu cầu sử dụng đất đã thu thập được điều tra, khảo sát trên thực địa đến từng công trình và được cân đối với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong cùng giai đoạn quy hoạch từ đó tính toán, cân đối nhu cầu sử dụng đất đai, đảm bảo lợi ích hài hòa và sự phát triển vì vậy các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất đã đưa ra những định hướng cụ thể trong việc khai thác tài nguyên đất phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của thành phố; đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, khoa học, có hiệu quả cao và bảo vệ môi trường sinh thái.

Phương án xây dựng kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố Hà Tĩnh được thực hiện đúng theo tinh thần của Luật Đất đai 2024; Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ban hành ngày 12/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường nên đảm bảo tính khoa học và thực tiễn.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố đã tổng hợp đầy đủ nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các đối tượng trên địa bàn trên quan điểm sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm, đảm bảo tính khoa học. Do đó, kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện sẽ đảm bảo tính khả thi, đầy đủ, hiệu quả và đáp ứng tốt cho nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của huyện trong giai đoạn tiếp theo.

Phương án xây dựng kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố Hà Tĩnh chú trọng phân bổ đất đai cho các mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển sản xuất công nghiệp, dịch vụ, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng đô thị và khu dân cư vùng nông thôn để bố trí phát triển toàn diện các lĩnh vực kinh tế - xã hội, khai thác triệt để tài nguyên đất đai theo hướng sử dụng đất bền vững.

2. Kiến nghị

Để đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và sử dụng đất, tạo điều kiện phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong sử dụng đất, UBND thành phố Hà Tĩnh kiến nghị:

Đề nghị UBND tỉnh Hà Tĩnh sớm phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Hà Tĩnh để UBND thành phố có cơ sở thực hiện vai trò quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn thành phố góp phần đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Đề nghị UBND tỉnh, các sở, ban, ngành có chính sách đầu tư thỏa đáng tạo điều kiện cho thành phố phát huy tiềm năng nội lực; tranh thủ thu hút nguồn đầu tư từ bên ngoài nhằm thực hiện tốt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện nói chung, sự chuyển dịch cơ cấu các loại đất nói riêng theo quan điểm sử dụng đất đầy đủ, tiết kiệm, hiệu quả, đảm bảo thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra và ngày càng nâng cao đời sống nhân dân.

Ưu tiên dành đất cho các nhu cầu bắt buộc nhằm phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng trên cơ sở ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sử dụng đất bền vững.